

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**  
-----óóóó-----

**TRẦN HỮU HUY**

**CHIẾN DỊCH ĐƯỜNG 9 – KHE SANH XUÂN**  
**– HÈ 1968**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ**

**HÀ NỘI, NĂM 2008**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Để hoàn thành bản luận văn này, tôi đã khai thác và sử dụng kết quả của các công trình đã được công bố trong phạm vi cho phép, nhưng không sao chép một cách thiếu trung thực. Tôi xin cam đoan đây là công trình của tôi, nhiều kết quả của luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

*Ngày 15 tháng 11 năm 2007*

**Tác giả luận văn**

**Trần Hữu Huy**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh Xuân - Hè 1968 là một chiến dịch lớn. Đây là lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chúng ta sử dụng nhiều binh chủng hợp thành (gồm bộ binh - pháo binh - cao xạ - xe tăng - công binh - đặc công - hải quân), tiến công trực tiếp vào tuyến phòng ngự vững chắc của địch, chủ yếu là của quân Mỹ ở nam giới tuyến quân sự tạm thời, trực tiếp giao chiến với các đơn vị mạnh của quân Mỹ ( Sư đoàn Kỵ binh không vận số 1, Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3...).

Trải qua gần 6 tháng chiến đấu (từ 20-1-1968 đến 15-7-1968), chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã kết thúc thắng lợi, góp phần quan trọng làm phá sản chiến lược "*chiến tranh cục bộ*" của đế quốc Mỹ: Đây là đòn nghi binh chiến lược cho cuộc tập kích của ta vào các đô thị trên toàn miền Nam; nơi thu hút và giam chân một lực lượng lớn quân Mỹ; phá vỡ một phần tuyến phòng ngự vững chắc của địch ở nam giới tuyến quân sự tạm thời, phá tan hàng rào điện tử Mắc Na-ma-ra (Mc Namara); gây nên sự hoang mang, lo sợ cho chính quyền và giới quân sự Mỹ; góp phần làm cho làn sóng phản chiến của nhân dân Mỹ dâng cao mạnh mẽ... Hơn thế nữa, những bài học - kinh nghiệm chiến đấu rút ra từ chiến dịch này cũng có những giá trị lớn cho cuộc chiến đấu trong giai đoạn về sau và nó vẫn còn nguyên giá trị cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân của chúng ta hiện nay, góp phần làm giàu thêm khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đi sâu nghiên cứu chiến dịch này sẽ cho ta thấy được sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta mà đứng đầu là Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương trong việc điều hành chiến tranh, cụ thể là về điều hành quân sự.

Trong khoảng thời gian đã trôi qua, có nhiều công trình, bài báo đề cập đến chiến dịch lịch sử này. Tuy nhiên, ở nước ta, cho đến nay, vẫn chưa có công trình chuyên khảo đi sâu phân tích, dựng lại sự kiện Đường số 9 - Khe

Sanh xảy ra hơn 40 năm trước đây. Ngay trong số các tướng lĩnh, các nhà khoa học ở Việt Nam, khi đề cập đến chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh cũng còn có nhiều quan điểm chưa thống nhất. Phần lớn các ý kiến đều cho rằng chiến dịch này là một thắng lợi lớn của ta nhưng lại không chỉ rõ ra được những khó khăn, hạn chế, và cả những tổn thất mà chúng ta gặp phải trong suốt quá trình chiến đấu. Một số ý kiến thì chỉ nhìn nhận vào những hạn chế, tổn thất của ta, chưa có cái nhìn bao quát, thoả đáng nên cho rằng:

*Trong chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh ta dùng cùng một lúc 5 trung đoàn pháo binh để đánh vào hầu hết các căn cứ địch, tất nhiên chúng phải cân nhắc cẩn thận trước khi hành động. Hệ quả là sau 10 ngày, tức ngày ta tiến công vào các thành phố, địch vẫn chưa điều động quân lên Đường số 9 - Khe Sanh, ngược lại chúng tập trung quân ở các căn cứ gần thành phố. Với lực lượng sẵn sàng chiến đấu cao để điều động lên rừng, chúng quay vào giải toả cho các thành phố. Như vậy, chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh không tạo được điều kiện thuận lợi, ngược lại còn gây khó khăn cho việc ta tiến công vào thành phố [15, tr. 399].*

Trong khi đó, ở nước ngoài, đặc biệt là ở nước Mỹ, đã có những công trình của các nhà sử học, thậm chí là của các tướng lĩnh hay những người lính Mỹ đã từng chiến đấu ở Khe Sanh viết về chiến dịch "đáng nguyên rủa" này, như cách gọi của Tổng thống Mỹ Lin-đơn Giôn-xơn (Lyndon B. Johnson). Do đứng trên những lập trường, quan điểm khác nhau nên các tác giả cũng có những đánh giá khác nhau. Đáng chú ý nhất là ý kiến của tướng Uy-li-am Oét-mo-len (William C. Westmoreland) - Tổng chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam những năm 1965 - 1968, trong cuộc trả lời phỏng vấn năm 1988 (tức là 20 năm sau sự kiện Đường số 9 - Khe Sanh), ông đã trình bày về những quyết định quan trọng của mình trong thời gian ông nắm giữ cương vị Tổng chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở Việt Nam, trong đó ông lấy làm "tự hào nhất về quyết định giữ Khe Sanh" và từ đó ông "đã phá tan ý đồ của Hà Nội" là muốn chiếm lấy hai tỉnh phía bắc Nam Việt Nam để lập ra chính

phủ lâm thời. Như vậy là Oét-mo-len vẫn *không thừa nhận* rằng quân Mỹ đã bị *thất bại* ở Khe Sanh và từ đó, người nghe còn có thể *ngâm hiểu* rằng: theo Oét-mo-len thì *người Mỹ đã chiến thắng*. Còn Giôn Po-ra-đốt (John Prados) - nhà sử học Mỹ đồng thời là nhà phân tích các sự kiện an ninh quốc tế - trong tác phẩm viết về Khe Sanh của mình thì lại khẳng định: "*Hà Nội đã bị đánh bại ở Khe Sanh*" [79, tr. 513]. Tác giả lý giải cho sự thất bại đó là Bắc Việt Nam đã *không chiếm được Khe Sanh* và *đã bị tổn thất rất lớn về lực lượng* trong chiến dịch này. Phản ánh những báo cáo của các Tư lệnh chiến trường liên quan đến cuộc chiến tranh Việt Nam và Hội đồng Tham mưu trường liên quân, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn, trong Hồi ký của mình cho biết: "*Chúng ta cho là bất kỳ hoạt động tiến công phối hợp nào cũng sẽ bao gồm cố gắng lớn để san bằng Khe Sanh; cố gắng ấy đã không thực hiện được vì các hoạt động ném bom của chúng ta*" [31, tr. 159]. Tướng Mỹ Đa-vít-son (Davidson), người phụ trách tình báo trong Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ (MACV), thì lại có nhận xét rằng: "*Các nhà bình luận nghiệp dư quả quyết rằng tiến công Khe Sanh nhằm đánh lạc hướng các lực lượng của Mỹ khỏi các cuộc tiến công vào thành phố Nam Việt Nam. Điều này rõ ràng là chẳng có ý nghĩa nào cả. Chẳng có một ông tướng nào lại sử dụng 2 hoặc 3 sư đoàn (32.000 - 40.000 người) để đánh lạc hướng một trung đoàn lính thủy đánh bộ (khoảng 4.000 người)*" [28, tr. 170]. Trái ngược với quan điểm trên, một số học giả Mỹ lại cho rằng tướng Oét-mo-len đã bị "đánh lừa" để đưa lực lượng lên vùng rừng núi, như Kít-xinh-giơ (Kissinger - cố vấn an ninh quốc gia và sau này là Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ trong chính quyền của Tổng thống R. Ních-xơn) đã nói: "*Hà Nội đã "chơi trò đấu bò", lừa con bò tót Mỹ hung dữ ra vòng ngoài rồi dùng lực lượng quân sự của họ bất thần đánh ập vào toàn bộ các đô thị phía trong là nơi Mỹ sơ hở, làm cho bộ chỉ huy Mỹ không kịp trở tay*" [39, tr. 587]. Nhà báo Mỹ Nây Si-han (Neil Sheehan) cũng đồng tình với quan điểm đó: "*Khe Sanh là mồi lừa lớn nhất trong cuộc chiến tranh này. Những người cộng sản Việt Nam không hề có ý định làm một Điện Biên Phủ thứ hai ở đây.*"

Mục tiêu của họ là Westmoreland chứ không phải là pháo đài bị bao vây. Chỗ ấy chỉ là một cái bẫy làm viên tướng tổng chỉ huy không ngờ đến mục đích thật sự. Những người có trách nhiệm ở Hà Nội biết rất rõ không thể lặp lại với người Mỹ điều mà họ làm có kết quả với người Pháp" [56, tr. 844]. Theo dõi về chiến sự ở Đường số 9 - Khe Sanh và cuộc tiến công bất ngờ của ta vào các đô thị ở miền Nam vào dịp Tết Mậu Thân 1968, nhà sử học Mỹ Mai-con Mác-lia nhận xét: "Nhưng rồi các trận đánh trong Tết Mậu Thân làm người ta có cảm tưởng rằng Khe Sanh có vẻ như là cuộc bao vây để đẩy mà thôi. Nếu vậy thì Bắc Việt Nam là bậc thầy trong việc nghi binh" [41, tr. 149]. Phản ánh những quan điểm, những ý kiến trái ngược nhau trong suốt diễn biến của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh ngày ấy, cũng như nhiều năm sau đó, khi cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc, Mai-con Mác-lia đã khẳng định: "Khe Sanh trở thành trận đánh được bàn cãi nhiều nhất trong cuộc chiến tranh này". Tuy nhiên, những đánh giá, nhận định trên đây chưa phản ánh được đúng đắn, toàn diện, thậm chí là lệch lạc về chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh. Một điểm chung trong cách nhìn nhận, đánh giá của các tướng lĩnh, học giả Mỹ là họ chủ yếu chỉ nhìn nhận về tình hình chiến sự ở Khe Sanh (hướng phía tây của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh), mà họ thường gọi là trận Khe Sanh; họ không nhìn nhận nó trong cả chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh (bao gồm cả 2 hướng Đông và Tây).

Chính vì những lí do trên đây mà tôi đã chọn **Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh Xuân - Hè 1968** làm đề tài cho bản luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ sử học của mình.

## 2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Cho đến nay, đã có nhiều công trình của các tác giả ở cả trong và ngoài nước đề cập đến chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, đáng chú ý nhất là một số tác phẩm:

Tác phẩm "*Chiến dịch tiến công Đường số 9 - Khe Sanh* (Xuân - Hè 1968) của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, xuất bản năm 1987. Tác phẩm này trình bày một cách hệ thống về bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và một số kinh nghiệm chiến đấu rút ra từ chiến dịch. Tác phẩm nhìn ở sự khái quát, chưa đi vào chi tiết, cụ thể, đặc biệt là sự lo lắng và đối phó của phía Mỹ, chưa làm rõ được ý nghĩa to lớn của chiến dịch này. Tuy nhiên, đây là một tác phẩm có giá trị tham khảo cao.

Tác phẩm "*Ba mươi năm chiến tranh giải phóng - Những trận đánh đi vào lịch sử*" của tác giả Phạm Huy Dương, Phạm Bá Toàn (đồng chủ biên), do nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 2005. Tác phẩm trình bày một số chiến dịch của Quân đội nhân dân Việt Nam từ 1945 đến 1975, trong đó có chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh. Tuy nhiên, tác phẩm này cũng chỉ dừng lại ở việc mô tả một cách khái quát diễn biến của chiến dịch.

Tác phẩm "*Giải phóng Khe Sanh - Hướng Hoá Mậu Thân 1968*" do nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 1998. Tác phẩm này tập hợp những bài viết, bài phát biểu của một số vị chỉ huy, cũng như của cán bộ, chiến sĩ đã từng tham gia chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh. Ngoài ra, tác phẩm cũng tập hợp nhiều bài viết và phát biểu của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài quân đội nhân dịp kỉ niệm 30 năm chiến thắng của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh và giải phóng huyện Hướng Hoá (1968 - 1998). Các bài viết này đã đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau, qua đó cũng làm rõ phần nào về vai trò, ý nghĩa to lớn của chiến dịch. Nhưng tác phẩm này chỉ đề cập đến chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh một cách riêng lẻ, chưa có sự phân tích hệ thống về toàn bộ chiến dịch. Tác phẩm có giá trị tham khảo tốt.

Tác phẩm "*Sư đoàn 304*", tập 2, do nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 1990. Tác phẩm tường thuật lại quá trình Sư đoàn 304 chiến đấu ở chiến trường miền Nam giai đoạn 1968 - 1975, trong đó có một chương viết về thời gian chiến đấu ở Khe Sanh trong chiến dịch Đường số 9 - Khe

Sanh năm 1968<sup>1</sup>. Tác phẩm đã tường thuật khá chi tiết, cụ thể về những ngày Sư đoàn 304 trực tiếp đánh Mỹ ở Khe Sanh. Tuy nhiên, tác phẩm cũng chủ yếu chỉ đề cập ở phạm vi của Sư đoàn 304 mà chưa đề cập chi tiết đến toàn bộ chiến dịch (gồm nhiều sư đoàn và binh chủng kỹ thuật khác).

Tác phẩm "*Valley of decision - the siege of Khe Sanh*" (*Thung lũng quyết định - Cuộc bao vây ở Khe Sanh* - TG) của Giôn Pơ-ra-đốt (John Prados) và Ray Stubi (Ray W. Stubbe) xuất bản ở New York năm 1991 (đã được chúng tôi lược dịch). Các tác giả đã thu thập được nhiều tư liệu mới, trong đó có cả những tài liệu ghi lại các cuộc nói chuyện của tướng Oét-mo-len với những người cấp dưới, đặc biệt là những cuộc điện đài bí mật giữa tướng Oét-mo-len và tướng Ê-ly Uy-lơ (Early Wheeler) - Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Hoa Kỳ. Những tài liệu ghi lại này đều có nội dung là bàn về sự đối phó của MACV cũng như của giới lãnh đạo chính quyền ở thủ đô Oa-sinh-ton (Washington) về tình hình chiến sự Khe Sanh. Bên cạnh đó, Ray W. Stubbe từng là vị cha tuyên úy chiến đấu ở Khe Sanh từ cuối năm 1967 đến khi Mỹ rút khỏi Khe Sanh ngày 26 - 6 - 1968. Ông đã ghi lại thật chi tiết tình hình chiến sự tại Khe Sanh trong cuốn sổ cá nhân của ông. Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam, ông đã đi tìm và phỏng vấn nhiều lính Mỹ đã từng tham gia cuộc chiến ở mặt trận Đường số 9 - Khe Sanh năm 1968. Tác phẩm này dựng lại khá chi tiết về diễn biến, sự đối phó của Mỹ ở Khe Sanh. Tuy nhiên, tác phẩm này chưa đề cập nhiều về phía quân đội Bắc Việt Nam cũng như chủ trương mở chiến dịch của ta. Bên cạnh đó, do quan điểm của mình mà các tác giả đã cho rằng quân đội Bắc Việt Nam đã bị thất bại trong chiến dịch này. Đây là tác phẩm cũng có giá trị tham khảo cao, nhất là về diễn biến chiến dịch.

Tác phẩm *Việt Nam - Những trận đánh quyết định* của tác giả Pim-lốt (J. Pimlott), do Trung tâm Thông tin Khoa học - Công nghệ - Môi trường Bộ

---

<sup>1</sup> Sư đoàn 304 là đơn vị chủ yếu trực tiếp bao vây và đánh Mỹ ở Khe Sanh trong đó có căn cứ chính của lính Mỹ là Tà Con.



Quốc phòng dịch năm 1997. Tác phẩm viết về nhiều trận đánh có tính chất *quyết định* của hai bên trong cuộc chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975), trong đó có trận đánh Khe Sanh năm 1968. Tác giả đã dựng lại một cách khái quát về diễn biến, đề cập đến sự đối phó của Mỹ và kết quả của trận đánh, từ đó, tác giả đưa ra một số nhận xét, đánh giá theo quan điểm chủ quan của mình. Tác phẩm có giá trị tham khảo tốt.

Ngoài ra, cũng có các công trình khác cả trong và ngoài nước đề cập đến chiến dịch này trên những mặt nhất định.

Những công trình trên là cơ sở quan trọng để chúng tôi tham khảo và kế thừa, đối chiếu và so sánh khi tiếp xúc với những vấn đề có liên quan đến chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh Xuân - Hè 1968. Qua đó, chúng tôi có thể xử lý hiệu quả nguồn tài liệu để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài của mình.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Thông qua việc nghiên cứu chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh nhằm góp phần làm giàu kho tàng lí luận nghệ thuật quân sự Việt Nam (như nghệ thuật nghi binh; nghệ thuật chọn khu vực tác chiến; nghệ thuật hiệp đồng binh chủng; nghệ thuật chọn phương châm tác chiến phù hợp; sử dụng linh hoạt các hình thức tác chiến...); đồng thời, thông qua việc nghiên cứu chiến dịch này để thấy rõ được sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng ta mà đứng đầu là Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương trong điều hành cuộc chiến tranh.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Làm rõ được bối cảnh lịch sử, chủ trương mở chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh của ta; diễn biến chiến dịch; kết quả chiến dịch.

- Nêu bật được ý nghĩa to lớn của chiến dịch.

- Đánh giá, nhận xét về chiến dịch, đưa ra một số bài học - kinh nghiệm chiến đấu.

#### **4. Phạm vi nghiên cứu**

Toàn bộ chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh diễn ra từ ngày 20-1-1968 đến ngày 15-7-1968 ở khu vực Đường số 9 - Bắc Quảng Trị (nam giới tuyển quân sự tạm thời)

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu dựa trên phương pháp lịch sử, phương pháp lôgic, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh và một số phương pháp khác.

#### **6. Nguồn tài liệu nghiên cứu**

- Hệ thống tài liệu văn kiện, Nghị quyết của các cấp chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng, Bộ Chính trị, Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh cũng như của các tỉnh, địa phương được công bố có liên quan.

- Hệ thống các công trình nghiên cứu, biên soạn về chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, về lịch sử các sư đoàn, trung đoàn và các đơn vị khác đã từng tham gia chiến dịch này của trung ương và địa phương đã được xuất bản.

- Các báo cáo, tổng kết có liên quan đến chiến dịch đã được công bố.

- Một số hồi ký, bài viết của các tướng lĩnh, cán bộ chiến sĩ của Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Một số hồi ký, bài viết của các tướng lĩnh, binh sĩ và các nhà nghiên cứu nước ngoài có liên quan.

- Một số bài báo Quân đội nhân dân, Tạp chí lịch sử, Tin Quân sự địch, bài báo của nước ngoài... có liên quan.

#### **7. Bố cục luận văn**

Ngoài phần *mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo* và *phụ lục*, luận văn gồm có 3 chương:

*Chương 1: Bối cảnh*

*Chương 2: Diễn biến chiến dịch*

*Chương 3: Kết quả, ý nghĩa và một số kinh nghiệm.*

### **8. Đóng góp của luận văn**

- Trình bày một cách có hệ thống về toàn bộ chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh; qua đó nêu lên một số nhận xét, đánh giá về ý nghĩa, tầm quan trọng của chiến dịch này trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 nói riêng, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung.

- Làm rõ sự lãnh đạo chủ động, sáng tạo của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương trong việc chỉ đạo chiến tranh, nhất là ở những thời điểm có tính chất quyết định, đồng thời cũng làm rõ tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh của đồng bào, cán bộ và chiến sĩ các đơn vị trực tiếp tham gia chiến dịch.

- Sau khi được Hội đồng chấm luận văn thông qua, đề tài nghiên cứu có thể được sử dụng như là một tài liệu tham khảo cho việc tìm hiểu về chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh Xuân - Hè 1968.

## Chương 1

### BỐI CẢNH

#### 1.1. Bối cảnh và chủ trương mở chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh

##### 1.1.1. Bối cảnh lịch sử chung trước khi ta mở chiến dịch

Đầu năm 1965, trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược *chiến tranh đặc biệt*, Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và quân một số nước đồng minh của Mỹ vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam, đồng thời sử dụng không quân, hải quân tăng cường ném bom bắn phá miền Bắc, thực hiện bước "leo thang" mới trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam: chuyển sang chiến lược *chiến tranh cục bộ*.

Sau hơn 2 năm tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam, Mỹ vẫn không đạt được những mục tiêu đề ra là đánh bại chủ lực Quân giải phóng, không thực hiện được cái gọi là "bẻ gãy xương sống Việt cộng", không giành lại quyền chủ động trên chiến trường để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, rút quân Mỹ và quân đồng minh về nước<sup>1</sup>. Trái lại, Mỹ phải chịu những tổn thất hết sức nặng nề, đặc biệt là qua hai cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967.

Trong mùa khô 1965 - 1966, khi có trong tay hơn 720.000 quân, trong đó quân Mỹ và quân một số nước đồng minh của Mỹ đạt hơn 220.000 quân, địch quyết định mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào 2 hướng trọng điểm là đồng bằng Khu 5 và miền Đông Nam Bộ. Quân dân ta trên toàn miền Nam đã anh dũng chiến đấu, làm thất bại hoàn toàn cuộc phản công của địch. Tổng hợp trong mùa khô này, ta loại khỏi vòng chiến đấu 67.000 địch, trong đó có 3,5 vạn quân Mỹ và quân đồng minh, bắn rơi và phá huỷ 940 máy bay các loại, phá huỷ 600 xe tăng và xe bọc thép, 1.310 ô tô.

---

<sup>1</sup> Sau cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), Mỹ từng tuyên bố là sẽ không đưa lực lượng quân Mỹ vào chiến trường châu Á nữa! Tuy nhiên, do liên tiếp chịu những thất bại nặng nề ở Việt Nam, Mỹ đã bước qua lời nguyên đó. Mỹ cho rằng với ưu thế về lực lượng, hỏa lực, sức cơ động cao thì Mỹ sẽ nhanh chóng thực hiện được những mục tiêu đề ra, và chỉ cần 2 năm đến 2 năm 6 tháng, Mỹ sẽ rút được quân viễn chinh về nước.

Bước sang mùa khô 1966 - 1967, khi lực lượng được tăng cường lên hơn 980.000 quân, trong đó quân Mỹ và quân đồng minh đạt hơn 440.000 quân, Mỹ và chính quyền Sài Gòn quyết định mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai. Rút kinh nghiệm từ thất bại trong cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất, Mỹ tập trung lực lượng đánh vào một hướng trọng điểm là miền Đông Nam Bộ với tất cả 895 cuộc hành quân lớn nhỏ, trong đó có 3 cuộc hành quân then chốt: cuộc hành quân Attonborơ đánh vào chiến khu Dương Minh Châu (từ đầu tháng 11-1966 đến ngày 24-11-1966); cuộc hành quân Xêđaphôn đánh vào Trảng Bàng, Bến Súc, Củ Chi (từ ngày 8 đến ngày 26-1-1967); cuộc hành quân Gianxon Xity đánh vào chiến khu Dương Minh Châu (từ tháng 2 đến ngày 19-4-1967). Mặc dù đã huy động lực lượng lớn quân thiện chiến cùng với các loại phương tiện chiến tranh, vũ khí hiện đại, thực hiện việc "chà đi xát lại" nhiều lần, nhưng một lần nữa, cuộc phản công lần thứ hai bị thất bại còn nặng nề hơn cuộc phản công lần thứ nhất. Trong mùa khô 1966 - 1967, quân dân ta trên toàn miền Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu 175.000 địch, trong đó có 76.000 quân Mỹ và quân đồng minh, bắn rơi và phá huỷ 1.800 máy bay các loại, phá huỷ 1.627 xe tăng và xe bọc thép, 2.107 ô tô. Như vậy, gọng kìm "tìm diệt" của Mỹ bước đầu bị phá sản.

Song song với gọng kìm "tìm diệt" chủ lực Quân giải phóng, Mỹ - chính quyền Sài Gòn thực hiện gọng kìm "bình định" mà lực lượng chủ yếu là quân đội Sài Gòn vào vùng trọng điểm xung quanh Sài Gòn, đồng bằng sông Cửu Long và Khu 5. Chương trình "bình định" thực chất là sự tiếp tục thực hiện quốc sách "áp chiến lược" từ chiến lược "chiến tranh đặc biệt" trước đó nhưng được đẩy mạnh về quy mô và cường độ đánh phá, càn quét nhằm dồn dân vào "ấp tân sinh", "ấp đời mới", triệt phá phần lớn cơ sở cách mạng của ta ở nông thôn để tách lực lượng vũ trang ta ra khỏi sự chở che, đùm bọc của nhân dân. Để đảm bảo cho chương trình "bình định" đạt được mục tiêu đề ra, ngoài các biện pháp quân sự, Mỹ đã chi hàng tỷ đôla viện trợ kinh tế vào những dự án, chương trình phát triển "ấp đời mới", "ấp tân sinh". Mỹ cho

rằng chương trình "bình định" sẽ đóng một vai trò quyết định đến việc "thu phục 18 triệu quả tim và khối óc" ở Nam Việt Nam, đảm bảo cho cuộc chiến tranh giành thắng lợi, nói như Rô-bốt Cô-mơ (Robert Komer) - Phó Đại sứ Mỹ, đặc phái viên của Tổng thống Mỹ về chương trình "bình định" ở Việt Nam, là chương trình này giống như "*một nhát dao đâm vào tim Việt cộng*". Thậm chí trong mùa khô 1966 - 1967, Mỹ đã nâng gọng kìm "bình định" lên song song, ngang tầm với gọng kìm "tìm diệt". Tuy nhiên, kết quả của công cuộc bình định lại đi ngược lại với mục tiêu ban đầu đề ra của Mỹ. Theo đánh giá của chính quyền Sài Gòn, chương trình "bình định" trong năm 1967 chỉ đạt 13% kế hoạch. Ngay tại những nơi được cho là "thành công", lực lượng vũ trang của Việt cộng vẫn còn tồn tại và hoạt động. Trong báo cáo gửi Tổng thống Mỹ Giôn-xơn sau cuộc đi thị sát ở miền Nam, đầu năm 1967, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Na-ma-ra (McNamara) đã cho biết: "*Công tác bình định có lẽ đã thụt lùi. So với 2 hoặc 4 năm trước đây, các lực lượng địa phương thoát ly của địch và các lực lượng du kích nửa thoát ly đã lớn mạnh hơn. Các trận đánh, khủng bố và phá hoại đã tăng cả về cường độ lẫn quy mô. Nhiều đường xe lửa bị đóng và đường bộ bị cắt đứt. Thóc lúa mà người ta chờ đợi đem bán ở ngoài chợ đã không được nhiều. Hạ tầng cơ sở chính trị của Việt cộng lan ra hầu hết đất nước, tiếp tục tạo cho kẻ địch lợi thế tình báo to lớn. Không ở đâu có an ninh hoàn toàn, ngay cả sau phòng tuyến của lính thủy đánh bộ Mỹ và Sài Gòn. Tại nông thôn, hầu như địch kiểm soát hoàn toàn về ban đêm*" [64, tr. 210].

Nhằm hỗ trợ cho chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, Mỹ tăng cường sử dụng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc. Theo con số thống kê, chỉ tính trong năm 1967, địch đã thực hiện 122.960 lần máy bay xuất kích ném 270.000 tấn bom xuống miền Bắc (gấp 9 lần năm 1965). Pháo hạm trên những tàu chiến hải quân Mỹ đã bắn vào vùng ven biển nước ta hàng triệu viên, trong đó, chỉ tính từ ngày 25-10-1967 đến ngày 1-1-1968 là 484.000 viên [7, tr.8]. Mặc dù đã gây ra những hậu quả to lớn cho miền Bắc, nhưng

không quân, hải quân Mỹ không làm nhụt được ý chí chiến đấu của quân và dân ta. Miền Bắc vẫn ổn định sản xuất, tiếp nhận nguồn chi viện từ bên ngoài, tăng cường viện trợ sức người và sức của cho chiến trường miền Nam. Trong 2 năm 1966, 1967, miền Bắc đã đưa vào chiến trường 149.037 quân, động viên hơn 360.000 thanh niên nam nữ vào quân đội, thanh niên xung phong để đáp ứng kịp thời yêu cầu đặt ra cho cuộc kháng chiến. Trong cuộc đọ sức với quân dân miền Bắc, không quân và hải quân Mỹ đã phải chịu những tổn thất nặng nề. Chỉ tính trong năm 1967, miền Bắc đã bắn rơi 1.062 máy bay các loại, bắn trúng, bắn chìm 62 tàu chiến Mỹ, giết và bắt sống hàng ngàn giặc lái. Mất niềm tin vào sức mạnh không quân Mỹ, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mack Na-ma-ra (Mc Namara) phải thú nhận rằng: "*Những cuộc ném bom mới dù kết quả thế nào, Mỹ cũng không thể thắng và rút ngắn được cuộc chiến tranh. Tôi chưa bao giờ nhận được bằng chứng nào chứng minh nếu cứ tăng cường oanh tạc thì giảm được số thiệt hại của lính Mỹ ở Nam Việt Nam, trái lại, tôi thấy bằng chứng ngược lại*" [7, tr. 9]. Phát biểu đó của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đã ngay lập tức bị các nhà quân sự Mỹ, đặc biệt là tướng Uy-lơ - Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân và tướng Oét-mo-len - Tổng chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam phản đối mạnh mẽ. Chính vì thế, Tổng thống Giôn-xon đã yêu cầu phân ban Jason của Cục nghiên cứu tình báo quốc phòng triệu tập nhiều nhà khoa học danh tiếng nghiên cứu độc lập xem xét lại hiệu lực của cuộc oanh tạc chống Bắc Việt Nam. Đến giữa tháng 12-1967, bản báo cáo được đệ trình lên Tổng thống. Bản báo cáo đi đến kết luận rằng:

*Mặc dầu có các việc đánh phá mãnh liệt hệ thống hậu cần của Bắc Việt Nam, các khả năng chế tạo và các kho chứa nhiên liệu, song khả năng của họ (Bắc Việt Nam) kéo dài cuộc chiến tranh ở miền Nam đã gia tăng chứ không bị giảm sút trong khi kế hoạch Sấm Rền tiếp diễn. Việc ngăn chặn bằng đường không để làm giảm luồng cung cấp người và vật liệu từ Bắc vào Nam đã tỏ rõ là ngày càng không có hiệu lực, vì Bắc*

*Việt Nam đã làm cho hệ thống chuyển vận phong phú hơn, giảm về độ lớn song lại gia tăng về số lượng kho chứa hàng và loại trừ các điểm tắc nghẽn [64, tr. 462].*

Rõ ràng, bản nghiên cứu Jason "*đã đi đến một kết luận vô cùng tiêu cực về kết quả của chiến dịch Sấm Rền*", như người viết Tài liệu mật Lầu Năm Góc đã bình luận.

Những thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam đến thời điểm này đã tác động sâu sắc và toàn diện đối với nước Mỹ. Chi phí cho cuộc chiến tranh Việt Nam không ngừng tăng lên. Đến năm 1967, ngân sách của Chính phủ liên bang Hoa Kỳ thâm hụt tới 25,3 tỉ đôla (một con số cao kỉ lục đến lúc đó), trong khi đó cuộc chiến tranh vẫn chưa biết khi nào mới kết thúc. Nhà kinh tế học R. Stê-ven đã cho rằng: "*Sự lãng phí vô trách nhiệm mà chính quyền Giôn-xơn bòn rút từ nền kinh tế Mỹ để chi dùng cho mục đích chiến tranh, đã mở đầu cho một thời kỳ lạm phát nghiêm trọng, đã nhấn chìm nền kinh tế Mỹ*" [59, tr. 9]. Do phải tập trung tiền của, lực lượng đổ vào cuộc chiến tranh Việt Nam nên "chương trình xã hội vĩ đại" mà Tổng thống Giôn-xơn đề ra khi tranh cử tổng thống Mỹ đã không thể thực hiện được. Những cam kết đầu tư, chăm lo về giáo dục, y tế, việc làm... chỉ là "*những câu nói trống rỗng*". Người dân Mỹ đã tự hỏi rằng tại sao nước Mỹ lại đổ người và của đi bảo vệ tự do cho một nước xa xôi bên kia bán cầu, nhằm làm cho đất nước đó "*được hưởng những điều hạnh phúc của thế giới tự do*", trong khi ngay tại nước Mỹ, nạn phân biệt chủng tộc, nghèo đói, bệnh tật, thất học... ngày càng trầm trọng. Tất cả những điều đó đã làm dấy lên phong trào phản đối chiến tranh trong các tầng lớp nhân dân Mỹ. Bước sang năm 1967, phong trào phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam đã bùng lên mạnh mẽ, biến thành những cuộc bạo động quyết liệt tại nhiều thành phố lớn của Mỹ như Giéc-xây, Đi-troa, Mi-si-gân... Chính phủ liên bang phải sử dụng đến quân đội, cảnh sát, xe tăng để lập lại trật tự. Nước Mỹ đang bị chia rẽ sâu sắc không chỉ trong các tầng lớp nhân dân mà còn ngay cả trong nội bộ chính quyền của Tổng thống Giôn-xơn.



Trong chính phủ xuất hiện 3 phái khác nhau: một là phe "Bồ câu", đứng đầu là Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Na-ma-ra (Mc Namara), muốn tìm cách giới hạn và giảm bớt quy mô của cuộc chiến tranh, tiến tới một giải pháp thương lượng hoà bình để chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước; hai là phe "Diều hâu", đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân - tướng Uy-lơ (Wheeler) và tướng Oét-mo-len (Westmoreland) - Tổng chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chủ trương thúc giục Tổng thống Giôn-xơn tăng cường quân Mỹ sang Việt Nam, tăng cường đánh phá miền Bắc, mở rộng quy mô cuộc chiến tranh hòng tìm thắng lợi bằng sức mạnh quân sự; thứ ba là phe "Trung dung" (còn gọi là ôn hoà), đứng đầu là Tổng thống Giôn-xơn, chủ trương dung hoà giữa 2 phe trên. Tổng thống Giôn-xơn yêu cầu "những người có trách nhiệm" trong chính phủ phải đảm bảo *tránh được sự đảo lộn bất ngờ* trong cuộc chiến tranh Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ông ta tham gia tranh cử tổng thống Mỹ nhiệm kỳ mới sẽ diễn ra vào năm 1968.

Tất cả những tình hình trên đây đã làm cho Đảng ta đi đến một nhận định rất quan trọng: "***những cố gắng chiến tranh của Mỹ (cùng với những thiệt hại nặng nề của chúng) ở Việt Nam đã tới đỉnh cao***" [27, tr. 47].

Về phía ta, sau hơn 2 năm chiến đấu chống chiến lược "chiến tranh cục bộ", lực lượng vũ trang ba thứ quân của ta đã phát triển không ngừng, đến cuối năm 1967, trên toàn miền Nam ta có khoảng gần 300.000 bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương. Ngoài ra, lực lượng du kích được phát triển rộng lớn đến hầu khắp các địa phương, khu vực thực hiện bám đánh địch, vận dụng nhiều phương thức tác chiến linh hoạt tiêu diệt nhiều sinh lực của chúng. Địch không những vấp phải những khó khăn trong các cuộc hành quân càn quét mà còn luôn bị uy hiếp ngay cả khi chúng ở căn cứ. Các cuộc đấu tranh chính trị tại những khu vực do Mỹ - chính quyền Sài Gòn kiểm soát ngày một lớn mạnh cả về hình thức và nội dung, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Vùng giải phóng được giữ vững; đặc biệt, lực lượng vũ trang ta vẫn

đứng chân tại những địa bàn chiến lược trải rộng trên toàn miền Nam từ Quảng Trị, miền Trung Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, trực tiếp đe dọa không chỉ vùng nông thôn, vùng ngoại tuyến mà ngay tại các thành phố lớn ở miền Nam. Trên thực tế, *Mỹ - chính quyền Sài Gòn ngày càng lâm vào thế bị động về chiến lược*. Mặc dù nắm trong tay hàng triệu quân nhưng địch vẫn phải đưa quân về đóng tại những vùng mà chúng cho là quan trọng, trong đó, địch tập trung lực lượng mạnh ở Vùng 1 chiến thuật và Vùng 3 chiến thuật, những nơi được xem là chịu "*sức ép lớn của đối phương*"<sup>1</sup>. Trước sức tiến công của quân và dân ta trên toàn miền Nam, mặc dù có số quân đông<sup>2</sup>, hỏa lực rất mạnh<sup>3</sup>... nhưng địch không còn khả năng mở cuộc phản công chiến lược lần thứ ba nữa. Trong báo cáo gửi Tổng thống Mỹ Giôn-xơn, Oét-mo-len xác nhận rằng: "*Đến tháng 12-1967, tin tức về những cuộc chuyển quân lớn của phía địch đã bắt buộc tôi phải hủy bỏ những kế hoạch đó (cuộc phản công chiến lược lần thứ 3 - TG)*" [22, tr. 185]<sup>4</sup>. Những thất bại nặng nề trên chiến trường và những khó khăn trong nước gặp phải đã đặt chính quyền của Tổng thống Giôn-xơn lâm vào tình

---

<sup>1</sup> Bố trí lực lượng của địch cuối năm 1967 trên chiến trường miền Nam:

- *Vùng 1 chiến thuật*: quân Mỹ: 2 sư đoàn thủy quân lục chiến (số 1 và số 3), Sư đoàn American, Lữ đoàn 3, Lữ đoàn 1/Sư đoàn không vận

Quân đội Sài Gòn: Sư đoàn 1, 2, Sư đoàn dù.

- *Vùng 2 chiến thuật*: quân Mỹ: Sư đoàn kỵ binh không vận (-), Lữ đoàn 173, Sư đoàn 4.

Quân đội Sài Gòn: 2 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn thủy quân lục chiến và 2 sư đoàn quân Nam Triều Tiên.

- *Vùng 3 chiến thuật*: quân Mỹ: Sư đoàn 1, Sư đoàn 25, Sư đoàn 101 (-), 1 lữ đoàn/Sư đoàn 9, Lữ đoàn 199, Trung đoàn 11 kỵ binh bay, thiết giáp.

Quân đội Sài Gòn: Sư đoàn 5, 25, 18, sư đoàn biệt động quân, 1 lữ đoàn dù, 1 lữ đoàn thủy quân lục chiến, Liên đoàn 3 biệt động quân và 1 trung đoàn quân Úc ở Phước Tuy, 1 sư đoàn Thái Lan.

- *Vùng 4 chiến thuật*: Mỹ: 2 lữ đoàn/Sư đoàn 9.

Quân đội Sài Gòn: Sư đoàn 7, 9, 21, Lữ đoàn 4 biệt động quân [8, tr. 8].

<sup>2</sup> Đến tháng 12-1967, lính Mỹ có mặt trên chiến trường miền Nam là 497.000 quân, gồm 9 sư đoàn + 3 lữ đoàn; khoảng 60.000 quân một số nước đồng minh của Mỹ; 640.000 quân đội Sài Gòn.

<sup>3</sup> Chỉ tính riêng lực lượng pháo binh, đến cuối năm 1967, trên chiến trường Việt Nam, địch có 111 tiểu đoàn (trong đó 73 tiểu đoàn Mỹ, 28 tiểu đoàn pháo quân đội Sài Gòn, 10 tiểu đoàn pháo của quân đồng minh), với tổng số 1.936 khẩu pháo các loại. Đó là chưa kể lực lượng không quân, tàu chiến Mỹ. Phó Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn Cô-mơ tuyên bố: "*Với niềm lạc quan hơn bao giờ hết, chúng ta sẽ nghiền nát kẻ thù dưới sức nặng tuyệt đối của các lực lượng vũ trang Mỹ và đồng minh*" [38, tr. 217].

<sup>4</sup> Sự bị động của Mỹ còn thể hiện ở việc liên tục thay đổi kế hoạch điều động Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 (con át chủ bài) từ nơi này đến nơi khác trong năm 1967. Lúc đầu, Sư đoàn này đang đứng chân ở Tây Nguyên - Vùng 2 chiến thuật được dự định chuyển vào đồng bằng sông Cửu Long giáp biên giới Campuchia định mở các cuộc hành quân càn quét, hỗ trợ cho gọng kìm "binh định", sau Oét-mo-len lại bỏ kế hoạch này và muốn đưa Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 vào Vùng 3 chiến thuật nhưng chưa kịp thực hiện thì phát hiện sự chuyển quân của ta ở Khe Sanh nên Oét-mo-len lại điều Sư đoàn này ra Vùng 1 chiến thuật.

cảnh "lưỡng nan về chiến lược" trong cuộc chiến Việt Nam: hoặc là đẩy mạnh cuộc chiến tranh với quy mô, cường độ lớn, điều đó đòi hỏi phải đưa thêm nhiều lính Mỹ sang Việt Nam; hoặc là duy trì hiện trạng cuộc chiến, tránh những đảo lộn bất ngờ trên chiến trường.

Nhằm hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, tháng 1-1967, ta mở thêm mặt trận ngoại giao mới đánh địch. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 đã chỉ rõ:

*"Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hiện nay, đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường mà trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động"* [26, tr.174].

Trước năm 1967, lập trường trước sau như một của ta là yêu cầu Mỹ *chấm dứt mọi hành động chiến tranh chống phá nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và phải rút hết quân ra khỏi miền Nam* trước khi có bất cứ cuộc "nói chuyện nào" giữa hai bên. Ngày 28-1-1967, Bộ trưởng Ngoại giao nước ta Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: *"Chỉ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thì Việt Nam dân chủ cộng hoà với Mỹ có thể nói chuyện được"* [47, tr. 218]. Ta không gán với việc yêu cầu Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam nữa. Chủ trương này của ta được bè bạn và chính phủ nhiều nước trên thế giới ủng hộ. Dư luận thế giới cho rằng phía Việt Nam đã tỏ rõ "thiện chí hoà bình" và đòi Mỹ ngừng ném bom miền Bắc để tạo điều kiện đi vào đàm phán. Lập trường này của ta đã làm cho chính quyền Giôn-xơn rất lúng túng. Lập trường của Mỹ đưa ra vẫn là "có đi có lại", yêu cầu Việt Nam dân chủ

cộng hoà cũng "phải xuống thang quân sự ở miền Nam" và phải giảm thâm nhập vào miền Nam.

Cuộc đấu tranh không biết mệt mỏi với những thắng lợi giành được trong cuộc đụng đầu với đế quốc Mỹ đã làm nức lòng bè bạn của ta khắp năm châu. Sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ngày càng nhận được sự đồng tình, ủng hộ của chính phủ và nhân dân nhiều nước trên thế giới.

Căn cứ vào tình hình trên, Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương đã tổ chức nhiều cuộc họp và đi đến kết luận: "*điểm cơ bản của tình hình vẫn là ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi, địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Tình hình ấy cho phép ta chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định*". Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam với mục tiêu chiến lược đề ra là:

"a) *Tiêu diệt và làm tan rã tuyệt đại bộ phận quân nguy, đánh đổ nguy quyền các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.*

b) *Tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, làm cho quân Mỹ không thực hiện được các nhiệm vụ chính trị và quân sự của chúng ở Việt Nam.*

c) *Trên cơ sở đó, đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải chịu thua ở miền Nam, chấm dứt mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc, còn ta thì bảo vệ được miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đạt được những mục tiêu trước mắt của cách mạng miền Nam là độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà" [27, tr.50].*

Hướng tiến công chính của ta là nhằm vào hệ thống các đô thị trên toàn miền Nam, tức là "*đánh vào tim óc, huyết mạch của địch*" [21, tr. 201]. Cùng với đòn tiến công đó là đòn tiến công của bộ đội chủ lực tại chiến trường rừng

núi nhằm thu hút, giam chân, tiêu diệt một phần lớn lực lượng Mỹ - nguy, tạo điều kiện cho cuộc Tổng tiến công của ta ở các đô thị.

Thời gian mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được xác định vào Tết Mậu Thân 1968.

Đó là ***bối cảnh chiến lược*** khi ta mở chiến dịch tiến công Đường số 9 - Khe Sanh.

### ***1.1.2. Chủ trương mở chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh của ta***

Chấp hành Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Tổng Tư lệnh bắt tay ngay vào nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch tác chiến chiến lược cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 (thường được gọi là Kế hoạch tác chiến Xuân - Hè 1968). Kế hoạch tác chiến chiến lược chia làm 3 bước:

- *Bước 1*: Trong mùa đông năm 1967 và đầu năm 1968, thực hiện vừa tác chiến vừa tích cực tạo thế để kéo địch ra vùng rừng núi, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tiến công của ta vào đô thị.

- *Bước 2*: Tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong các thành phố, thị xã.

- *Bước 3*: Phát triển và củng cố các vùng mới giải phóng, tập trung lực lượng đánh địch phản kích, lập chính quyền cách mạng.

Hai chiến trường trọng điểm là miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn - Chợ Lớn (chiến trường quyết định thứ nhất), chiến trường Đường số 9 - Trị Thiên - Quảng Đà (chiến trường quyết định thứ hai). Ba trọng điểm của cuộc Tổng công kích, tổng khởi nghĩa là Sài Gòn - Chợ Lớn (chủ yếu 1), Huế (chủ yếu 2), Đà Nẵng (chủ yếu 3). Chiến trường rừng núi Tây Nguyên, Đường số 9 - Khe Sanh là chiến trường thu hút, kiềm chế, tiêu diệt lực lượng cơ động của Mỹ càng nhiều càng tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho các trọng điểm thực hiện tiến công. Kế hoạch tác chiến chỉ rõ:

*Cùng với đòn tập kích chiến lược quy mô trên toàn miền Nam đánh vào các thành phố, thị xã, kết hợp với nổi dậy của quần chúng ở nông thôn và đô thị - trọng điểm là Sài Gòn - Huế, thì còn có một đòn tiến công chiến lược của bộ đội chủ lực nhằm tiêu diệt, phân tán lực lượng chủ lực của địch mà chiến trường chính là hướng Đường số 9, tạo điều kiện cho các chiến trường khác hoàn thành nhiệm vụ tiến công và nổi dậy đồng loạt, trước hết cho Trị - Thiên - Huế [7, tr. 12].*

Ngày 6-12-1967, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh do đồng chí Thiếu tướng Trần Quý Hai - Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam làm Tư lệnh chiến dịch, đồng chí Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính uỷ chiến dịch<sup>1</sup>. Nhiệm vụ của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh được Bộ Quốc phòng thông qua là:

*- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, chủ yếu là Mỹ; khi có điều kiện thì phá vỡ một phần hệ thống phòng thủ của địch trên Đường số 9, phát triển vào Trị Thiên.*

*- Thu hút địch ra Đường số 9 càng nhiều càng tốt, giam chân chúng lại và tiếp tục tiêu diệt.*

*- Hiệp đồng chặt chẽ với các chiến trường toàn miền Nam, nhất là chiến trường Thừa Thiên - Huế.*

*- Qua chiến đấu, rèn luyện bộ đội, bồi dưỡng cán bộ để đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh[7, tr. 14].*

Trong 4 nhiệm vụ trên, nhiệm vụ thu hút, giam chân và tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, phối hợp với chiến trường toàn miền là quan trọng nhất. Bộ Quốc phòng đề ra mục tiêu là chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh phải thu hút được từ 2 đến 3 sư đoàn quân Mỹ cùng nhiều lực lượng quân đội

---

<sup>1</sup> Có ý kiến cho rằng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp chỉ huy chiến dịch này (Tư lệnh) và rằng "*chỉ huy của Bắc Việt, tướng Giáp cũng suýt mất mạng tại Khe Sanh khi một quả bom B52 với 1.000 tấn thuốc nổ có sức công phá mạnh ném vào cơ quan đầu não của Việt cộng, sau khi có tin tình báo rằng chỉ huy cấp cao của Cộng sản đang ở khu vực này*" [18, tr. 222]

Sài Gòn ra chiến trường này, thực hiện tiêu diệt từ 2 đến 3 vạn quân địch, trong đó diệt gọn 5 đến 7 tiểu đoàn Mỹ.

Như vậy là ngay từ đầu, chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã nằm trong sự tính toán rất chủ động của cơ quan chỉ đạo chiến lược phía Việt Nam, thể hiện trong kế hoạch tác chiến chiến lược của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, nhằm thực hiện nghi binh chiến lược, thu hút, giam chân và tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch.

## **1.2. Đặc điểm địa bàn mở chiến dịch**

### **\* Điều kiện tự nhiên**

Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh diễn ra chủ yếu trên địa bàn 3 huyện Hướng Hoá, Cam Lộ, Do Linh của tỉnh Quảng Trị (là địa bàn hoạt động của Mặt trận B5), kéo dài từ Cửa Việt - Đông Hà (phía đông) đến biên giới Việt - Lào (phía tây). Đây là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng đối với cả ta và địch: phía bắc là nơi tiếp giáp với miền Bắc xã hội chủ nghĩa (huyện Vĩnh Linh của tỉnh Quảng Trị<sup>1</sup>), phía đông giáp biển Đông; phía tây giáp Trung - Hạ Lào, nơi có con đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam đi qua; phía nam giáp huyện Hải Lăng, sông Ba Lòng (cửa ngõ tiến vào Thị xã Quảng Trị).

Địa hình vùng này chủ yếu là đồi núi bị chia cắt mạnh, có thể chia làm 3 tiểu khu:

- *Tiểu khu phía đông*, đoạn từ Cửa Việt đến Tân Lâm, là địa hình đồng bằng xen lẫn đồi thấp. Giao thông lại khá phát triển: ngoài Đường số 1, Đường số 9 còn có một mạng lưới đường tỉnh lộ, huyện lộ (Đường 75, 76...) rất thuận lợi cho các loại xe cơ giới hoạt động. Thời tiết ở đây giống như vùng Vĩnh Linh - Quảng Bình.

---

<sup>1</sup> Theo Hiệp định Giơnevơ, Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm 2 miền Nam - Bắc, lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải) làm giới tuyến quân sự tạm thời. Huyện Vĩnh Linh vốn thuộc tỉnh Quảng Trị nhưng lại nằm ở bờ bắc sông Bến Hải nên thuộc miền Bắc quản lý.

- *Tiểu khu giữa*, đoạn từ Tân Lâm đến Rào Quán, là địa hình đồi núi, xe cơ giới khó hoạt động. Tuy nhiên, độ che phủ rừng thấp (chủ yếu là đồi núi trọc) nên khó che giấu lực lượng; địch lại có thể dễ dàng quan sát từ trên không và trên mặt đất. Khí hậu nhìn chung giống với tiểu khu phía đông, khi giao thời giữa hai mùa có chịu ảnh hưởng của khí hậu Lào (vùng Tân Lâm).

- *Tiểu khu phía tây*, đoạn từ Rào Quán đến biên giới Việt - Lào, địa hình đồi núi, độ che phủ của rừng lớn thuận lợi che giấu lực lượng. Giao thông vùng này rất hạn chế, chủ yếu là đường độc đạo, ngoài con Đường số 9 ra thì chỉ còn vài đoạn đường ngắn (3 - 5km) nối với Đường số 9 lên phía bắc hoặc xuống phía nam. Khí hậu vùng này giống với khí hậu Lào (mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau)<sup>1</sup>.

#### ***\*Tình hình nhân dân***

Sau thất bại của cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1965-1966, Mỹ - chính quyền Sài Gòn tập trung lực lượng lập kế hoạch cho cuộc phản công chiến lược lần thứ hai dự định tiến hành vào mùa khô 1966-1967. Nhằm góp phần làm thất bại cuộc phản công này của địch, tháng 6 - 1966, Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương quyết định mở *Mặt trận Đường 9 - bắc Quảng Trị* (mang mật danh B5), lúc này đặt dưới sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh Quân khu 4, với mục đích:

*"Tạo nên một hướng tiến công mới của ta vào nơi yếu của địch trên chiến trường miền Nam, buộc địch phải phân tán lực lượng lên rừng núi, thực hiện tiêu diệt chiến lược đối với quân cơ động chiến lược của địch bằng lực lượng chủ lực mạnh của ta ở miền Bắc, tạo điều kiện cho các chiến trường khác - trực tiếp nhất là vùng đồng bằng Trị - Thiên, làm cho địch bị động càng bị động hơn, ngăn chặn âm mưu của chúng*

---

<sup>1</sup> Tại địa bàn này có 2 con sông: sông Sê-pôn phía nam Đường số 9, chảy từ tây sang đông đến nam Làng Vây chảy xuôi về phía nam; sông Rào Quán ở phía tây Tà Con, chảy theo hướng tây bắc - đông nam. Ngoài ra, nơi đây còn có nhiều khe, suối cạn, chỉ sau một trận mưa to thì nước dâng lên rất nhanh, chảy xiết, rất khó qua lại.



*mở rộng chiến tranh trên bộ ra miền Bắc, đặc biệt là vùng Quân khu 4 của ta" [11, tr. 30].*

Chiến trường nơi đây ngay lập tức trở thành nơi giao tranh ác liệt giữa ta và địch. Nhân dân trong vùng phần lớn đã chuyển đi tránh nạn ở các vùng khác hay bị địch dồn vào các "ấp chiến lược". Do đó, mật độ dân số trong vùng rất thưa thớt. Dân số trong 3 huyện Cam Lộ, Do Linh, Hướng Hoá chỉ còn khoảng 75.000 người, đa số là người Kinh, riêng huyện Hướng Hoá ở phía tây chủ yếu là người dân tộc Vân Kiều, Tà Ôi, dân số khoảng 30.000 người. Kinh tế trong vùng này vốn đã rất nghèo nàn, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Nhiều làng mạc bị thiêu huỷ, những làng mạc còn lại thì tiêu điều, xơ xác. Ngay tại những vùng ta đã giải phóng, mỗi thôn xóm chỉ còn vài chục gia đình nằm rải rác ở các rìa làng, gò đồng.

Mặc dù vậy, nhân dân trong vùng vẫn có tinh thần chiến đấu rất kiên cường, vẫn một lòng thủy chung son sắt với cách mạng, nuôi nấng, chở che giúp đỡ bộ đội. Tại mỗi xã vẫn duy trì 1 - 2 tiểu đội du kích bám đánh địch.

#### **\* Tình hình địch**

Ngay từ khi nhảy vào miền Nam, Mỹ - chính quyền Sài Gòn đã cho xây dựng một hệ thống phòng thủ mạnh dọc theo Đường số 9 phía nam khu phi quân sự nhằm "*ngăn chặn sự xâm lăng của Bắc Việt*". Khi ta mở Mặt trận Đường 9 - bắc Quảng Trị thì địch đã huy động ra đây những đơn vị chủ lực mạnh<sup>1</sup> cùng với hàng trăm khẩu pháo, xe cơ giới để đối phó. Từ đầu năm 1966, khu vực Khe Sanh<sup>2</sup> đã được Mỹ hết sức chú ý. Tướng Oét-mo-len đã cho xây dựng Khe Sanh thành một căn cứ mạnh nằm trong thế phòng thủ liên hoàn dọc theo Đường số 9; đồng thời, muốn biến Khe Sanh thành bàn đạp cho các cuộc hành quân thăm dò, đánh phá tuyến đường mòn Hồ Chí Minh. Tháng 5-1967, Trung đoàn lính thủy đánh bộ 26 Mỹ lên đóng tại Khe Sanh.

---

<sup>1</sup> Mỹ luôn duy trì 2 Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1 và số 3 đóng tại Vùng 1 chiến thuật để sẵn sàng đối phó với ta ở Quảng Trị. Ngoài ra còn có nhiều lực lượng của quân đội Sài Gòn tham gia bảo vệ vùng chiến thuật này.

<sup>2</sup> Khe Sanh là một thung lũng nhỏ nằm ở phía tây tỉnh Quảng Trị (thuộc huyện Hướng Hoá).

Ngoài căn cứ chiến đấu chính Tà Con, địch còn đổ quân đóng tại các cứ điểm xung quanh Tà Con trên các điểm cao 950, 530, 832, 845, 575, 573, 471.

Đến cuối năm 1967, tại Vùng 1 chiến thuật địch có 243.000 quân, trong đó quân Mỹ là 134.000 quân. Trên tuyến phòng thủ Đường số 9, địch đã tập trung 45.000 quân, riêng quân Mỹ có 28.000 quân, gồm 3 trung đoàn lính thủy đánh bộ tăng cường (khoảng 10 tiểu đoàn), 9 tiểu đoàn pháo binh, 3 tiểu đoàn và một đại đội cơ giới. Tuyến phòng thủ này được chia thành 3 khu vực:

- *Khu phía đông*, là một hệ thống phòng ngự mạnh có chiều sâu, gồm các cứ điểm 31, Dốc Miếu, Cồn Tiên, Gio Linh, Quán Ngang, miếu Bái Sơn ở phía trước và các cụm cứ điểm Đông Hà, Cam Lộ, Quảng Trị ở phía sau.

- *Khu giữa* là khu nối liền khu đông và khu tây, gồm các cứ điểm Tân Lâm, Cà Lu, 241 thực hiện ngăn chặn lực lượng ta tiến vào hướng Ba Lòng - Quảng Trị.

- *Khu phía tây (Khe Sanh)* là một hệ thống cứ điểm mạnh bao gồm quận lỵ Hướng Hoá, Làng Vây, Tà Con và một loạt căn cứ ngoại vi (Động Tri, đồi 832, đồi 845...), trong đó mạnh nhất là căn cứ Tà Con có: Trung đoàn 26 lính thủy đánh bộ Mỹ, 24 khẩu pháo và 2 trung đội xe tăng.

Ngoài hỏa lực tại chỗ, khi bị ta tiến công, các cứ điểm sẽ được hỏa lực pháo binh<sup>1</sup>, không quân chi viện tối đa.

Tuy nhiên, hệ thống phòng thủ này của địch cũng bộc lộ những hạn chế nhất định. Do phải kéo dài suốt từ Cửa Việt ở phía đông đến biên giới Việt - Lào ở phía tây nên lực lượng địch tại đây bị phân tán, thiếu lực lượng cơ động. Khả năng cung cấp hậu cần chủ yếu bằng đường không (Mỹ đã cho xây dựng và cải tạo sân bay Ái Tử và Tà Con). Trong điều kiện thời tiết xấu, khả năng tiếp tế hậu cần của địch gặp rất nhiều khó khăn. Vì thế, bước vào nửa cuối năm 1967, địch tổ chức xây dựng công sự, đào đắp, củng cố trận địa, hạn

---

<sup>1</sup> Đáng chú nhất là căn cứ pháo binh Mỹ đặt trên đồi 241 (người Mỹ gọi là căn cứ Ca-rôn), trong đó bao gồm 16 khẩu pháo 175mm - hay còn gọi là "vua chiến trường".

chế tiến hành các cuộc hành quân càn quét, đánh phá. Thực tế, hệ thống phòng thủ này đang rơi vào thế bị động.

### **1.3. Xây dựng kế hoạch tác chiến.**

Ngày 28-12-1968, Đảng uỷ chiến dịch họp buổi đầu tiên và nhất trí thông qua quyết tâm chiến dịch.

#### **\* Ý định tác chiến**

- *Khu vực tác chiến chủ yếu*: Sau khi phân tích đặc điểm tự nhiên, đặc điểm tuyến phòng thủ của địch cũng như ý định tác chiến của Bộ, Đảng uỷ chiến dịch quyết định lấy hướng Tây là hướng chủ yếu, hướng Đông là hướng quan trọng. Trong quá trình diễn biến chiến dịch, tùy theo tình hình, có thể hướng Đông sẽ trở thành hướng chủ yếu.

- *Về phương pháp tiến hành*: ta phải diệt được 1, 2 điểm phòng ngự của địch, bao vây uy hiếp một số điểm khác buộc địch phải tăng viện binh ứng cứu. Ta sẽ tập trung lực lượng để giam chân và tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng ứng cứu này. Cụ thể cho từng hướng như sau:

+ Hướng Tây: phải diệt quận lỵ Hướng Hoá, căn cứ Huội San, điểm cao 832; bao vây uy hiếp cứ điểm Làng Vây để đánh viện binh địch ở khu vực phía tây và nam Tà Cơn.

+ Hướng Đông: phải diệt 1, 2 điểm trong 4 điểm phòng ngự của địch trên đường 75; bao vây Cồn Tiên, Dốc Miếu; cắt đứt giao thông ở đoạn Cam Lộ - Cà Lu; đánh địch tăng viện ở khu vực Quán Ngang, Dốc Miếu và ở phía tây, tây nam Đông Hà; cắt đường sông xuất phát từ Cửa Việt<sup>1</sup>, đánh phá kho tàng, sân bay địch.

Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh chiến dịch cũng dự tính có hai khả năng có thể xảy ra và sự ứng phó của ta với mỗi khả năng đó. *Một là*, nếu địch không tăng

---

<sup>1</sup> Cửa Việt là nơi gặp nhau của sông Hiếu và sông Thạch Hãn chảy qua Quảng Trị, là vùng nước rộng khoảng 2km, có độ sâu để đảm bảo cho tàu trọng tải 1.000 tấn đi lại. Ngay từ khi mới nhẩy vào miền Nam, đế quốc Mỹ đã cho xây dựng cảng Cửa Việt, được xem là "cuống họng" của vùng bắc Quảng Trị, nơi cung cấp hàng hoá cho cả vùng Trung và Hạ Lào.

viện phản kích, thì ở phía Tây ta phải diệt Làng Vây và vây hãm Tà Con<sup>1</sup>; triệt nguồn tiếp tế của địch cho căn cứ Tà Con để lôi kéo lính Mỹ lên, khi có điều kiện thì công kích giải phóng Khe Sanh. Phía Đông phải cắt Đường số 9 đoạn Cam Lộ - Tân Lâm, uy hiếp sự vận chuyển của địch bằng đường sông từ Cửa Việt đi Đông Hà, buộc chúng phải tăng viện. *Hai là*, nếu địch bị thua lớn ở các chiến trường khác, nhất là ở các đô thị thì tùy tình hình phát triển trên chiến trường có thể đánh chiếm một đoạn đường số 9 và đưa lực lượng phát triển vào Trị Thiên - Huế.

**\* Sử dụng lực lượng**

- *Lực lượng ở hướng Tây gồm*: 2 sư đoàn bộ binh (Sư đoàn 304 và Sư đoàn 325), một tiểu đoàn và 4 đại đội địa phương, 2 trung đoàn pháo binh (675 và 45)<sup>2</sup>, 1 trung đoàn pháo cao xạ (241), 1 tiểu đoàn xe tăng (loại PT-76) thiếu 1 đại đội, 1 trung đoàn và một đại đội công binh, 1 tiểu đoàn trinh sát, 1 tiểu đoàn thông tin, 1 đại đội súng phun lửa nhẹ, 6 tiểu đoàn vận tải...

- *Lực lượng ở hướng Đông gồm*: Sư đoàn 320, 2 trung đoàn bộ binh 1 và 3 thuộc Sư đoàn 324 cũ, trung đoàn bộ binh 270 độc lập của huyện Vĩnh Linh, 1 tiểu đoàn và 2 đại đội địa phương huyện Gio Linh, Đoàn đặc công B5 và 2 đại đội đặc công hải quân, 3 trung đoàn pháo binh (84, 164 và 204), 1 tiểu đoàn A72, 2 trung đoàn cao xạ (128 và 282), các phân đội trinh sát và thông tin B5.

Tổng quân số trong cả chiến dịch (kể cả vận tải, thông tin, hậu cần...) khoảng 65.000 người<sup>3</sup>, gấp 1,2 lần quân số tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Quân số trên hai hướng Đông và Tây là tương đương nhau. Tỷ lệ các loại hỏa lực so với chiến dịch Điện Biên Phủ:

---

<sup>1</sup> Lúc này ta mới đề ra là *vây hãm*. Thực tế, sau khi ta diệt Làng Vây (7-2-1968), bao vây và uy hiếp trực tiếp Tà Con thì ta đã chuyển từ *vây hãm* sang thành *vây lấn*.

<sup>2</sup> Đây là 2 đơn vị pháo dự bị chiến lược của Bộ Tổng Tư lệnh.

<sup>3</sup> Sách *Lịch sử ngành hậu cần pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân xuất bản năm 2004, tr. 166 cho biết tổng quân số của ta tham gia chiến dịch là 66.100 người. Như vậy, chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh là chiến dịch có số lượng người tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu lớn nhất của ta từ trước đến thời điểm lúc bấy giờ. Trong khi đó, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954, ta có 4 đại đoàn bộ binh (308, 316, 312, 304), một đại đoàn công pháo 351, các tiểu đoàn công binh, các đơn vị thông tin, vận tải... Tổng quân số tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu khoảng 55.000 người.

- Pháo mặt đất (chỉ tính pháo có xe kéo và ĐKB) các loại là 264/42 khẩu = 621%

- Pháo cao xạ (tính từ 14,5 trở lên) là 251/36 khẩu = 600%.

Riêng hướng H2 (Khe Sanh) so với chiến dịch Điện Biên Phủ có tỷ lệ:

+ Pháo mặt đất (chỉ tính pháo có xe kéo và ĐKB) là 112/42 khẩu = 267%.

+ Pháo cao xạ (chỉ tính 14,5 trở lên) là 75/36 khẩu = 218% [69, tr. 23].

Ngày 9-1-1968, Bộ Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị hướng Tây như sau:

+ Sư đoàn bộ binh 304 được giao nhiệm vụ bố trí ở nam đường số 9, trước mắt tập trung lực lượng tiêu diệt quận lỵ Hướng Hoá (cả Ku Bốc nếu có địch); sẵn sàng đánh quân tăng viện trên đường bộ từ Tân Lâm, Cà Lu lên hoặc địch đổ bộ đường không xuống Hướng Hoá; trong trường hợp địch không tăng viện thì tiêu diệt Huội San, Làng Vây và đưa lực lượng bao vây, uy hiếp Tà Con để kéo viện binh địch.

+ Sư đoàn bộ binh 325 (325C), bố trí ở tây bắc Tà Con có nhiệm vụ chiếm điểm cao 832; bao vây, uy hiếp các điểm cao 845, 950; sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không xuống phía bắc và tây bắc Tà Con.

+ Trung đoàn 7 công binh có nhiệm vụ bảo đảm đường giao thông chiến dịch; phục vụ vận chuyển tiếp tế, cơ động pháo binh, xe tăng; mở thông Đường số 9 từ bản Đông đến Hướng Hoá.

Ngày 10-1-1968, Bộ Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị hướng Đông như sau:

+ Sư đoàn bộ binh 320 cùng lực lượng địa phương đánh địch ở khu vực Phú An, Cam Lộ, Tân Lâm (gồm cả điểm cao 241) và Đông Hà; cắt giao thông đoạn Cam Lộ - Tân Lâm, phá vỡ thế phòng ngự của địch trên đường 76; diệt 1, 2 cứ điểm trong số 4 cứ điểm phòng ngự của địch trên đường 75 (nhưng cuối cùng xác định tiến công Cam Lộ); đưa một bộ phận lực lượng

vào khu vực Thọ Xuân, An Bình, Trúc Khê, hiệp đồng với Tiểu đoàn 27 và Trung đoàn 270 địa phương đánh địch ở Quán Ngang.

+ Trung đoàn bộ binh 3 (thuộc Sư đoàn 324 cũ) có nhiệm vụ cắt giao thông đoạn Tân Lâm - Cà Lu; tổ chức một bộ phận hiệp đồng với Sư đoàn 320 thọc sâu vào Cù, đánh địch ở tây và tây nam Đông Hà.

+ Trung đoàn bộ binh 270 (thiếu 1 tiểu đoàn) cùng đội đặc công hải quân kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương đánh địch ở khu vực đông và tây Đường số 1 (khu vực Dốc Miếu - Quán Ngang và cảng Cửa Việt, sông Cửa Việt đi Đông Hà).

+ Trung đoàn bộ binh 1 (thuộc sư đoàn 324 cũ) có nhiệm vụ bao vây đánh lấn cứ điểm Cồn Tiên, Dốc Miếu; tạo điều kiện diệt 1 trong 2 cứ điểm này.

+ Đoàn đặc công B5 có nhiệm vụ đánh phá các kho tàng, sân bay, hậu cứ địch ở Đông Hà, Nhan Biều; phối hợp với Sư đoàn 320 diệt trận địa pháo địch ở điểm cao 241.

+ Đặc công hải quân phong toả triệt để đường sông Cửa Việt, đánh phá cảng Cửa Việt, Đông Hà, diệt các phương tiện vận chuyển trên sông; nếu điều kiện thuận lợi thì phối hợp với đoàn đặc công B5 và pháo binh tiêu diệt hậu cứ Cửa Việt.

+ Trung đoàn bộ binh 52 làm lực lượng dự bị cho Sư đoàn 320 và dự bị cho cả hướng Đông, sẵn sàng bước vào chiến dịch trên cả 3 hướng: Cam Lộ - Đông Hà; bắc và tây bắc Tân Lâm; Cù. Khu vực triển khai đánh địch là Đông Phát, Tiền An, Tân Linh, Bến Quan và điểm cao 74.

Chiến dịch không tổ chức lực lượng dự bị chung.

#### **\* Pháo binh chiến dịch**

Ngoài các nhiệm vụ đánh độc lập như trước (đánh các cứ điểm, căn cứ, trận địa pháo và sân bay), lần này pháo binh có thêm nhiệm vụ mới là cùng với xe tăng chi viện cho bộ binh tiến công tiêu diệt địch trong các cứ điểm,

đánh địch ứng cứu giải toả và chi viện cho bộ binh vây hãm căn cứ địch trong thời gian nhất định.

Pháo binh chiến dịch được chia làm 5 cụm: 2 cụm hướng Tây, 2 cụm ở hướng Đông, 1 cụm bố trí ở giữa hai hướng.

Hai cụm pháo phía tây:

+ Cụm pháo binh chi viện cho Sư đoàn 304 trên hướng chủ yếu phía nam Đường số 9. Cụm này có 2 tiểu đoàn Đ74 (gồm 24 khẩu) của Trung đoàn 675 và pháo binh của Sư đoàn 304 (gồm 18 khẩu ĐKB, 18 khẩu ĐKZ82, 54 khẩu cối 82).

+ Cụm pháo binh chi viện Sư đoàn 325 trên hướng tây bắc căn cứ chiến đấu chính Tà Cơn. Cụm này có 36 khẩu ĐKB của Trung đoàn pháo 45, 1 tiểu đoàn Đ74 (12 khẩu) của Trung đoàn pháo 675 và pháo binh của Sư đoàn 325 gồm 4 khẩu cối 120mm, 35 khẩu cối 82mm, 4 khẩu ĐKZ.

Ba cụm pháo binh ở hướng Đông và ở giữa:

+ Cụm pháo binh của Trung đoàn 204 pháo xe kéo gồm 8 khẩu 152mm, 8 khẩu 130mm và 1 tiểu đoàn pháo 100mm (8 khẩu) của Trung đoàn 164 phối thuộc. Cụm này có nhiệm vụ chi viện chung cho các lực lượng tham gia trên cả hai hướng.

+ Cụm pháo binh chi viện cho Sư đoàn 320 gồm 2 tiểu đoàn pháo phản lực ĐKB của Trung đoàn 84, Tiểu đoàn pháo binh 12 của Sư đoàn 320 có 18 khẩu phản lực ĐKB, 4 khẩu cối 120mm và 2 sơn pháo 75mm<sup>1</sup>.

+ Cụm pháo binh chi viện Trung đoàn 270 Vĩnh Linh có Tiểu đoàn 21 (8 khẩu 130mm), đại đội pháo 105 của trung đoàn pháo binh 164, 1 đại đội pháo 85mm, 1 tiểu đoàn pháo phản lực BM14 (9 xe).

### ***\*Pháo cao xạ chiến dịch***

---

<sup>1</sup> Riêng hai khẩu sơn pháo 75mm được đặt trên điểm cao 544 có nhiệm vụ kiểm chế hỏa lực địch tại căn cứ 241.

Có nhiệm vụ bảo vệ căn cứ hậu phương, các tuyến giao thông và trận địa pháo; có điều kiện tham gia phối hợp cùng bộ binh để vây hãm địch ở Tà Con.

### ***\*Xe tăng chiến dịch***

Trong chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, Bộ Quốc phòng đã quyết định lệnh cho Đại đội 3 và Đại đội 9 (mỗi đại đội gồm có 11 xe tăng loại PT-76) thuộc Tiểu đoàn 3 Trung đoàn tăng 203 vào chiến trường. Các xe tăng đều được lắp thêm súng 12,7 mm. Hai đại đội xe tăng được tổ chức thành một Tiểu đoàn thiếu lấy tên là Tiểu đoàn tăng 198<sup>1</sup>, do Bộ Tư lệnh chiến dịch nắm và sử dụng vào những mục tiêu quan trọng hoặc những thời điểm quyết định.

### ***1.4. Công tác đảm bảo hậu cần - kỹ thuật***

Đến tháng 10-1967, trong kế hoạch tác chiến chiến lược của ta vẫn coi chiến trường Đường số 9 - bắc Quảng Trị (B5) là một hướng trọng điểm và vẫn có chủ trương "đánh lớn" ở đây. Đến ngày 6-12-1967, Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh mới được thành lập, nhưng trên thực tế từ tháng 10-1967, lực lượng B5 và lực lượng của Bộ đã chuẩn bị một bước cho chiến dịch như làm đường, tổ chức các kho dự trữ... Đến tháng 12-1967, công tác làm đường và hàng chi viện cho chiến dịch tiếp tục được đẩy lên mạnh mẽ. Trung tuần tháng 1-1968, giữa lúc các mặt công tác đảm bảo hậu cần đang được đẩy mạnh, thì Bộ điều chỉnh thời gian nổ súng chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh<sup>2</sup>. Vì vậy, công tác đảm bảo hậu cần cho chiến dịch vốn đã ít thời gian, nay thời gian lại bị rút ngắn lại là một khó khăn rất lớn. Mặc dù vậy, các đơn vị đảm bảo vẫn ngày đêm khẩn trương đưa hàng hoá vào chiến trường

---

<sup>1</sup> Việc đưa xe tăng của ta lần đầu tiên vào chiến đấu tại chiến trường miền Nam là một quá trình hành quân rất vất vả, khó khăn, nhất là phải đảm bảo bí mật không để địch phát hiện, đi qua một chặng đường rất dài. Đến ngày 21-12-1968, Đại đội tăng 3 đã vượt qua quãng đường 931 km, đến vị trí tập kết tại Nam Khang trên Đường số 9. Đại đội tăng 9 đã vượt qua chặng đường dài 1.350km, đến Bắc Bạc 50 km thì được lệnh quay lại về tập kết tại Ha-xinh Ta-xinh ở phía nam Đường 9 [37, tr.51].

<sup>2</sup> Lúc đầu dự định nổ súng là cuối tháng 2-1968, nay Bộ quy định thời gian nổ súng của chiến dịch là từ 20-1 đến cuối tháng 1-1968. Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh quyết định chọn thời gian nổ súng là ngày 20-1-1968 (tức là trước Tết Mậu Thân 10 ngày).



với tiến độ nhanh nhất, nhiều nhất nhằm đảm bảo đủ số lượng phục vụ chiến đấu.

Lực lượng công binh phục vụ chiến dịch có sự phối hợp, giúp đỡ của lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đã nhanh chóng sửa chữa và làm mới hàng trăm km đường<sup>1</sup>. Khi mở đường vào gần khu vực tác chiến, công binh ta không dùng mìn và máy móc để phát ra âm thanh. Các đoạn đường làm xong đều được nguy trang cẩn thận. Bên cạnh đó, lực lượng công binh còn khôn khéo tránh đụng độ với biệt kích, thám báo địch. Sở dĩ chiến dịch nổ súng đúng thời gian quy định là có công sức rất lớn của lực lượng tham gia mở đường.

Nhờ công tác mở đường tốt nên hàng hoá phục vụ chiến đấu cũng vì thế mà được đưa vào ngày một nhiều hơn. Tính đến trước ngày nổ súng (20-1-1968), hậu cần chiến dịch đã chuyển lên được cho cả chiến dịch là 7.624 tấn vật chất (vũ khí, lương thực,...) bằng 28,5 % so với tổng nhu cầu. Riêng hướng Tây (Khe Sanh), khối lượng hàng hoá được bàn giao nhiều gấp 2 lần Trị - Thiên, gấp 2,5 lần Khu 5 và gấp 24,5 lần so với Nam Bộ [69, tr. 77]. Trong quá trình diễn biến, hậu cần chiến dịch tiếp tục vượt mọi khó khăn để đảm bảo chi viện vật chất chiến đấu<sup>2</sup>. Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã chiếm khoảng 44% tổng khối lượng hàng vận chuyển cho các chiến trường miền Nam và hai nước bạn Lào, Campuchia trong mùa khô 1967 - 1968 [54, tr.70].

Như vậy, trải qua hơn 2 năm tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ", Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã không thực hiện được mục tiêu đề ra lúc đầu là nhanh chóng giành thắng lợi, sớm kết thúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam để

---

<sup>1</sup> Riêng huyện Hướng Hoá ở hướng Tây, chính quyền cách mạng địa phương đã động viên được gần 3.000 người, trong đó có 500 phụ nữ trực tiếp phục vụ chiến dịch từ 3 đến 6 tháng. Một số chị em đã thoát ly địa phương bổ sung cho các chiến trường thuộc hệ thống giao liên vận chuyển Bắc - Nam. Nhân dân địa phương đã quyên góp, ủng hộ 200 tấn gạo, 2 triệu gốc sắn để góp phần nuôi bộ đội.

<sup>2</sup> Chúng tôi cho rằng, công tác đảm bảo hậu cần chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh cần phải có những công trình chuyên khảo thật khoa học để thấy được tầm vóc và ý nghĩa to lớn của hậu cần chiến dịch này, đảm bảo cho chiến dịch thắng lợi. Trong khuôn khổ bài luận văn này, chúng tôi không có điều kiện để đề cập một cách chi tiết, cụ thể về vấn đề này.

rút quân viễn chinh về nước. Năm bất thời cơ, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 nhằm buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, tạo nên một bước ngoặt cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Mục tiêu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là đánh vào hệ thống các đô thị của địch trên toàn miền Nam, đánh vào các cơ quan đầu não của địch. Để tạo điều kiện cho cuộc tiến công của ta vào các đô thị, Bộ chỉ huy tối cao của ta chủ trương dùng một lực lượng chủ lực lớn mở chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh nhằm thực hiện đòn nghi binh chiến lược, tạo sự tập trung đối phó của địch, thực hiện tiêu diệt, thu hút và giam chân một bộ phận quan trọng sinh lực địch. Về phía địch, chiến trường Đường 9 - bắc Quảng Trị là một địa bàn trọng điểm mà địch không thể bỏ. Mặt khác, do phán đoán sai ý đồ chiến lược của ta, phía Mỹ đã cho rằng mục tiêu chủ yếu của đối phương là quyết tâm làm một trận Điện Biên Phủ tại khu vực Đường 9 - bắc Quảng Trị (cụ thể là thung lũng Khe Sanh). Dựa và những ưu thế về vật chất (quân đông, hỏa lực mạnh, sức cơ động nhanh,...), phía Mỹ cũng quyết tâm tiến hành một trận đánh quyết định ("một Điện Biên Phủ đảo ngược" như cách gọi của tướng Oét-mo-len) với ta ở đây. Đó là những nhân tố cơ bản dẫn đến một cuộc chiến khốc liệt kéo dài, với khối lượng bom đạn được sử dụng lớn nhất trong cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

## Chương 2

# DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH

Đêm 20, rạng 21-1-1968, quân ta nổ súng tiến công Khe Sanh và toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch trên Đường số 9, mở màn chiến dịch<sup>1</sup>. Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh kéo dài từ 20-1-1968 đến 15-7-1968 và được chia làm 4 đợt.

### **2.1. Đợt 1- Tiêu diệt hệ thống cứ điểm phía tây, mở thông Đường số 9, hình thành thế trận vây hãm căn cứ Tà Con (từ 20-1 đến 7-2-1968)**

#### **2.1.1. Hướng Tây**

Ngay trong đêm 20-1-1968, các trận địa pháo hướng Tây của ta đã nã đạn vào căn cứ Tà Con và các cứ điểm ngoại vi, làm bốc cháy và nổ tung một kho đạn của quân Mỹ. Cũng trong đêm 20-1, được pháo binh chiến dịch trực tiếp chi viện, Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 nổ súng tiến công quận lỵ Hướng Hoá<sup>2</sup>. Trận đánh diễn ra tương đối thuận lợi. Trước sức mạnh áp đảo của ta, phần lớn quân địch bị diệt, số còn sống sót chạy thoát về căn cứ Tà Con. Ta chiếm được quận lỵ, thu được một kho lương thực, giải quyết được phần nào khó khăn của ta lúc này<sup>3</sup>.

Cùng thời gian này, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 2 Sư đoàn 325 tiến công điểm cao 832<sup>4</sup> nhưng không thành công, phải chuyển vào vây hãm, kiểm chế địch.

---

<sup>1</sup> Nhằm phối hợp với chiến trường miền Nam trong Xuân 1968, từ ngày 12-1 đến ngày 27-1-1968, Quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với Quân giải phóng nhân dân Lào mở *chiến dịch Nậm Bạc* (tỉnh Luông Phabăng, Bắc Lào). Chiến dịch kết thúc thắng lợi: loại khỏi vòng chiến đấu 3.200 địch, bắn rơi 14 máy bay, phá huỷ 13 khẩu pháo, thu 1.376 súng các loại, giải phóng hơn 10.000 dân, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng Lào.

<sup>2</sup> Quận lỵ Hướng Hoá do 1 đại đội bảo an phòng giữ, có cơ quan hành chính ngụy. Dân số trong quận lỵ khoảng 10.000 người.

<sup>3</sup> Trong trận đánh này, đồng chí Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 7 Nguyễn Văn Thiềng đã hy sinh. Ban chỉ huy Đại đội 2 phần lớn hy sinh, chỉ còn đồng chí Chính trị viên Tô Công Kiên bị thương nặng ở cánh tay nhưng vẫn tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu.

<sup>4</sup> Điểm cao 832 nằm ở phía tây bắc Tà Con (cách căn cứ Tà Con khoảng 3,5 km), do một đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ phòng giữ, được hỏa lực của pháo binh ở Tà Con trực tiếp chi viện.

Ngày 22-1-1968, quân ta tổ chức chốt giữ quận lỵ Hướng Hoá, điểm cao 471 và ngã ba Ku Bốc, giải phóng 8.000 dân, uy hiếp trực tiếp Tà Cơn từ phía nam và sẵn sàng đánh địch phản kích, tăng viện.

*Về phía địch*, sau khi quận lỵ Hướng Hoá bị ta chiếm, Tà Cơn bị uy hiếp, điểm cao 832 bị bao vây, địch đối phó chủ yếu bằng hoả lực phi pháo và dùng không quân ném bom nhằm ngăn chặn bước tiến của quân ta, giải toả áp lực cho Tà Cơn. Địch không tổ chức các cuộc phản kích tại chỗ và cũng không tổ chức phản kích từ xa tới. Đến sáng ngày 21-1-1968, địch điều 1 đại đội bảo an (Đại đội 258) từ Quảng Trị đổ bộ bằng máy bay trực thăng xuống ngã ba Ku Bốc liền bị ta diệt gọn<sup>1</sup>. Chiều tối ngày 21-1-1968, tướng Oét-mo-len báo cáo với tướng Uy-lơ - Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân và Đô đốc Sáp (Sharp) - Chỉ huy các lực lượng lính Mỹ ở Thái Bình Dương *"trận đánh đã được dự đoán của kẻ thù vào Khe Sanh đã bắt đầu từ buổi tối hôm qua... Có một sự tăng cường ở phía bắc khu phi quân sự và phía tây tỉnh Quảng Trị. Trong một vài tuần tới, dự báo trận đánh sẽ trở nên sôi động và ác liệt hơn"* [79, tr. 475]. Tướng Tô-m-kin-xơ (Tompkins) - Tư lệnh Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3 đã yêu cầu Đại tá Đa-vít Lao-đơ (David Lownds) - chỉ huy quân Mỹ ở Khe Sanh - phải giảm các cuộc tuần tra vì lo ngại quân Mỹ sẽ bị phục kích. Chiều ngày 22-1-1968, Tompkins ra lệnh điều thêm Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 9 Lính thủy đánh bộ lên tăng cường cho Khe Sanh. Cùng với việc bổ sung lực lượng, tăng cường hoả lực bắn chặn, địch cho rải nhanh xuống khu vực Khe Sanh rất nhiều các máy ghi âm điện tử (sensors) từ ngày 21-1 đến ngày 24-1-1968 để xác định chấn động, âm thanh phán đoán hướng các cuộc tiến công của ta.

Để tăng thêm áp lực ở hướng Tây, mở đường tiếp cận Làng Vây, buộc địch phải đưa lực lượng lớn tăng viện, ngày 23-1-1968, Bộ Tư lệnh chiến dịch

---

<sup>1</sup> Tại trận đánh này, ta bắt sống được viên Trung úy Đại đội trưởng Nguyễn Đình Thiệp.

hạ quyết tâm tiêu diệt cứ điểm Huội San<sup>1</sup>. Đêm 23-1-1968, quân ta bắt đầu tiến công Huội San. Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 24 Sư đoàn 304, được tăng cường 1 đại đội xe tăng (Đại đội 3, gồm 8 chiếc PT-76)<sup>2</sup>, nhanh chóng bao vây toàn cụm, dùng lực lượng mạnh gồm bộ binh và xe tăng phối hợp đánh thẳng vào trung tâm Tà Mây, chia cắt đội hình địch rồi tỏa ra các hướng tiêu diệt toàn cụm cứ điểm. Quân Mỹ ở Khe Sanh đã cố gắng giúp đỡ lính Lào bằng việc cử máy bay ném bom đến phối hợp nhưng do thời tiết xấu (ban đêm) và do ta đã thực hiện việc chia cắt các vị trí của địch nên máy bay Mỹ không thể thực hiện việc ném bom. Đây là trận đánh đầu tiên trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ ta sử dụng xe tăng để tiến công<sup>3</sup>. Chỉ huy địch ra lệnh cho quân lính chống trả quyết liệt. Nhưng trước sức tiến công mạnh mẽ của quân ta, có xe tăng đi trước, quân nguy Lào bị tiêu diệt một phần, phần lớn hoảng sợ bỏ chạy. Nhưng do ta bao vây không chặt nên có khoảng 400 tên chạy thoát về Làng Vây theo Đường số 9. Đến 8 giờ ngày 24-1-1968, quân ta hoàn toàn làm chủ cứ điểm Huội San, mở thông Đường số 9 áp sát cứ điểm Làng Vây của địch. Lúc này, Mỹ cho máy bay đến ném bom ác liệt Huội San. Chúng còn ném bom phá huỷ những đoạn đường, cây cầu mà quân Lào thoát chết vừa chạy qua hòng ngăn chặn sự truy kích của quân ta.

Sau khi Huội San bị quân ta tiêu diệt, địch vẫn chủ quan cho rằng trước sức mạnh hỏa lực của pháo binh, không quân Mỹ, đối phương cùng lắm cũng chỉ dùng pháo binh để uy hiếp các căn cứ Làng Vây, Tà Cơn mà không thể tổ

---

<sup>1</sup> Huội San là một cứ điểm nằm án ngữ ở biên giới Việt - Lào (trên Đường số 9) gồm 12 cứ điểm nhỏ, mà trung tâm là cứ điểm Tà Mây do Tiểu đoàn 33 quân nguy Lào phòng giữ, dưới sự chỉ huy của viên Trung tá Soulang. Căn cứ Huội San có một ý nghĩa quan trọng đối với Mỹ: Nó cung cấp những thông tin tình báo về sự hoạt động trên đường mòn Hồ Chí Minh, về sự chuyển quân của Bắc Việt Nam qua Lào vào miền Nam. Ngay sau khi thiết lập căn cứ tại Khe Sanh, Mỹ đã đặt mối quan hệ đặc biệt với căn cứ Huội San. Các chỉ huy lính Mỹ ở Khe Sanh thường xuyên đáp máy bay hạ cánh xuống Huội San để trao đổi những tin tức tình báo. Ngược lại, quân Lào ở Huội San được Mỹ cung cấp một số hàng hoá thiết yếu, thậm chí được Mỹ đảm bảo hỗ trợ chiến đấu và di tản những chỉ huy bằng máy bay nếu căn cứ bị đối phương tiến công.

<sup>2</sup> Trên đường cơ động vào chiến đấu, xe tăng ta bị sa lầy, chỉ có 2 xe 555 và 558 kịp tham gia chiến đấu và có tính quyết định đến kết quả trận đánh. Trong quá trình chiến đấu, 1 xe tăng bị hỏng do địch bắn đứt xích. Sau trận đánh, tất cả xe tăng của Đại đội 3 đã về vị trí tập kết an toàn.

<sup>3</sup> Do thời gian chuẩn bị gấp nên bộ binh và xe tăng chưa có điều kiện luyện tập phối hợp. Đến sáng ngày 23-1-1968, cán bộ, chiến sĩ xe tăng và cán bộ của đơn vị bộ binh phụ trách hướng chủ yếu mới gặp nhau, trao đổi kế hoạch hiệp đồng trên bàn cát. Một đồng chí trong đại đội xe tăng chỉ đủ thời gian để giới thiệu về tính

chức tiến công đánh chiếm. Mặt khác, các căn cứ này, đặc biệt là Tà Con có hệ thống công sự phòng thủ rất vững chắc, được tăng cường các loại vũ khí có sức công phá lớn nên sẽ đánh bại được những cuộc tiến công của đối phương. Khi được kể về sự xuất hiện của xe tăng Bắc Việt Nam, một số sĩ quan chỉ huy Mỹ tại căn cứ Làng Vây còn tỏ ra hết sức nghi ngờ!

Ngày 25-1-1968, Oét-mo-len tuyên bố *tình hình ở Khe Sanh ngày càng nguy kịch và nó có thể sẽ là điển hình cho một bước ngoặt của cuộc chiến tranh Việt Nam*. Ông tức tốc điều Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 tiến về phía mặt trận Đường số 9, đồng thời, chuyển toàn bộ lữ đoàn lính thủy đánh bộ quân Nam Triều Tiên ra Đà Nẵng thay thế lính thủy đánh bộ Mỹ để lực lượng này sẵn sàng cơ động tiến về khu vực Khe Sanh. Bộ chỉ huy tiền phương (MACVFORWARD) được thành lập, đặt tại Phú Bài (Huế) do Phó tướng Abrams phụ trách để điều khiển lực lượng đối phó với chiến sự Khe Sanh.

Để tạo thêm áp lực cho Tà Con, buộc địch phải phản ứng mạnh và sớm hơn, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tổ chức lực lượng tiến công cứ điểm Làng Vây, giao cho đồng chí Lê Ngọc Hiền (Phó Tư lệnh Mặt trận B5) phụ trách, nhưng sau đó giao lại cho Bộ chỉ huy Sư đoàn 304 đảm nhiệm với sự tham gia của hai đồng chí Trần Văn Ân, Dương Bá Nuôi (cán bộ Sư đoàn 325). Do địch ném bom bắn phá hết sức ác liệt, điều kiện địa hình lại phức tạp nên công tác chuẩn bị tiến công Làng Vây không kịp tiến độ kế hoạch đề ra, mãi đến đầu tháng 2-1968, Sư đoàn 304 mới hoàn thành công tác chuẩn bị, sẵn sàng đánh chiếm Làng Vây.

### **2.1.2. Hướng Đông**

Ngày 19-1-1968, Trung đoàn 270 đã tiến vào chốt tại Lâm Xuân, Bạch Cầu, Hoàng Hà. Đêm ngày 20-1, Trung đoàn phối hợp chặt chẽ với bộ đội đặc công hải quân tiến hành đánh chặn nhiều tàu địch trên sông Cửa Việt. Trước nguy cơ chi việc đường sông bị cắt đứt hoàn toàn, địch phải tổ chức lực lượng

---

năng, tác dụng của xe tăng cũng như những quy định về hiệp đồng chiến đấu khi xe tăng vận động. Bộ đội ta chỉ mới tập nhảy lên, xuống xe, vận động theo sau xe trong một thời gian tối thiểu.

giải toả. Mỹ - nguy đã huy động một lực lượng lớn gồm bộ binh có pháo binh, không quân và xe tăng yểm trợ tổ chức các cuộc tiến công vào trận địa chốt của ta trong 3 ngày liên tiếp (21, 22 và 23-1-1968). Tuy nhiên, tất cả những cuộc tiến công nhằm giải toả đường sông đoạn Đông Hà - Cửa Việt của địch đều bị ta đánh bại. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 347 tên địch (trong đó có hơn 100 lính Mỹ), phá huỷ 7 xe tăng và xe M113, bắn hỏng 3 tàu trên sông. Các trận địa chốt của ta được giữ vững.

Sau thất bại của các đợt tiến công trên, ngày 24-1-1968, địch huy động Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 1 thuỷ quân lục chiến Mỹ cùng một số đơn vị quân đội Sài Gòn tổ chức một cuộc tiến công mãnh liệt vào chốt Hoàng Hà của ta nhưng không thành. Địch bị diệt hơn 200 tên.

Không thành công đánh bật lực lượng ta khỏi chốt Hoàng Hà, vào tuần cuối tháng 1-1968, địch tập trung lực lượng, hoả lực đánh vào chốt Lâm Xuân, Bạch Cầu. Trước sức tiến công lớn của địch, bộ đội ta bị thương vong nhiều nên phải rút lui.

Cùng thời gian đó, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 320 lệnh cho Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 được tăng cường một bộ phận hoả lực nhanh chóng triển khai xây dựng công sự trận địa bí mật tại Động Mã<sup>1</sup>; đồng thời lệnh cho Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 64 tiến vào chiếm lĩnh trận địa phía nam Cù Đình (khu vực điểm cao 182) sẵn sàng đánh địch trên Đường số 9; lệnh cho Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 tổ chức bám đánh địch trên Đường 76; bộ phận còn lại thực hiện trinh sát, tiếp cận chi khu quận lỵ Cam Lộ, sẵn sàng cơ động đánh địch và nhận các nhiệm vụ tiếp theo.

Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Trong hai ngày 23 và 24-1-1968, Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 Sư đoàn 320 đã đánh nhiều trận trên Đường số 9, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên địch, phá huỷ 10 xe quân sự địch (trong đó có 2 xe tăng). Trước thất bại đó, ngày 25-1-1968, Mỹ đã lập tức điều Tiểu

---

<sup>1</sup> Đây là một dãy điểm cao nằm sát phía nam Đường số 9, bao gồm các điểm cao 322, 288, 166, 544 chạy nối tiếp nhau gần sát với căn cứ địch.

đoàn 3 lính thuỷ đánh bộ từ Đông Hà ra Cam Lộ chuẩn bị tiến công Động Mã, tiêu diệt Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 nhằm "kiểm soát" lại tuyến đường này. Tuy nhiên, ý định của địch chưa kịp thực hiện thì vào đêm 27-1-1968, Tiểu đoàn 7 đã hành quân cấp tốc, luồn rừng, lội suối tiếp cận và nổ súng đánh địch ngay trong đêm. Địch hoàn toàn bị bất ngờ. Một phần lớn địch bị diệt, số còn lại sống sót chạy ẩn nấp trong rừng chờ đồng bọn tiếp ứng. Sư đoàn 320 đã hoàn thành nhiệm vụ cắt đứt Đường 9, tiêu diệt một bộ phận địch cơ động giải toả, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị bạn ở hướng Tây chiến đấu.

Nhằm thu hút nhiều địch hơn nữa lên mặt trận Đường số 9, ngày 27-1-1968, Bộ Tư lệnh chiến dịch lệnh cho Sư đoàn 320 phải "*chọn một căn cứ địch trong hệ thống phòng ngự của địch để tiến công*" [63, tr. 38]. Sau khi phân tích tình hình bố phòng của địch, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 320 quyết định lệnh cho Trung đoàn 48 tiến công tiêu diệt chi khu, quận lỵ Cam Lộ<sup>1</sup>. Đêm 31-1-1968, Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 tổ chức tiến công. Địch hoàn toàn bị động đối phó, một phần lớn bị ta tiêu diệt, một bộ phận không đủ sức chống đỡ đã chui xuống các hầm ngầm cố thủ. Ta giải phóng hơn 6.000 dân ở các ấp chiến lược xung quanh. Sau những phút bị động ban đầu, địch cho máy bay đến ném bom, sử dụng pháo binh bắn phá dồn dập vào đội hình ta, gây cho ta nhiều thương vong<sup>2</sup>. Khi trời sáng, địch lập tức điều một tiểu đoàn Mỹ phối hợp với bọn địch cố thủ trong hầm ngầm tổ chức phản kích. Trung đoàn 48 tổ chức rút lui. Trận đánh Cam Lộ tuy chưa thành công nhưng đã làm rung chuyển hệ thống phòng thủ hướng Đông của địch, tiêu diệt một bộ phận lớn lực lượng, phương tiện chiến tranh của địch, buộc chúng phải đưa lực lượng và hoả lực ứng cứu. Trận đánh này để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu về sau.

---

<sup>1</sup> Đây là một chi khu quân sự và là trung tâm hành chính quận lỵ của địch, là một mắt xích quan trọng trong hệ thống phòng thủ của địch trên Đường số 9, nằm ở ngã ba Đường số 9 và Đường số 76. Từ lâu, địch đã tập trung về đây nhiều tên ác ôn của ba huyện Cam Lộ, Do Linh, Hướng Hoá nhằm thực hiện cho bằng được chương trình "bình định" ở khu vực này.

<sup>2</sup> Trong trận đánh này, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1 Bùi Dung hy sinh. Các cán bộ chỉ huy đại đội bị thương vong gần hết.



### 2.1.3. Tiến công tiếp

Đêm 30, rạng 31-1-1968, quân dân ta đồng loạt tiến công vào hầu khắp các đô thị trên toàn miền Nam. Mỹ và chính quyền Sài Gòn sau phút đầu choáng váng đã tổ chức lực lượng phản kích, giải toả những khu vực, thành phố đã bị mất. Đặc biệt, tại chiến trường Trị - Thiên (chủ yếu là Thị xã Quảng Trị và Thừa Thiên Huế), quân và dân ta đã tiến công đánh tiêu diệt nhiều lực lượng địch, chiếm giữ thành phố Huế 26 ngày đêm (31-1 đến 25-2-1968). Trước tình hình đó, địch buộc phải rút một bộ phận lực lượng từ chiến trường Đường số 9 - bắc Quảng Trị về giải cứu cho những khu vực trọng điểm tại Trị - Thiên<sup>1</sup>.

Ngày 2-2-1968, Thượng tướng Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đã điện cho Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh: "*Bộ Chính trị rất không yên tâm vấn đề Đường số 9. Lý do gì, vì sao, có khó khăn gì mà không đánh mạnh phối hợp để địch rút lực lượng từ Đường số 9 (hướng đông) vào Trị - Thiên gây khó khăn cho Trị Thiên*" [7, tr. 28].

Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, Bộ Tư lệnh chiến dịch đôn đốc Sư đoàn 304 khẩn trương chuẩn bị tiến công tiêu diệt cứ điểm Làng Vây càng sớm càng tốt, buộc địch phải đưa quân lên ứng cứu.

Làng Vây là một trong 3 cứ điểm mạnh của địch ở hướng Tây (Làng Vây, Tà Con, quận lỵ Hướng Hoá). Lúc đầu, nó được xây dựng tại địa điểm cách đó 1.000m về hướng bắc (thường gọi là Làng Vây cũ), nhưng đến đầu năm 1967, địch đã xây dựng một căn cứ mới về phía nam Làng Vây cũ và căn

---

<sup>1</sup> Kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân được đảm bảo tuyệt mật, chỉ những ai trực tiếp tham gia xây dựng Kế hoạch và chỉ một số đồng chí trong Bộ Chính trị mới biết. Đến ngày 21-1-1968, Bộ Chính trị mới quyết định giờ nổ súng tiến công vào đô thị là vào thời khắc Giao thừa Tết Mậu Thân. Thời gian nổ súng này cũng được giữ hết sức bí mật, không phổ biến đến cấp chiến dịch. Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh không được biết. Do đó, trước và trong giờ nổ súng của toàn miền Nam, tại mặt trận Đường số 9 ta không tổ chức đánh mạnh hơn nữa, gia tăng sức ép hơn nữa nhằm buộc địch phải đưa lực lượng ra chiến trường này sớm hơn. Do áp lực của ta tại mặt trận Đường 9 chưa đủ mạnh nên địch chưa điều lực lượng giải toả, hạn chế phần nào thắng lợi của ta tại các đô thị.

cứ mới này được gọi là Làng Vây mới (thường chỉ gọi là Làng Vây). Địch đã rút đại bộ phận quân về đóng tại Làng Vây mới. Cứ điểm Làng Vây mới được xây dựng trên bình độ 320m bao gồm hệ thống công sự, hầm ngầm bằng gỗ đất xen kẽ lô cốt ximăng đúc sẵn, xung quanh có nhiều lớp hàng rào dây thép gai và bãi mìn. Hệ thống cứ điểm này được chia thành nhiều khu vực, mỗi khu vực do một đại đội địch chốt giữ. Tổng số quân địch có khoảng 600 tên (trong đó có một số cố vấn là người Mỹ) được trang bị những loại vũ khí, hoả lực mạnh gồm: 16 súng cối 60mm, 278 súng M79, 4 súng cối 81mm, 4 súng cối 106,7mm, 1 súng ĐKZ 75, 1 súng ĐKZ57, hàng trăm súng tiểu liên AR-15 và các-bin. Ngoài ra, nếu bị ta tiến công, cứ điểm Làng Vây còn được sự hỗ trợ tối đa của hoả lực địch tại căn cứ Tà Con, căn cứ 241, được không quân trực tiếp chi viện.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên giao là tiêu diệt cứ điểm Làng Vây, Sư đoàn 304 đã sử dụng lực lượng gồm: Trung đoàn bộ binh 24 (thiếu Tiểu đoàn 6 đã tăng cường cho Mặt trận Trị Thiên - Huế) được tăng cường thêm Tiểu đoàn bộ binh 3 Sư đoàn 325, Tiểu đoàn xe tăng 198 (thiếu 1 đại đội) gồm 16 chiếc PT-76, 2 đại đội đặc công 4 và 40, 1 đại đội AM-14,5mm, 1 trung đội súng phun lửa. Khi lực lượng này tiến công Làng Vây sẽ được Tiểu đoàn pháo binh 122mm nòng dài của Trung đoàn pháo binh 675 trực tiếp chi viện hoả lực. Hai tiểu đoàn công binh được huy động làm đường đảm bảo cho xe tăng ta cơ động vào bố trí trên các hướng tiến công Làng Vây.

Theo kế hoạch, cuộc tiến công cứ điểm Làng Vây sẽ được tiến hành vào đêm 5-2-1968. Nhưng vì nhận thấy điều kiện chuẩn bị cho cuộc tiến công chưa đảm bảo (nhất là sự phối hợp giữa lực lượng pháo binh, xe tăng và bộ binh chưa tốt) nên Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 quyết định lùi thời gian tiến công 1 ngày. Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 6-2-1968, cuộc tiến công Làng Vây (với mật danh mục tiêu A2) chính thức được bắt đầu. Pháo binh của Trung đoàn 45 và Sư đoàn 304 đồng loạt bắn phá dữ dội vào căn cứ Làng Vây, đặc công tiến hành mở cửa, phối hợp với pháo binh khống chế các trận địa hoả lực

địch, tạo điều kiện cho các hướng triển khai tiến công. Quân ta tiến công từ 3 hướng (hướng tây, hướng nam và đông bắc), trong đó hướng nam và hướng tây có xe tăng tham gia<sup>1</sup>. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức quyết liệt. Dựa vào hệ thống công sự, hầm hào, quân địch ra sức chống đỡ cuộc tiến công của ta. Hoả lực địch tại Tà Cơn và căn cứ 241 ào ạt bắn phá trên các hướng quân ta tiến công khiến cho nhiều chiến sĩ ta thương vong. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 quyết định lệnh cho xe tăng tiến hành đột phá vào khu trung tâm, nhanh chóng tiêu diệt sở chỉ huy cứ điểm. Đến 8 giờ sáng ngày 7-2-1968, quân ta hoàn toàn làm chủ cứ điểm Làng Vây. Ta đã tiêu diệt và bắt sống 400 tên, (trong đó có 5 tên Mỹ), thu toàn bộ vũ khí và quân trang, quân dụng<sup>2</sup>. Số quân địch còn lại rút chạy về căn cứ Làng Vây cũ, ý định phối hợp với số quân địch ở đây tổ chức phản kích chiếm lại Làng Vây đã mất. Tuy nhiên, chúng chưa kịp thực hiện thì ngay trong ngày 7-2-1968, Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 đã nổ súng tiến công cứ điểm Làng Vây cũ. Quân địch hoảng loạn tháo chạy. Do ta bao vây không kín nên phần lớn địch đã chạy thoát về căn cứ Tà Cơn.

Như vậy, Làng Vây - căn cứ duy nhất còn lại bảo vệ Tà Cơn (căn cứ chiến đấu chính của địch) từ hướng tây đã bị tiêu diệt. Ta đã khai thông đoạn Đường số 9 từ Cà Lu đến sát biên giới Việt - Lào nối với đường Trường Sơn, buộc địch phải tăng viện ứng cứu. Đợt 1 của chiến dịch kết thúc.

Trong đợt 1, trên cả hai hướng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.600 địch (trong đó có hàng trăm quân Mỹ), bắn rơi và bắn cháy 19 máy bay các loại, phá huỷ hàng chục khẩu pháo, hàng chục xe cơ giới, thu giữ nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

---

<sup>1</sup> Theo kế hoạch lúc đầu, ta sẽ tiến công cứ điểm Làng Vây vào cuối tháng 1-1968. Vì vậy mà đến ngày 21-1-1968, Đại đội 9 xe tăng gồm 8 chiếc PT-76 đã vào vị trí tập kết tại Pê Sai, cách mục tiêu Làng Vây 3 km. Tuy nhiên, từ vị trí tập kết cơ động vào chiến đấu phải đi qua nhiều đoạn hiểm trở, khó đảm bảo đúng thời gian quy định nên kế hoạch tiến công Làng Vây bị hoãn lại. 8 chiếc xe tăng của ta đã vào vị trí tập kết không thể rút ra được, lại phơi mình trên đồi cỏ tranh, ít cây cối, chỉ che được phần bánh xích, địch rất dễ phát hiện. Để đảm bảo bí mật chờ đúng thời điểm, các chiến sĩ xe tăng đã đan sọt, đồ đất và đánh từng mảng cỏ phủ lên trên nguy trang. Việc giữ bí mật về 8 chiếc xe tăng trong suốt nhiều ngày đêm cho đến giờ nổ súng đã là một thắng lợi lớn của ta. Địch rất bất ngờ vì xe tăng của đối phương không biết từ đâu mà ra!

<sup>2</sup> Ta có 1 xe tăng bị hỏng, 1 xe tăng bị bắn cháy.

## **2.2. Đợt 2- Tổ chức vây lấn và tiến công căn cứ Tà Cơn (từ ngày 10-2 đến 31-3-1968)**

### **2.2.1. Phương châm**

Tà Cơn là căn cứ phòng thủ chính của tập đoàn cứ điểm Khe Sanh, có chiều rộng 1.200m, dài 2.200m; phía bắc là các cao điểm 845, 832; phía tây có các cao điểm 471, 575, 503 và Động Ché Riêng; phía đông có sông Rào Quán tuy không rộng nhưng lại khá sâu, bờ sông có vách đá dựng đứng rất khó qua lại; phía nam địa hình thấp hơn thoải dần ra phía Đường số 9.

Cho đến đầu tháng 2-1968, lực lượng địch tại cụm cứ điểm Tà Cơn gồm 5 tiểu đoàn bộ binh tăng cường (4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ, Tiểu đoàn 37 biệt động quân Sài Gòn); ngoài ra, còn có 1 tiểu đoàn pháo binh 155mm và 105mm, 1 đại đội xe tăng, 1 đội thám báo (Lôi Hồ) gồm hơn 300 tên, tổng số lực lượng địch gần 10.000 tên, được bố trí:

*Phía bắc*, có 1 tiểu đoàn Mỹ chiếm giữ các điểm cao 845, 852, 550, Động Tri;

*Phía tây*, có 1 tiểu đoàn Mỹ chiếm giữ điểm cao 573, 552;

*Phía nam*, là Tiểu đoàn 37 biệt động quân Sài Gòn án ngữ cửa vào căn cứ chính Tà Cơn.

Địch bố trí 1 tiểu đoàn cơ động ở phía bắc Tà Cơn, 1 tiểu đoàn cơ động ở sở chỉ huy. Tiểu đoàn pháo được bố trí thành 2 trận địa ở phía tây và đông bắc Tà Cơn. Giữa căn cứ Tà Cơn là sân bay Tà Cơn, chạy dọc theo chiều tây bắc - đông nam, có thể cho các loại máy bay vận tải cỡ lớn C-123, C-130 hạ cánh. Xung quanh sân bay là một hệ thống bao gồm gần 50 lô cốt và các ụ súng chiến đấu với một hệ thống hầm ngầm kiên cố sâu trong lòng đất. Bao quanh căn cứ Tà Cơn, địch cho xây dựng một hệ thống hàng rào dây thép gai đủ các loại, nơi ít nhất cũng có 5 lớp hàng rào, các bãi mìn. Ngay từ khi mới xây dựng, địch đã tiến hành dồn dân, lập các ấp chiến lược Châu Lang Chánh, A Sơn, Tà Cơn, Làng Chàm nhằm tạo ra một "khu đệm" an toàn cho căn cứ.

Việc Làng Vây thất thủ đã gây nên sự hoang mang lớn cho Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ (MACV). Tướng A-brams - Phó tổng chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã được Oét-mo-len giao phụ trách Bộ Tư lệnh tiền phương của MACV ra Vùng 1 chiến thuật để đối phó với ta tại chiến trường Đường số 9. Sư đoàn Kỵ binh không vận số 1 Mỹ được lệnh sẵn sàng tham gia giải vây cho Tà Cơn. Tuy nhiên, do quân ta ở Trị Thiên đang hoạt động mạnh, kế hoạch này chưa thực hiện được. Mỹ vẫn tập trung quân đội ở Trị Thiên. Còn tại mặt trận Đường số 9 - bắc Quảng Trị, địch chủ yếu dựa và hỏa lực pháo binh và máy bay ném bom đánh vào những trận địa của ta; đồng thời, chúng chỉ điều động một bộ phận quân lên tăng cường chiếm giữ những điểm cao xung quanh căn cứ chính Khe Sanh để hoàn chỉnh trận địa cố thủ nhằm tránh một cuộc bao vây dẫn tới thảm họa như Điện Biên Phủ năm 1954. Các máy bay vận tải được huy động để đưa người và trang bị vũ khí, những khối bê tông đúc sẵn... lên các điểm cao 550 ở phía Bắc, 595 và 573 ở phía tây. Để trấn an tinh thần hoang mang, lo sợ của quân Mỹ, Tổng thống Giôn-xơn hứa sẽ gửi những huy chương cho "những người lính kiên cường, dũng cảm" ở Khe Sanh; còn tướng Uy-lơ (Chủ tịch Hội đồng tham mưu trường liên quân) thì tuyên bố: "*Mọi việc chuẩn bị về quân sự đã được tiến hành chu đáo để bảo vệ Khe Sanh*"<sup>1</sup>. Tướng Oét-mo-len lại khẳng định: "*Bộ chỉ huy Mỹ có thể cung cấp cho quân Mỹ mọi hỏa lực, đồ tiếp tế và sự hỗ trợ không giới hạn của không quân cho Khe Sanh*"<sup>2</sup>.

Nhận thấy sức ép uy hiếp Tà Cơn chưa đủ mạnh, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định đẩy mạnh tiến công uy hiếp Tà Cơn theo phương châm: tích cực tiêu hao sinh lực địch; phá huỷ phương tiện chiến tranh; triệt tiếp tế bằng đường không, cắt tiếp tế bằng đường bộ của địch nhằm hãm địch vào thế nguy khốn hơn nữa, buộc chúng phải đưa quân lên ứng cứu, giải toả càng sớm càng tốt. Để thực hiện được quyết tâm đề ra, Bộ Tư lệnh đã điều chỉnh kế

---

<sup>1</sup> Tin UPI ngày 6-2-1968.

<sup>2</sup> Tin AP ngày 9-2-1968.

hoạch uy hiếp Tà Con với quyết tâm cao hơn là chuyển từ *vây hãm* sang *vây lấn* Tà Con. Bộ chỉ huy chiến dịch đã điều chỉnh đội hình chiến đấu. Pháo binh được giao nhiệm vụ: "*Chi viện trực tiếp cho các đơn vị vây lấn, không chế sân bay tiến tới không cho máy bay hạ cánh, triệt tiếp tế đường không, phá kho tàng, sở chỉ huy, khu trung tâm thông tin, sát thương sinh lực địch, gây căng thẳng, hạn chế hoạt động của địch. Đồng thời, làm nhiệm vụ chế áp pháo binh địch sẵn sàng hoả lực đánh địch tăng viện giải vây*" [38, tr. 235]. Các đơn vị vào vây lấn phải tiến hành xây dựng xong hệ thống công sự trận địa vững chắc, lực lượng ít nhưng hoả lực mạnh; các lực lượng phía sau phải tích cực tham gia đánh địch, sẵn sàng cơ động đánh địch phản kích hay đón đánh địch ứng cứu, giải vây bằng đường không và đường bộ; các đơn vị pháo binh phải tăng cường chi viện trực tiếp cho các đơn vị vây lấn, bắn phá kho tàng, sở chỉ huy địch, khu thông tin và sân bay trong căn cứ Tà Con nhằm cô lập triệt để căn cứ chiến đấu của địch [7, tr. 30 - 31]. Chấp hành mệnh lệnh cấp trên, các đơn vị nhanh chóng bắt tay triển khai kế hoạch tác chiến được điều chỉnh.

### **2.2.2. Hướng Tây**

*Phía bắc và tây bắc Tà Con*, Sư đoàn 325 tổ chức kiềm chế địch tại các điểm cao 845, 832 và Động Tri. Mục tiêu đặt ra cho đơn vị là cố gắng tiêu diệt 1 - 2 điểm phòng ngự của địch nhằm mở đường uy hiếp Tà Con gần hơn nữa. Một bộ phận của Sư đoàn sẵn sàng đánh địch ra ứng cứu, giải toả.

*Phía nam Tà Con*, Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 tổ chức cho các tiểu đoàn vào vây lấn; Trung đoàn 24 và Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 sẵn sàng đợi lệnh đánh địch ứng cứu giải toả ở nam và tây nam Tà Con. Các trận địa vây lấn được thiết lập và củng cố, bao vây uy hiếp Tà Con. Mỗi phân đội vây lấn gồm khoảng 40 người được trang bị súng cối 82mm, 60mm, súng máy cao xạ 12,7mm và súng chống tăng B41 đủ sức đánh trả các cuộc phản kích của các phân đội địch.

Đến ngày 10-2-1968, 4 trung đoàn chủ lực của ta (Gồm: Trung đoàn 9, Trung đoàn 66 của Sư đoàn 304 và Trung đoàn 95C, 101D của Sư đoàn 325) cùng lực lượng vũ trang địa phương đã tổ chức được 13 trận địa vây lấn xung quanh Tà Con. Các trận địa vây lấn của ta đã nằm sát với hàng rào của địch, có mũi vây lấn đã xuyên qua hàng rào tiếp cận tiền duyên phòng ngự bên trong của địch. Từ các trận địa vây lấn, kết hợp với pháo binh chiến dịch, ta tiếp tục bắn phá vào Tà Con, một số chiến sĩ ta đã dùng súng bắn tĩa vào những tên địch đi lại trong lô cốt. Địch lo sợ không dám chui lên khỏi mặt đất, chủ yếu ẩn nấp dưới hầm ngầm. Các mũi vây lấn của ta ngày càng tiến sâu như những mũi dao đâm vào trái tim địch. Địch càng hoang mang, lo sợ thì chúng càng điên cuồng ném bom, bắn phá hòng làm giảm sức ép của ta.

Trong lúc chiến sự đang diễn biến ác liệt, giữa tháng 2-1968, Sư đoàn 325 được Bộ Tổng Tư lệnh điều vào chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên; Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 vào thay nhiệm vụ của Sư đoàn 325. Bộ Tư lệnh Mặt trận và Sư đoàn 325 quyết định để lại một tiểu đoàn của Sư đoàn 325 đang giữ 1 chốt vây lấn ở sâu nhất, chuyển giao cho Sư đoàn 304 chỉ huy nhằm tránh sự xáo trộn, thiếu hụt lực lượng đột ngột. Nhận thấy quân địch trên các điểm cao 832 và 845 không có khả năng phản kích quân ta, chỉ huy Trung đoàn 66 quyết định chỉ để lại một bộ phận ở lại kiểm chế địch tại hai điểm cao này, còn đa số lực lượng lập tức được đưa vào trực tiếp vây lấn phía tây Tà Con. Trận địa vây lấn của Trung đoàn đã tiến vào sát hàng rào căn cứ địch. Các chiến sĩ dùng mìn định hướng cùng với bộc phá phá hủy vật cản áp sát căn cứ địch, có nơi chỉ cách địch 100 - 150m, thực hiện bắn tĩa tiêu diệt nhiều tên địch đi lại trong căn cứ.

Tại phía nam Tà Con, Trung đoàn 9 tổ chức 3 mũi vây lấn tiến sát các hàng rào địch. Đến cuối tháng 2-1968, chiến sĩ ta đã cắt đứt hệ thống hàng rào; trận địa vây lấn phía sân bay Tà Con cũng cắt được một nửa hàng rào, cách tiền duyên phòng ngự của địch khoảng 40-50m. Trong 3 ngày 29-2 và 1,

2-3-1968, ta tổ chức xung phong đánh chiếm một số mục tiêu địch nhưng không thành công.

Pháo binh ta liên tục nã đạn xuống sân bay Tà Cơn khiến cho địch không dám sử dụng những máy bay vận tải cỡ lớn (C123 và C130) mà chúng chỉ sử dụng những loại máy bay nhỏ cơ động thả dù tiếp tế.

Phía bắc và đông Tà Cơn địa hình rất hiểm trở nên ta không bố trí lực lượng uy hiếp.

Trước sự bắn phá mạnh mẽ của pháo binh và trận địa vây lấn của ta, quân địch ở Tà Cơn ngày càng lâm vào tình trạng khốn quẫn. Hàng tiếp tế không đáp ứng được nhu cầu chiến đấu của chúng. Các máy bay tiếp tế chủ yếu thực hiện vào ban đêm, tinh thần quân địch hết sức hoang mang... Nhằm chấn an tinh thần chiến đấu của quân sĩ, giải toả áp lực bao vây, sở chỉ huy địch tại căn cứ Tà Cơn đã cố gắng tổ chức những cuộc phản kích bằng lực lượng tại chỗ hòng đẩy lực lượng ta ra xa. Ngày 25-2-1968, địch đưa 2 đại đội thuỷ quân lục chiến Mỹ cùng một số quân biệt động từ Tà Cơn chia làm 2 mũi tiến đánh vào trận địa vây lấn của ta ở Châu Lang Chánh (còn gọi là chốt 4)<sup>1</sup>. Một phân đội thuộc Trung đoàn 66 của ta đang chốt tại đây<sup>2</sup> đã tổ chức đánh chặn địch ngay khi chúng vừa vào tầm ngắm. Trận đánh diễn ra ác liệt, kéo dài từ 8 giờ đến 14 giờ 45 phút cùng ngày. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 200 địch. Bị thương vong nhiều, địch buộc phải rút lui<sup>3</sup>.

Ngày 8-3-1968, một đại đội biệt kích tăng cường quân đội Sài Gòn có tên "Lôi Hồ" tổ chức phản kích đánh vào chốt 1 của ta ở đông nam Tà Cơn do một phân đội của Trung đoàn 9 đang chốt giữ. Địch đánh giá đây là "mối đe dọa trực tiếp" sân bay Tà Cơn do vị trí của chốt này nằm sát sân bay, có địa

---

<sup>1</sup> Đây là trận địa vây lấn lợi hại nhất của ta, cách địch 400m. Từ cụm chốt này, ta đã đào được 300m hào lấn vào hàng rào địch. Các hoả lực của ta ở chốt này (cối 82, B40, B41, ĐKZ, 12,7 mm) liên tục bắn phá vào sân bay Tà Cơn, gây hoang mang cho địch. Không chịu nổi những đòn bắn phá mãnh liệt đó, chỉ huy địch quyết định mở các cuộc phản kích nhằm triệt phá cho được sự đe dọa từ chốt này.

<sup>2</sup> Đại đội 8 Tiểu đoàn 2, quân số lúc này chỉ còn 39 người.

<sup>3</sup> Khi địch rút chạy, ta tiến hành kiểm tra thu vũ khí, đếm được 125 xác chết Mỹ, nhưng theo lời khai của 2 hàng binh nguy từ Tà Cơn chạy ra, thì trong trận này, địch bị chết 200 tên, trong đó có 180 lính Mỹ. Địch không ra thu xác đồng đội mà cho máy bay tưới xăng và dùng bom cháy napan để thủ tiêu xác chết đồng bọn [60, tr. 94].



hình cao, tầm không chế rất rộng. Địch đã cho máy bay oanh tạc dữ dội vào trận địa ta trong 3 giờ đồng hồ, sau đó huy động lực lượng bộ binh mở các mũi tiến công. Các chiến sĩ ta đã lợi dụng địa hình, địa vật, dựa vào hệ thống công sự mới đào tổ chức đánh bại cuộc phản kích của địch. Hầu hết quân địch phản kích đều bị ta tiêu diệt.

Đến những ngày cuối tháng 3, địch lại tổ chức các cuộc phản kích ra phía tây Tà Cơn. Ngày 28-3-1968, một đại đội Mỹ đánh ra chốt 3 (Châu Lang Chánh) bị bộ đội ta đẩy lùi. Đến ngày 30-3-1968, địch huy động một số quân lớn gồm 2 đại đội quân đội Sài Gòn, 2 đại đội Mỹ có xe tăng và pháo binh yểm trợ đánh vào chốt 3 (Châu Lang Chánh) lần thứ hai. Ngay từ chiều ngày 29-3, địch cho máy bay ném bom và pháo kích dữ dội vào trận địa chốt của ta. Đến 1 giờ sáng ngày 30-3, địch lại dùng máy bay, pháo binh bắn phá lần 2 trong nhiều giờ đồng hồ, tạo điều kiện cho bộ binh triển khai tiến công. Đến 4 giờ sáng, địch bắt đầu cho lực lượng bộ binh có xe tăng, pháo binh yểm trợ tổ chức tiến công. Trận đánh kéo dài từ 7 giờ đến 12 giờ 40 phút, diễn ra hết sức ác liệt. Quân ta dựa vào hệ thống công sự trận địa vững chắc đánh bại mọi mũi tiến công của địch. Không đạt được kết quả, địch buộc phải rút lui về Tà Cơn. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên địch.

Phối hợp với các cuộc phản kích tại chỗ, địch sử dụng không quân và pháo binh ném bom, bắn phá ác liệt vào các trận địa vây lấn và những khu vực chúng nghi ngờ có quân ta. Chỉ tính từ ngày 21-1-1968 đến ngày 31-3-1968, địch đã huy động các loại máy bay ném bom (kể cả máy bay ném bom chiến lược B52), sử dụng cả những loại bom sát thương lớn (napan) ném 100.000 tấn bom xuống khu vực Khe Sanh. Pháo binh địch đã bắn trên 150.000 quả đạn<sup>1</sup>. Quân ta với quyết tâm chiến đấu anh dũng, kiên cường bám trụ trận địa đánh địch. Những khẩu hiệu hành động như: "địch phá ta sửa", "quyết tâm biến Tà Cơn thành mồ chôn giặc Mỹ", "biến Khe Sanh thành

địa ngục trần gian của quân thù"... được cán bộ, chiến sĩ thực hiện triệt để. Mỗi ngày, quân ta phải sửa 40-50% công sự trận địa, có mìn đến 70% nhưng quân ta vẫn không ngừng đánh địch. Những nòng pháo của quân ta vẫn không ngừng nã đạn xuống sân bay Tà Con, trận địa vây lấn ngày càng "thắt lại" xung quanh căn cứ địch... Địch sớm muộn cũng phải sử dụng lực lượng tiến hành giải vây cho Tà Con.

### **2.2.3. Hướng Đông**

Do địa hình thuận lợi cho quân địch cơ động, tiếp tế nên địch tăng cường tổ chức chốt giữ và mở các cuộc phản kích đánh lui các hướng tiến công của ta. Cuối tháng 2-1968, Trung đoàn 1 Sư đoàn 324 cũ đang tiến hành bao vây Cồn Tiên được Bộ điều vào chiến đấu ở chiến trường Trị Thiên. Sư đoàn 320 đưa một bộ phận lực lượng vào thay thế, lực lượng còn lại tổ chức các trận đánh uy hiếp giao thông trên đoạn Cam Lộ - Tân Lâm. Địch phải tăng cường lực lượng giải tỏa. Ngày 1-3-1968, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 52 Sư đoàn 320 đã đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn một tiểu đoàn Mỹ - quân đội Sài Gòn tại thôn Mai Thị Xá (vùng Cát Sơn - Thủy Khuê). Sư đoàn 320 chuẩn bị tiến công địch tại Quán Ngang nhưng phải dừng lại do địch đã tăng cường lực lượng. Sư đoàn chỉ tổ chức thực hiện một số trận đánh nhỏ.

Phía đông đường số 1, Trung đoàn 270 phối hợp với một bộ phận Trung đoàn 52 tổ chức đánh một số mục tiêu của địch nhưng không thành công.

Vào giữa tháng 3, hoạt động của ta trên hướng Đông dần lắng xuống. Lực lượng hướng Đông tiếp tục được Bộ điều vào chiến trường Thừa Thiên - Huế. Sư đoàn 320 nhận lệnh rút ra nam Quân khu 4 củng cố, chuẩn bị cho đợt hoạt động vào tháng 5-1968.

---

<sup>1</sup> Riêng một đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ trên đồi 881 đã bắn gần 1.000 quả đạn cối chỉ trong một đêm khiến nòng súng đỏ rực lên. "Lính Mỹ phải xếp hàng dài vào cho nòng súng nguội bớt để tiếp tục bắn" [50, tr. 107].

### **2.3. Đợt 3- Đánh địch ứng cứu giải toả (từ ngày 1-4 đến ngày 7-5-1968)**

#### **2.3.1. Kế hoạch giải toả của địch và chủ trương của ta**

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong dịp Tết Mậu Thân 1968 của quân và dân ta đã làm chấn động nước Mỹ và thế giới. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn đọc bài diễn văn trực tiếp trên truyền hình, tuyên bố chấm dứt ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta và không ra tranh cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ tiếp theo. Tuy nhiên, như Đảng ta đã nhận định:

*Âm mưu cơ bản của Mỹ hiện nay là cố gắng dùng mọi cách ngăn cản ta đánh mạnh ở miền Nam, cố giữ cho tình hình miền Nam khỏi sụp đổ, nhất là giữ nguy quyền khỏi tan rã, rồi tìm một giải pháp trong danh dự. Nhưng âm mưu cơ bản của Mỹ vẫn không thay đổi, chúng vẫn bám lấy miền Nam. Chúng vẫn không chịu chấm dứt ném bom không điều kiện (...) vẫn tiếp tục các hành động chiến tranh khác ở khu vực đã tuyên bố là không ném bom. [27, tr. 210]*

Nhằm tiếp tục đưa cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành những thắng lợi to lớn hơn, Trung ương Đảng đề ra "*chủ trương tiến công địch về chính trị, phối hợp nhịp nhàng với tiến công địch trên chiến trường*". [27, tr. 212]

Bước vào tháng 4-1968, cuộc tiến công vào hầu khắp các đô thị của ta đã lắng xuống để chuẩn bị cho một cuộc tiến công mới. Trước diễn biến của chiến trường toàn miền Nam và căn cứ vào hiệu lực đánh địch trên chiến trường Đường số 9 - Khe Sanh, Bộ Quốc phòng quyết định tách hướng Đông đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tổng Tư lệnh. Phạm vi của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh giờ đây tập trung vào hướng Tây (Khe Sanh). Lực lượng ta ở hướng Tây lúc này có: Sư đoàn 304 (thiếu 1 tiểu đoàn - Tiểu đoàn 6 được bổ sung cho mặt trận Huế), Tiểu đoàn bộ binh 8 độc lập (đơn vị của Sư đoàn 325 để lại), 1 tiểu đoàn pháo binh 122mm, 1 trung đoàn pháo ĐKB

và 1 trung đoàn pháo cao xạ. Trải qua một thời gian dài chiến đấu trong điều kiện ác liệt, quân số ta cũng bị thương vong nhiều, sức khoẻ giảm sút, trong khi đó các đơn vị đều chưa có sự bổ sung quân số.

Về phía địch, sau khi chiếm lại các đô thị, khu vực đã bị ta chiếm trong Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, trước sự nguy khốn của Khe Sanh, địch tập trung một lực lượng lớn nhằm tiến hành giải vây cho Tà Cơn. Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ quyết định mở một cuộc hành quân nhằm khai thông lại Đường số 9, giải tỏa cho Khe Sanh. Lực lượng địch tham gia cuộc hành quân này gồm có Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 Mỹ<sup>1</sup>; Chiến đoàn dù 3 quân đội Sài Gòn có 3 tiểu đoàn (mỗi tiểu đoàn khoảng 800 - 1.000 quân); 1 pháo đội (tương đương với 1 tiểu đoàn pháo binh). Tổng số lực lượng địch tham gia cuộc hành quân này là 17 tiểu đoàn (tính cả lực lượng quân đồn trú)<sup>2</sup>. Quân địch ở Khe Sanh ra sức củng cố công sự, đưa nhiều phân đội biệt kích, thám báo ra lùng sục, thăm dò. Trên Đường số 9, địch tăng cường trinh sát. Không quân và pháo binh địch tăng cường đánh phá dọc hai bên Đường số 9 đoạn từ Tân Lâm đến Rào Quán; đồng thời, một bộ phận công binh địch tiến hành trinh sát, thăm dò và sửa chữa đường đoạn từ Cà Lu đi Hướng Hoá.

Trước những hoạt động trên đây của địch, Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã họp nhận định: *địch đang chuẩn bị cho một cuộc hành quân lớn lên Khe Sanh*. Nhưng tính chất của cuộc hành quân này thì ta chưa rõ là tiến hành giải vây rồi rút bỏ Khe Sanh hay là chỉ tiến hành giải vây và thay quân. Bộ Tư lệnh chiến dịch cho rằng cả hai khả năng này đều có thể xảy ra. Tuy nhiên, cho dù tính chất của cuộc hành quân này như thế nào đi nữa thì đây cũng là một cơ hội rất thuận lợi cho ta tiêu diệt địch ngoài công

---

<sup>1</sup> Đây là sư đoàn cơ động đường không đầu tiên, tinh nhuệ nhất của Quân đội Hoa Kỳ, được thành lập ngày 1-7-1965 theo sáng kiến của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mác Na-ma-ra (McNamara), gồm 16.000 quân, hơn 400 máy bay trực thăng, hơn 1.600 xe các loại, được Nhà Trắng và Lầu Năm góc xem là "niềm hi vọng lớn nhất của lực lượng Mỹ". Sư đoàn này tham gia cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, gồm 9 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn trinh sát đường không, 5 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn trực thăng rốcét, 3 tiểu đoàn trực thăng (có 11 đại đội trực thăng công kích, chi viện công kích).

<sup>2</sup> Người Mỹ gọi cuộc hành quân của Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 là cuộc hành quân PEGASUS, còn gọi là "Ngựa bay". Quân đội Sài Gòn gọi cuộc hành quân mà họ tham gia này là Lam Sơn 207.

sự. Để giành thắng lợi to lớn nhất, Bộ Tư lệnh chiến dịch hạ quyết tâm: *động viên bộ đội, tận dụng mọi lực lượng hiện có, nắm vững thời cơ để tiêu diệt địch ngoài công sự*. Kế hoạch chiến đấu được điều chỉnh như sau:

- Nhanh chóng điều gấp một bộ phận lực lượng ra chốt chặn tại những điểm dọc trên Đường số 9 (tập trung Tiểu đoàn 8 thiếu một đại đội tại phía tây Cà Lu). Nhiệm vụ của bộ phận này là tiến hành đánh chặn địch trên đường số 9, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, làm chậm bước tiến của chúng về Khe Sanh.

- Bộ phận vây lấn địch ở cụm cứ điểm Tà Con phải củng cố, giữ vững trận địa, lấn sâu về phía địch, tích cực đánh địch phản kích và không ché chúng trong căn cứ, triệt để cô lập căn cứ Tà Con.

- Một bộ phận cơ động sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không xuống Tà Con hay đổ bộ xuống phía sau đội hình, trận địa vây lấn của ta, tiêu diệt càng nhiều càng tốt sinh lực địch.

*Phương châm chỉ đạo*: kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, binh chủng để tiêu diệt từng bộ phận, từng cuộc hành quân, từng mũi tiến công của địch. *Phương pháp tiến công*: vận dụng linh hoạt các hình thức vận động tiến công tiến hành đánh vào sườn, sau lưng, chia cắt đội hình địch không để chúng co cụm...; khi địch vừa đổ bộ xuống hay vừa đứng chân chưa vững phải tiến hành vận động tập kích.

### **2.3.2. Diễn biến cụ thể**

*\* Đánh địch giải tỏa giao thông (từ ngày 1-4 đến 6-4-1968).*

Sáng ngày 1-4-1968, địch cho máy bay và pháo binh ném bom bắn phá ác liệt vào khu nam, bắc Rào Quán và Sa Muru để chuẩn bị bãi đổ quân. Lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày, Lữ đoàn 3 Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ từ Đồng Lâm cơ động bằng máy bay lên thẳng đổ bộ 1 tiểu đoàn xuống Đồng Cho, Úc Nghi, Sa Muru, Bồng Kho; 1 tiểu đoàn xuống Làng Cát, 1 tiểu đoàn và Sở chỉ huy Lữ đoàn 3 đổ xuống Sa Muru. Ngay khi đổ quân xuống, địch nhanh chóng xây dựng trận địa, thực hành chốt tại các điểm cao ở hai bên ven

Đường số 9 (đoạn Cà Lu - Rào Quán) nhằm yểm hộ cho lực lượng công binh đổ bộ xuống sửa chữa đường.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh chiến dịch nhận định rằng: *sau khi chiếm lĩnh được một số bàn đạp ở phía đông và đông nam Tà Con, địch sẽ tiếp tục dùng máy bay đổ quân xuống Ku Bốc và nam quận lỵ Hướng Hoá; đồng thời, lực lượng địch đang chốt tại Làng Cát sẽ tiến về phía tây, tạo thành một vành đai bao vây phía ngoài lực lượng đang vây lấn Tà Con, buộc ta phải kéo lực lượng vây lấn Tà Con giãn ra đối phó; tiếp đó, địch sẽ đổ quân trực tiếp xuống khu trung tâm, kết hợp lực lượng bên trong đánh ra, bên ngoài đánh vào để tiêu diệt lực lượng ta, thực hành giải toả cho Tà Con.* Xuất phát từ nhận định đó, Bộ Tư lệnh chiến dịch yêu cầu các lực lượng của ta cần giữ vững các trận địa vây lấn, tích cực đánh địch từ bên trong khu trung tâm phản kích ra, kết hợp đánh chặn quân đổ bộ đường không nhằm cắt đứt sự phối hợp trong đánh ra ngoài đánh vào của địch; đồng thời, các đơn vị phải chuẩn bị sẵn sàng đánh quân địch đổ bộ đường không vào sâu hậu phương chiến dịch của ta. Bộ Tư lệnh chiến dịch xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là tập trung lực lượng tiêu diệt tiểu đoàn địch vừa mới đổ bộ xuống Làng Cát, không cho chúng mở rộng bàn đạp sang phía tây.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh chiến dịch, các đơn vị nhanh chóng triển khai đánh địch cơ động trên Đường số 9, đánh lui nhiều đợt tiến công của tiểu đoàn địch ở Làng Cát về phía tây; tiêu diệt một bộ phận quân địch thuộc Lữ đoàn 2 Kỵ binh không vận đổ bộ xuống Húc Thượng (lúc 11 giờ sáng ngày 3-4-1968). Các đợt tiến công của quân địch ở Tà Con đánh ra chốt 3 của ta (Châu Lang Chánh) cũng bị các lực lượng vây lấn đẩy lui, buộc chúng phải co vào cố thủ.

Ngày 3-4, địch tiếp tục cho 1 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 2 Kỵ binh không vận đổ bộ xuống khu vực điểm cao 471, cách ngã ba Ku Bốc 2 km, trong lúc đó, một bộ phận lực lượng địch ở Tà Con cũng thực hiện đánh ra phía đông nam Động Ché Riêng, định phối hợp với quân giải vây cùng đánh chiếm ngã

ba Ku Bốc. Cuộc chiến đấu diễn ra rất quyết liệt. Các chiến sĩ ta chiến đấu rất anh dũng, chặn đánh các mũi tiến công của địch. Cùng ngày (3-4), quân địch đang chốt giữ ở Làng Cát cũng bắt đầu đánh sang Làng Khoai nhưng bị ta đẩy lùi.

Sáng ngày 4-4, địch tiếp tục đổ thêm 1 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 3 Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 từ Sa Mưu, thực hiện "nhảy cóc" xuống khu đồi ở đông nam Ku Bốc, cách ngã ba Ku Bốc 1,5 km, nhằm vây chặt lực lượng ta đang chốt giữ ở Làng Khoai, đồng thời làm bàn đạp tiến công đánh chiếm Ku Bốc. Cùng ngày (4-4), quân địch từ Làng Cát lại tiếp tục mở cuộc tiến công về phía lực lượng ta đang vây lẩn ở Tà Con; đồng thời, một bộ phận quân địch từ căn cứ Tà Con đánh ra chiếm Động Ché Riêng. Do nắm bắt trước được ý đồ của địch, các đơn vị của ta đã chặn đánh quyết liệt hai cánh quân trên. Trước sự đánh trả quyết liệt của ta, địch buộc phải đổ thêm 1 tiểu đoàn kỵ binh không vận xuống tăng viện cho quân địch đang tiến công Động Ché Riêng. Cũng trong ngày 4-4, địch tiến hành đổ quân xuống khu vực điểm cao 471, nhưng chúng đã rơi vào đúng trận địa phục kích của ta. Khi vừa tới đất, địch đã bị quân ta bao vây và tiêu diệt 2 đại đội, bắn rơi 5 máy bay lên thẳng. Trước sự nguy khốn của đồng bọn, địch đã huy động nhiều máy bay đến ném bom dữ dội<sup>1</sup>, đồng thời, đổ thêm một lực lượng xuống tăng viện. Trước tình hình lực lượng ta - địch quá chênh lệch, đến cuối ngày, ta chủ động rút khỏi điểm cao 471.

Sáng ngày 5-4, địch tiếp tục dùng máy bay lên thẳng đổ thêm 2 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 1 Sư đoàn kỵ binh không vận xuống khu vực Pa-Ka, Húc Hạ. Âm mưu của địch là thực hiện án ngữ, ngăn chặn và tiêu diệt lực lượng ta ở phía tây nam Khe Sanh. Cùng thời gian này, địch tăng cường lực lượng, hoá lực đánh chiếm được Động Ché Riêng, sau đó, lực lượng này phối hợp cùng với 1 tiểu đoàn khác đánh về ngã ba Ku Bốc.

---

<sup>1</sup> Địch ném bom, bắn phá mãnh liệt hòng huỷ diệt điểm cao 471 cho bằng được, đến mức độ điểm cao này bị san bằng thấp xuống 2 m. Vì thế, cán bộ, chiến sĩ ta thường gọi điểm cao này là điểm cao 469.

Như vậy, đến ngày 5-4, Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ (thiếu 1 tiểu đoàn) đã tập trung đầy đủ ở khu vực Khe Sanh. Rút kinh nghiệm trong những lần chiến đấu với lực lượng ta trước đó, địch không dám đổ quân ào ạt mà tiến hành từng bước thận trọng, không dám đổ quân vào sâu hậu phương chiến dịch của ta mà chỉ tập trung lực lượng ở từng khu vực, tiến hành đẩy lùi ta từng bước, thực hiện đánh chiếm từng bàn đạp nhằm giải toả từng phần khu vực bị ta vây lấn. Địch cố tập trung quân mở rộng khu vực đổ quân về phía tây nhằm cắt đứt đường tiếp tế, phối hợp với lực lượng từ trong căn cứ Tà Con đánh ra để gây khó khăn cho lực lượng của ta đang vây lấn, buộc ta phải giảm áp lực đối với Tà Con. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã chủ trương: *đẩy mạnh các hoạt động đánh địch ở phía nam Đường số 9; tập trung lực lượng giữ vững Làng Khoai, Ku Bốc và các trận địa vây lấn quanh Tà Con; đồng thời, một bộ phận chủ lực phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang địa phương tích cực đánh giao thông chặn địch trên đoạn Cà Lu - Rào Quán; tăng cường lực lượng chốt giữ ở Làng Vây và chuẩn bị kế hoạch tác chiến sẵn sàng khôi phục Làng Vây khi bị địch chiếm.*

Đúng như dự đoán của ta, đến sáng ngày 6-4, địch tập trung lực lượng, hoả lực đánh phá dữ dội vào các trận địa chốt của ta ở Ku Bốc và Làng Khoai. Cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt. Các chiến sĩ ta do phải trải qua nhiều ngày chiến đấu liên tục, sức khoẻ giảm sút, bị thương vong nhiều nên chủ động rút lui. Địch chiếm được ngã ba Ku Bốc, Làng Khoai. Chiều cùng ngày, địch nối thông được với sân bay Tà Con. Giai đoạn giải toả giao thông (đoạn Cà Lu - Khe Sanh) kết thúc. Căn cứ Tà Con của địch đã được nối liền đường bộ với Đông Hà bằng cả một sư đoàn mạnh, có trang bị hiện đại nhất của quân Mỹ lúc bấy giờ.

Trong thời gian địch tiến hành giải toả Khe Sanh, thì ở hướng Đông, Sư đoàn 320 lúc đó được lệnh sang bờ bắc sông Bến Hải củng cố để chuẩn bị cho đợt hoạt động tháng 5-1968. Tại bờ nam chỉ còn lại Trung đoàn 27, Trung đoàn 270 và các đại đội, tiểu đoàn địa phương. Để phối hợp với chiến trường



Khe Sanh, lực lượng còn lại tích cực chiến đấu, đẩy mạnh bao vây Cồn Tiên, đánh phá giao thông và đánh địch phản kích nhỏ. Ngoài ra, ta còn dùng pháo binh liên tục bắn phá uy hiếp các căn cứ Cửa Việt, Đông Hà và trại pháo Caron (căn cứ 241). Mặc dù quân số thiếu hụt, sức khoẻ giảm sút, tiếp tế gặp nhiều khó khăn nhưng các đơn vị bộ đội vẫn kiên trì bám sát địch, thực hiện đánh liên tục và đều khắp làm chậm bước tiến của chúng.

Nhìn chung trong cả giai đoạn đánh địch giải toả giao thông này, ta đã đạt được một số kết quả nhất định. Các đơn vị của Sư đoàn 304, Tiểu đoàn 8 độc lập và các lực lượng khác đã hiệp đồng chặt chẽ với các binh chủng thực hiện đánh rất nhiều trận, có những trận đạt hiệu suất cao, diệt nhiều địch như trận Làng Khoai (2, 3-4), trận điểm cao 471 (4-4). Tuy nhiên, địch đã giải toả được giao thông đường bộ (nối Khe Sanh với Đông Hà); ta bị mất hầu hết các trận địa vây lấn và đài quan sát pháo binh ở phía nam và tây nam Tà Cơn, làm cho việc chiến đấu của ta gặp rất nhiều khó khăn. Trước những khó khăn mới, nhất là về lực lượng, Bộ Tư lệnh chiến dịch vẫn quyết tâm duy trì hoạt động trên một số trọng điểm như Rào Quán, Ku Bốc, Làng Vây; giữ vững đường tiếp tế cho lực lượng phía tây Tà Cơn; đẩy mạnh hoạt động nhỏ trên các điểm cao 832, 845 phía tây bắc Tà Cơn; tổ chức lực lượng đánh phá giao thông đoạn Cà Lu - Rào Quán.

*\* Đánh địch mở rộng vòng vây (từ ngày 7 đến 14-4-1968)*

Sau khi nối thông đường bộ từ Tà Cơn về Đông Hà, địch tăng cường lực lượng tổ chức tiến công nhằm mở rộng phạm vi kiểm soát về phía tây nam Khe Sanh, tạo ra khu vực an toàn rộng lớn hơn cho căn cứ chiến đấu chính Tà Cơn. Ngày 7-4, địch dùng Lữ đoàn 1 kỵ binh không vận đánh chiếm khu vực Làng Con - Húc Hạ (đây là vị trí cũ của ta nằm ở phía tây nam Khe Sanh).

Cùng ngày (7-4), Chiến đoàn 3 dù quân đội Sài Gòn từ Nhan Biều dùng máy bay lên thẳng đổ bộ xuống các ngọn đồi phía tây bắc Làng Vây cũ<sup>1</sup> (cách khoảng 2 km) chiếm các điểm cao 400, 542, đông nam 567. Sau đó, địch tiến

hành đổ bộ đợt 2 xuống Cô Pút (bắc Làng Vây cũ). Phán đoán đúng ý định của địch, ta đã bố trí trận địa phục kích tiêu diệt địch ở đây. Ngay khi đổ quân và trong đêm đầu, pháo binh ta tập kích trúng đội hình địch. Các lực lượng ta được lệnh áp sát tiến công. Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 6 dù bị diệt 250 tên. Địch cho quân di chuyển nhằm tránh bị quân ta tập kích. Tuy nhiên, Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 8 dù vẫn bị Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 bám đánh cả ngày, diệt nhiều tên địch. Hoả lực pháo binh và máy bay ném bom địch bắn phá dữ dội vào phía sau đội hình quân ta nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đội hình địch di chuyển. Đêm 8-4, địch co cụm ở điểm cao 400. Phát hiện sự co cụm này của địch, quân ta kịp thời tập kích diệt 320 tên<sup>2</sup>. Ngày 9-4, địch cho Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 6 dù quân đội Sài Gòn đổ bộ xuống các ngọn đồi phía tây bắc và tây nam Cô Pút nhằm tạo bàn đạp cho cuộc tiến công đánh chiếm lại Làng Vây. Ngày 10-4, Tiểu đoàn 6 dù quân đội Sài Gòn được sự yểm trợ mạnh mẽ của không quân, pháo binh và một bộ phận quân kỵ binh Mỹ tiến hành đánh chiếm Làng Vây cũ. Quân ta sau một trận chiến đấu quyết liệt đã tổ chức rút lui. Tạo được bàn đạp mới, ngày 11-4, 1 tiểu đoàn dù quân đội Sài Gòn phối hợp với 1 tiểu đoàn kỵ binh Mỹ chia làm 3 mũi tiến công cứ điểm Làng Vây (Làng Vây mới). Nhằm trước được ý định đó của địch, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã yêu cầu các lực lượng đang chốt giữ Làng Vây lên kế hoạch tác chiến phối hợp chặt chẽ với các lực lượng binh chủng khác kiên quyết đánh bại các cuộc tiến công vào cứ điểm Làng Vây của địch. Lực lượng ta được pháo binh chi viện tích cực đã đánh lui 3 đợt xung phong của 2 tiểu đoàn địch, diệt hơn 200 tên. Địch bị đẩy lùi, co cụm tại điểm cao 500 (phía tây bắc Làng Vây). Ngay đêm đó (11-4), lực lượng ta tiến hành tập kích vào điểm cao 500 diệt thêm nhiều địch.

Quyết tâm đánh chiếm cho bằng được Làng Vây, ngày 12-4, địch huy động không quân, pháo binh và dùng chất độc hoá học mở cuộc tiến công

---

<sup>1</sup> Trong cuộc đổ quân này, địch đã huy động 132 chiếc máy bay lên thẳng để chở quân.

<sup>2</sup> Trong đó có viên Thiếu tá Tham mưu trưởng Chiến đoàn 3 dù quân đội Sài Gòn.

Làng Vây lần thứ 2. Trận đánh diễn ra vô cùng ác liệt, đến 16 giờ ngày hôm đó (12-4), quân ta được lệnh rút lui. Sau khi chiếm được Làng Vây, Lữ đoàn 1 kỵ binh không vận tiếp tục đổ quân xuống Pa Ka, Làng Con, Làng Troài, Bi Hiên để khôi phục lại hình thái trước ngày 6-2-1968, đẩy lực lượng ta ra xa hơn. Từ ngày 12 đến ngày 14-4, địch huy động nhiều máy bay ném bom dữ dội khu vực từ Tà Khổng đến Bản Đông nhằm ngăn chặn sự chi viện của ta, tạo điều kiện thuận lợi cho địch tiến hành giải toả.

Cũng trong thời gian này, Lữ đoàn 3 kỵ binh bay Mỹ chuyển vào Tà Con làm nhiệm vụ bảo vệ Tà Con, còn quân địch trong cụm cứ điểm Tà Con thực hiện đánh rộng ra các trận địa vây lấn của ta nhằm cải thiện thế phòng ngự của chúng. Ngày 7-4, địch dùng máy bay ném bom trên toàn chính diện phòng ngự phía tây và phía bắc để dọn đường cho Trung đoàn 26 lính thủy đánh bộ Mỹ bắt đầu đánh rộng ra phía tây Tà Con. Cuộc tiến quân này của chúng có đặc điểm là tiến từng mũi nhỏ, tiến đến đâu dùng máy bay lên thẳng thả những tấm bê tông đúc sẵn lắp lô cốt đến đâu hình thành vị trí phòng ngự mới. Ngày 14-4, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 26 lính thủy đánh bộ đang đóng tại điểm cao 845 tổ chức đánh ra phía bắc (cách trận địa ta 2 km). Tuy nhiên, cuộc tiến công này bị lực lượng ta chặn đánh quyết liệt. Bị thiệt hại nặng, địch buộc phải quay về điểm cao 845.

Chiều ngày 14-4, địch rút khỏi Làng Vây mới và cũ, kết thúc giai đoạn "nới rộng vòng vây", tiêu diệt và đẩy lực lượng ta ra xa và tiến hành thay quân.

Ở phía Đông, cùng thời gian trên, quân ta tiếp tục tích cực đánh giao thông, bao vây kiểm chế Cồn Tiên, pháo kích các căn cứ Cửa Việt, Đông Hà và căn cứ hỏa lực Ca-rôn (trên điểm cao 241). Nhưng do ta hoạt động không mạnh ở hướng này nên địch dễ dàng đối phó và tập trung lực lượng cho hướng Tây. Chúng điều Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 1 lính thủy đánh bộ từ Đông Hà lên tăng viện cho Khe Sanh.

*\* Đánh địch thay quân (14-4 đến cuối tháng 4-1968)*

Sau khi đánh rơi rộng vòng vây, địch bắt đầu rút quân khỏi các cứ điểm vòng ngoài về căn cứ Tà Con để thực hiện thay quân. Địch điều động Trung đoàn 9 (thiếu 1 tiểu đoàn) lính thủy đánh bộ Mỹ và tăng cường 1 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 4 lính thủy đánh bộ cùng với 2 tiểu đoàn kỵ binh không vận thay Trung đoàn 26 lính thủy đánh bộ chiếm giữ khu vực Tà Con để Trung đoàn này rút về phía sau củng cố. Phát hiện địch rút lui để thay quân, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị *tích cực đánh địch ở khu vực Làng Khoai, Pa Ka, nam Làng Vây để thực hiện giam chân chúng lại nhằm tiếp tục tiêu diệt; giữ vững đường tiếp tế; tranh thủ củng cố lực lượng để đánh được dài ngày.*

Ngày 14-4, địch bắt đầu tiến hành thay quân. Địch tiến hành thay quân có những đặc điểm: *thay phía sau trước, phía trước sau* (bắt đầu tổ chức thay quân từ các đơn vị phía bắc, rồi đến lực lượng ở Tà Con, cuối cùng mới đến bộ phận đang trực tiếp giáp chiến với ta); *thay dần từng đại đội, từng tiểu đoàn, tiến hành liên tục suốt ngày với quy mô bình thường* nhằm tránh sự thiếu hụt lực lượng đột ngột, tránh sự phát hiện của ta; *thay quân dồn vào một địa điểm an toàn* (các đơn vị bất kỳ ở đâu đều tập trung về sân bay Tà Con rồi mới rút khỏi Tà Con); *địch sử dụng đường không là chủ yếu, một bộ phận khí tài nặng được vận chuyển bằng đường bộ*; trong khi thay quân, hỏa lực pháo binh và máy bay tăng cường đánh phá ở phía sau nhằm đảm bảo an toàn cho việc thay quân. Bộ Tư lệnh chiến dịch đề ra quyết tâm mới là: *khắc phục mọi khó khăn về lực lượng, nhanh chóng xốc lại đơn vị, bám địch mà đánh, theo sát từng bước địch thay quân, áp sát các vị trí địch còn đang chiếm giữ, không ché sân bay, kìm chân địch lại để tiêu diệt.* Khu vực tác chiến chính cần tập trung lúc này là các điểm cao 689, 622 và các vị trí Làng Khoai, Ku Bốc, khôi phục lại thế trận vây hãm Tà Con, đồng thời phải đánh mạnh trên Đường số 9, không để cho địch vận chuyển được dễ dàng.

Thực hiện quyết tâm trên đây, các đơn vị của ta tuy quân số không đủ, sức khỏe giảm sút nhưng vẫn kiên trì bám đánh địch liên tục. Quân địch rút

khởi Làng Vây bị tiêu hao, ta diệt gọn 1 đại đội kỵ binh không vận tại điểm cao 565 (nam PaKa); một bộ phận lực lượng địch đánh ra Xiêm La Hạ (tây bắc điểm cao 845) và đánh ra La Viên Áp (bắc điểm cao 832), đều bị bộ đội ta đánh bật trở lại. Bộ đội cao xạ ta tập trung bắn vào những khu vực có máy bay địch đến bốc quân nhằm ngăn chặn địch rút quân. Pháo binh ta lại tiếp tục nã đạn vào sân bay Tà Con, địch không dám cho máy bay vận tải cỡ lớn C-130 thực hiện tiếp tế. Chiến đoàn 3 dù quân đội Sài Gòn trên đường rút quân bị bộ đội ta bám đánh liên tục, bị thiệt hại 40% quân số phải đưa về Huế củng cố. Trên Đường số 9, bộ đội chủ lực kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương tăng cường đánh phá giao thông, chuẩn bị phục kích để làm chậm tốc độ rút quân của địch.

Đến ngày 19-4, địch hoàn thành việc thay quân. Trung đoàn 26 lính thủy đánh bộ Mỹ phải mất 6 ngày mới về tới Quảng Trị (ngày 15-4 bắt đầu thay quân mà đến ngày 20-4 chúng mới tập trung hết ở Quảng Trị). Với lực lượng mới đến, địch chỉ để 2 tiểu đoàn làm nhiệm vụ bảo vệ Tà Con, còn 4 tiểu đoàn còn lại hoạt động cơ động hơn, sẵn sàng mở các cuộc hành quân lùng sục để tiêu diệt lực lượng của ta. Những ngày cuối tháng 4-1968, địch cố gắng mở những trận phản kích ra xung quanh Tà Con nhằm đẩy lực lượng ta giãn ra để giảm áp lực cho Tà Con. Ngày 21-4-1968, địch huy động 3 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ được pháo binh, máy bay yểm trợ chia làm nhiều mũi đánh vào điểm cao 662. Quân ta kiên cường bám trụ, đợi cho địch đến gần mới nổ súng. Các mũi tiến công của địch đều bị đánh tan. Ta diệt 250 tên, số còn lại bỏ chạy về Tà Con. Ngày 23-4, một bộ phận quân kỵ binh từ Làng Con - Húc Hạ chia làm nhiều mũi tiến về phía Làng Vây. Quân ta diệt hơn 100 tên, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng; số còn lại chạy về Húc Hạ. Cũng trong ngày 23-4, địch cho một đại đội biệt kích quân đội Sài Gòn đổ bộ bằng máy bay lên thẳng xuống Pê Rang. Quân ta tiến hành tập kích tiêu diệt gọn đại đội biệt kích này. Trên Đường số 9, quân ta liên tiếp phục kích các đoàn xe vận

chuyển của địch, buộc chúng phải đưa 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ rải quân để canh giới đường bộ.

Đến những ngày cuối tháng 4-1968, địch kết thúc cuộc hành quân giải toả Khe Sanh. Ta diệt 5.200 tên (có 3.870 tên Mỹ), trong đó có 10 đại đội Mỹ, 1 đại đội quân đội Sài Gòn bị diệt gọn; 82 máy bay các loại bị bắn rơi; 4 khẩu pháo cối, 4 trọng liên và 21 xe (có 5 xe tăng) bị phá huỷ.

#### **2.4. Đợt 4 - Vây lại Tà Con, đánh địch rút chạy (từ ngày 8-5 đến 15-7-1968)**

Sau khi thay quân giữ Khe Sanh, địch vẫn gặp phải nhiều vấn đề khó khăn: mặc dù đã thực hiện đẩy lực lượng ta ra xa nhưng vẫn bị ta bám đánh liên tục, lực lượng địch bị tiêu hao; pháo binh ta vẫn tiếp tục nã đạn vào sân bay Tà Con khiến việc cung cấp tiếp tế cho số quân lớn của địch ở Khe Sanh gặp rất nhiều hạn chế. Trong khi đó, quân ta sau nhiều ngày chiến đấu nên sức khoẻ giảm sút, bị thương vong nhiều; lực lượng của ta chiến đấu ở Khe Sanh lúc này tương đối mỏng: lực lượng bộ binh chỉ còn có Tiểu đoàn 8 độc lập đánh địch ở Cà Lu - Rào Quán; Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 đánh địch ở phía tây và tây bắc Tà Con; Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 đánh địch ở phía nam Tà Con<sup>1</sup>. Bước sang tháng 5, toàn miền Nam tiếp tục mở đợt 2 tổng tiến công và nổi dậy. Nhằm phối hợp chặt chẽ hơn nữa với chiến trường toàn miền, Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đề ra chủ trương: *tích cực tiến công tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, nhanh chóng khôi phục lại thế vây lấn Tà Con, uy hiếp địch mạnh hơn nữa, buộc chúng phải đưa quân lên giải toả lần thứ 2, thu hút thêm lực lượng địch ra Đường số 9 để phối hợp với Thừa Thiên - Huế hoặc bức địch rút khỏi Khe Sanh để ta diệt chúng ở ngoài công sự.* Phương hướng chung đề ra là: *hoạt động nhỏ, tiêu diệt gọn; đánh liên tục nhưng có trọng điểm; giữ vững chủ động, vừa đánh vừa củng cố để chuyển sang đánh lớn khi có thời cơ.*

Để tăng cường lực lượng cho mặt trận Khe Sanh, ngày 10-3-1968, Bộ Tổng Tư lệnh đã quyết định điều Sư đoàn 308 vào chiến đấu tại chiến trường Trị - Thiên, Huế. Đầu tháng 5-1968, các đơn vị của Sư đoàn đã lần lượt tập kết tại phía bờ tây sông Sê Pôn, cách mặt trận Khe Sanh 15 - 20km (thiếu Trung đoàn 36<sup>2</sup>) với mệnh lệnh "*sẵn sàng cùng các đơn vị bạn tiến công quân Mỹ ở Khe Sanh*".

Ngày 9-5, đồng chí Đỗ Trình thay mặt Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 308 như sau: "*Sư đoàn 308 phải cắt đứt Đường số 9 từ Rào Quán đến Ku Bốc, đẩy Khe Sanh trở lại tình trạng bị cô lập đường bộ, buộc địch phải ra giải toả, tạo thời cơ cho ta tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch ngoài công sự; uy hiếp địch ở Tà Con, buộc chúng phải rút lực lượng ở nơi khác tăng cường cho Tà Con, giam chân địch càng đông, càng lâu càng tốt, phối hợp với đợt 2 tiến công và nổi dậy trong toàn miền. Phương châm đánh địch ngoài công sự là chủ yếu, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, tạo điều kiện đánh lớn*" [41, tr. 198].

Trong khi Sư đoàn 308 làm công tác chuẩn bị tổ chức nắm địch, trinh sát thực địa, xây dựng phương án tác chiến, học tập kinh nghiệm... thì các đơn vị đang có mặt tại mặt trận Khe Sanh trước đó vẫn kiên trì khắc phục khó khăn đánh địch.

Do có sự chỉ đạo kịp thời, bám sát tình hình địch và xây dựng kế hoạch tác chiến đúng nên trong những ngày đầu tháng 5-1968, quân ta đã đánh nhiều trận với hiệu suất khá cao. Ngày 4-5, sau khi phát hiện địch co cụm ở điểm cao 552, ta tiến hành vận động tập kích, tiêu diệt phần lớn 3 đại đội Mỹ (có 2 đại đội kỵ binh không vận và 1 đại đội thủy quân lục chiến), phá huỷ 4 khẩu pháo 105 mm và 9 khẩu 106,7mm. Tại phía bắc và tây bắc Tà Con, quân ta tổ chức bao vây, kiểm chế các điểm cao 832 và 689. Ở phía đông nam, quân ta tiến hành vây hãm quân địch đang đóng tại Làng Khoai, buộc địch

---

<sup>1</sup> Trung đoàn 24 lúc này được lệnh lùi về phía sau củng cố.

<sup>2</sup> Trung đoàn 36 được lệnh ở lại Hà Tĩnh làm lực lượng dự bị của Bộ.

phải tổ chức lực lượng phản kích. Ta diệt gần 200 tên, bắn rơi 3 máy bay lên thẳng. Trên Đường số 9, trong 2 ngày 14 và 15-5, ta đã đánh một số trận tập kích tại khu vực phía nam Làng Khoai, diệt 310 tên địch, phá huỷ một số xe vận tải. Ngày 19-5, một đơn vị của Sư đoàn 304 tiến hành phục kích một căn cứ ngoại vi Tà Con, diệt gọn 1 đại đội và 3 xe tăng của địch khi chúng tiến hành sục sạo ra phía tây. Phát hiện lực lượng ta, địch dùng hai tiểu đoàn lính thuỷ đánh bộ đánh ra tây nam Động Ché Riêng nhằm thăm dò và đẩy lực lượng ta ra xa. Tuy nhiên, sau 3 ngày, địch lại rút quân về cố thủ tại Tà Con.

Thượng tuần tháng 5, thế trận vây lấn Tà Con của quân ta lại được khôi phục, ta liên tục bắn vào Tà Con, gây cho địch nhiều thiệt hại. Địch không tổ chức các cuộc hành quân sục sạo nhiều như trước nữa mà đưa quân về chốt giữ Tà Con và các điểm cao để cố thủ, tăng cường sử dụng pháo binh, máy bay ném bom vào các trận địa của ta. Trước tình hình địch cố thủ trong căn cứ, Bộ Tổng Tư lệnh đã yêu cầu Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh phải *tăng cường đánh nhỏ, đánh vừa, đánh bằng mọi cách để kéo địch ra mà tiêu diệt, phối hợp chặt chẽ với chiến trường toàn miền*. Bộ Tư lệnh chiến dịch đã chọn Làng Cát<sup>1</sup> làm điểm "châm ngòi" thực hiện cắt tiếp tế đường bộ, bức địch phải giải toả. Trung đoàn bộ binh 102 Sư đoàn 308 được giao nhiệm vụ tiêu diệt địch và chiếm điểm cao Làng Cát. Qua 2 ngày chuẩn bị, vào lúc 3 giờ 12 phút ngày 28-5, Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 102, do Tiểu đoàn trưởng Phạm Duy Tân chỉ huy, nổ súng tiến công Làng Cát. Trận đánh diễn ra hết sức ác liệt. Địch dùng pháo sáng bắn ra các hướng có quân ta tiến công, pháo binh địch từ các căn cứ Ku Bốc, Làng Khoai, Tà Con bắn phá dữ dội hỗ trợ cho lực lượng tại chỗ nhằm đẩy lùi cuộc tiến công của ta. Quân ta chiếm được một số trận địa, tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch. Đến rạng sáng ngày 28-5, địch điều gấp 2 đại đội Mỹ từ căn cứ Tà Con, được máy bay, pháo binh yểm trợ, tiến về Làng Cát, dự định cùng quân địch ở đây đẩy lực

---

<sup>1</sup> Điểm cao Làng Cát nằm ở nam Đường số 9, cách cầu Rào Quán 1km về phía nam, do một đại đội Mỹ chốt giữ để bảo vệ các đoàn xe vận chuyển tiếp tế cho Tà Con.



lượng ta ra xa. Do tương quan lực lượng chênh lệch, chịu thương vong khá lớn nên Tiểu đoàn 8 tổ chức rút lui. Ta tiêu diệt được 180 tên địch, bắn rơi 1 máy bay và thu một số vũ khí, nhưng không dứt điểm được. Trước tình hình đó, chỉ huy Trung đoàn 102 đã lệnh cho Tiểu đoàn 7 khẩn trương chuẩn bị tiến công nhằm dứt điểm cứ điểm Làng Cát. Đêm 30-5, quân ta tiến công cứ điểm Làng Cát lần 2. Trận đánh kéo dài đến sáng ngày 31-5 nhưng cũng không giành được thắng lợi hoàn toàn, địch vẫn giữ thông đường vận chuyển.

Phát hiện Sư đoàn 308 đã có mặt ở Khe Sanh, Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ (MACV) đã rất lo lắng, tin rằng ta sẽ cố gắng dứt điểm căn cứ chiến đấu chính Tà Con. Địch vội vã vét quân ngay ở chiến trường Đường số 9<sup>1</sup> tổ chức một cuộc hành quân lên Khe Sanh nhằm vào khu vực hoạt động của Sư đoàn 308. Cuộc hành quân này của địch lấy mật danh là cuộc hành quân "Scôt-len 2"<sup>2</sup> do Bộ chỉ huy Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ<sup>3</sup> chỉ huy.

Ngày 1-6-1968, địch cho máy bay trinh sát hoạt động trên vùng trời Đường số 9 và nam Khe Sanh nhằm phát hiện lực lượng ta, đồng thời chuẩn bị bãi đổ quân. Liên tiếp trong các ngày 2, 3, 4-6, địch sử dụng máy bay lên thả bom bộ 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ và 1 tiểu đoàn pháo binh chiếm các cứ điểm Tà Ri, Tà Quan; 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ thứ 3 đổ bộ xuống Pa Trang và Húc Cốt Giang, từ đó toả ra đánh chiếm một số bàn đạp khác.

Căn cứ vào tính chất hoạt động và cách đổ quân của địch, Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã nhận định: *địch mở cuộc hành quân lần này là để đối phó với cuộc vây lấn Tà Con của ta đang ngày càng tăng. Bên cạnh đó, cũng cần đề phòng địch đưa quân lên lần này nhằm kéo giãn lực lượng ta giãn ra rồi rút bỏ Khe Sanh.* Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tập trung lực lượng đánh tiêu diệt quân địch đổ bộ đường không, lệnh cho Sư

---

<sup>1</sup> Bao gồm: Trung đoàn 4 (thiếu 1 tiểu đoàn) và Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 9 lính thủy đánh bộ Mỹ.

<sup>2</sup> Cuộc hành quân *Scôt-len 1* do Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ tổ chức càn quét ở khu vực Quảng Trị vào tháng 11-1967.

<sup>3</sup> Đây là sư đoàn Mỹ đầu tiên tham chiến công khai ở miền Nam Việt Nam (tháng 3-1965), được thành lập năm 1942, bao gồm các Trung đoàn 3, 4, 9 và được tăng cường thêm Trung đoàn 26 lính thủy đánh bộ Mỹ, tổng quân số trên 15.000 người.

đoàn 308 phải hoãn kế hoạch tiến công Làng Cát lần thứ 3 để tập trung lực lượng đánh quân địch đổ bộ đường không xuống khu vực nam Khe Sanh. Chấp hành nghiêm mệnh lệnh, ngay trong đêm 3-6, Sư đoàn 308 lệnh cho Tiểu đoàn 7, được tăng cường một bộ phận lực lượng Tiểu đoàn 8, thực hiện hành quân tiến công địch ở Pa Trang. Đúng 4 giờ sáng, quân ta nổ súng tiến công cứ điểm Pa Trang. Địch hoàn toàn bị bất ngờ, nhưng do hỏa lực của chúng rất mạnh, lại tiếp tục đổ quân tăng viện nên ta tổ chức rút lui. Đây là trận đánh đạt hiệu suất chiến đấu cao, ta diệt 110 địch, thu nhiều vũ khí và bị thương vong 9 người [41, tr. 206]. Trước tình hình địch tăng cường đổ quân chiếm giữ Pa Trang, ta quyết tâm tập trung lực lượng nhằm diệt gọn quân địch ở đây. Sư đoàn 308 đã lệnh cho Tiểu đoàn 9 (lúc này đang ở khu vực Làng Cát) và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 88 (đang chuẩn bị tiến công cao điểm 241) cùng một bộ phận đặc công của Sư đoàn thực hiện hành quân gấp về khu vực Pa Trang. Đêm 5-6-1968, quân ta nổ súng tiến công Pa Trang lần hai. Do đoán trước được ý đồ của ta sẽ tập trung lực lượng để dứt điểm Pa Trang, nên trước giờ ta nổ súng, địch đã cho máy bay lên thẳng đến bốc đi một phần lớn lực lượng, bộ phận còn lại tiến hành di chuyển vị trí. Đến sáng ngày 6-6, phát hiện bộ phận địch còn lại ở dưới sườn đồi, ta nổ súng tiến công, diệt 70 tên. Tuy nhiên, do lực lượng ta mỏng nên địch vẫn chống cự quyết liệt buộc ta phải rút lui. Trưa ngày 6-6, địch cho máy bay lên thẳng đến bốc số quân còn lại khỏi Pa Trang.

Mặc dù bị ta chặn đánh quyết liệt, địch vẫn tiếp tục tổ chức các cuộc đổ quân. Ngay trong ngày 6-6, địch tiếp tục đổ quân xuống điểm cao 635 (Động Em) 3 đại đội Mỹ cùng với 4 khẩu pháo 105 mm. Ngày 7-6, địch đổ quân tiếp xuống K'lung. Ngày 8-6, khi quân ta rút đi, địch đổ quân trở lại xuống Pa Trang; cùng lúc đó, chúng đổ 3 đại đội xuống Húc Thượng. Địch cho rằng, với những cuộc đổ bộ này, chúng sẽ đủ khả năng đối phó với Sư đoàn 308, đẩy lực lượng ta ra xa khu vực xung quanh Đường số 9 và giảm áp lực cho

căn cứ chiến đấu Tà Con. Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh chiến dịch, Sư đoàn 308 đã lệnh cho các đơn vị luân phiên nhau thực hiện tiến công địch liên tục vào các điểm cao ngay khi địch vừa đổ quân. Ngày 8-6, ta tiến công địch ở Húc Thượng. Đêm 9, rạng ngày 10-6 ta tiến công địch ở Động Em, diệt một bộ phận lớn lực lượng địch. Địch tăng cường dùng phi pháo và máy bay ném bom xung quanh các cứ điểm đổ quân; đồng thời, tiếp tục đổ quân xuống các điểm cao này để tăng viện. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, tổn thất nhưng các đơn vị của ta vẫn ngày đêm thực hiện tiến công đánh địch liên tục, không cho chúng có thời gian nghỉ ngơi. Trước sức ép liên tục của quân ta, giữa tháng 6-1968, địch cho máy bay lên thẳng bốc quân ở những điểm cao này về Tà Con. Ngay sau đó, địch thực hiện các cuộc đổ quân xuống tây và nam Tà Con. Hành động đó của địch không nằm ngoài dự đoán của Bộ Tư lệnh chiến dịch trước đó là: "*Địch có thể nhảy sâu hơn nữa về phía nam, tây nam Khe Sanh, ngăn chặn các tuyến hậu cần tiếp tế, gây khó khăn cho ta ở phía trước*" [41, tr. 206].

Giữa tháng 6-1968, Bộ Tổng Tư lệnh điều Trung đoàn bộ binh độc lập 246 vào thay Sư đoàn 304. Sư đoàn 304 rút về phía sau củng cố. Như vậy, từ giữa tháng 6, ở Khe Sanh, ta chỉ còn Trung đoàn 246 đánh địch ở phía tây Tà Con, Sư đoàn 308 (thiếu 1 trung đoàn) đánh địch ở nam Tà Con. Quân ta liên tục tổ chức tiến công địch tại những điểm cao mà địch vừa đổ quân. Tiêu biểu là 2 lần tiến công địch tại Pu Nhoi (điểm cao 690) ngày 16-6 và 18-6, ta diệt hơn 400 địch (chủ yếu là Mỹ), bắn rơi 3 máy bay trực thăng, thu nhiều vũ khí địch. Ngày 19-6, địch điều 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ từ khu vực Khe Sanh về tăng cường cho Đông Hà, Cửa Việt đang bị ta uy hiếp mạnh và đưa quân về giữ Đường số 9 và nam Tà Con. Cuộc hành quân *Scôt-len 2* đến đây cũng kết thúc.

Trong cuộc hành quân này, các đơn vị thuộc Sư đoàn 308 đã tiêu diệt 1.380 tên, bắn rơi và bắn cháy 11 máy bay các loại, phá huỷ 7 khẩu pháo và cối; đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 4 lính thủy đánh bộ Mỹ. Ở

phía tây, Trung đoàn 246 tiếp tục bao vây, kiểm chế các điểm cao 832, 845 và 689, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

Từ ngày 20-6, lực lượng quân địch ở Khe Sanh chỉ còn 5 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ. Liên tiếp trong các ngày 21, 22, 23-6, địch đã tung 3 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ tiến hành càn quét, lùng sục tây nam Cà Lu 2km nhằm bảo vệ an toàn cho tuyến vận chuyển đường bộ và hành lang tiếp tế đường không cho Khe Sanh; đồng thời, địch rút quân ở một số cứ điểm ngoại vi về Tà Con, chuyển một số trang bị, vũ khí hạng nặng khỏi Tà Con.

Nhận thấy địch đang có khả năng rút bỏ Khe Sanh, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị tăng cường bám sát tình hình, đề phòng địch rút quân, kiên quyết đánh địch ngay khi chúng bắt đầu thu quân và cả quá trình rút chạy. Thực hiện mệnh lệnh cấp trên, Trung đoàn 246 tổ chức vây chặt các điểm cao 832, 845 và 689, kiểm chế, ngăn chặn địch bốc quân bằng máy bay lên thẳng. Một bộ phận khác của Trung đoàn 246 phối hợp chặt chẽ với Trung đoàn 88 Sư đoàn 308 tổ chức bám đánh địch ở Ku Bốc, điểm cao 471 và Làng Khoai (trên Đường số 9).

*Ngày 26-6-1968, địch tuyên bố rút bỏ Khe Sanh.* Tuy nhiên, trước sự bám đánh quyết liệt của ta, cuộc rút chạy của địch phải kéo dài. Đến ngày 7-7-1968, chúng mới rút hết lực lượng ở căn cứ Tà Con. Sáng ngày 8-7-1968, ta tiến vào làm chủ căn cứ Tà Con.

*Đến ngày 15-7-1968, địch rút hết quân khỏi Khe Sanh về tập trung ở khu vực Cà Lu - Tân Lâm. Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đến đây kết thúc toàn bộ.*

Kết quả đánh địch rút chạy, ta tiêu diệt 1.333 tên Mỹ; bắn rơi, bắn cháy 34 máy bay các loại; phá huỷ 5 xe vận tải, 5 khẩu pháo và cối.

Tính chung cả đợt 4, ta diệt 5.100 tên; bắn rơi, bắn cháy 96 máy bay; phá huỷ 31 khẩu pháo, cối và 46 xe cơ giới.

## Chương 3

# KẾT QUẢ, Ý NGHĨA VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

### 3.1. Kết quả toàn chiến dịch

Trải qua 177 ngày đêm chiến đấu<sup>1</sup>, quân dân ta đã tiêu diệt, bắt sống 11.900 địch (chủ yếu là Mỹ); bắn rơi và phá huỷ 197 máy bay các loại; bắn chìm, bắn trúng 80 tàu chiến, tàu vận tải lớn nhỏ; phá huỷ 78 xe các loại (trong đó có 8 xe tăng), 46 khẩu pháo, cối [7, tr. 52]<sup>2</sup> và nhiều phương tiện chiến tranh khác<sup>3</sup>.

Trong chiến dịch này, ta đã thực hiện thu hút, giam chân một lực lượng lớn quân tinh nhuệ của địch ra Đường số 9 trực tiếp chiến đấu và lực lượng sẵn sàng tiếp viện. Vào thời kỳ đỉnh cao, chiến trường này đã thu hút đến 40% tổng số lực lượng cơ động của quân Mỹ có mặt trên chiến trường miền Nam Việt Nam [78, tr. 170]<sup>4</sup>.

Ta đã phá tan hệ thống phòng thủ của địch trên Đường số 9 đoạn từ Cà Lu đến biên giới Việt - Lào, giải phóng hoàn toàn huyện Hướng Hoá với trên 10.000 dân, góp phần bảo vệ vững chắc đường Trường Sơn - tuyến chi viện chiến lược Bắc - Nam của ta.

Về phía ta, do chiến sự diễn ra trong điều kiện hết sức ác liệt, nhiều đơn vị phải chiến đấu liên tục dài ngày, quân số không được bổ sung thường xuyên nên để tạo nên chiến thắng Đường số 9 - Khe Sanh, ta cũng có những

---

<sup>1</sup> Đây là chiến dịch có thời gian kéo dài nhất tính đến năm 1968 của Quân đội nhân dân Việt Nam. Nếu tính trong cả 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc (1945 - 1975) thì chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh có thời gian diễn ra dài thứ 4 sau chiến dịch Nguyễn Huệ (1-4-1972 đến 19-1-1973), chiến dịch phòng ngự Quảng Trị (28-6-1972 đến 31-1-1973), chiến dịch Toàn thắng (25-10-1969 đến 25-4-1970).

<sup>2</sup> Hiện nay, có nhiều số liệu đưa ra có sự khác nhau về tổn thất của cả 2 bên trong chiến dịch này.

<sup>3</sup> Theo con số thống kê của nhà sử học Mỹ Prados, chỉ tính riêng khu vực Khe Sanh thì số quân Mỹ bị chết là 1.000 người, 4.500 người bị thương và ông đã kết luận rằng "*đây là một chiến dịch mà Mỹ phải trả giá rất đắt bằng máu*" [79, tr. 516].

<sup>4</sup> Đại tướng Văn Tiến Dũng cho biết vào thời kỳ đỉnh cao của chiến dịch, mặt trận Đường số 9 đã giam chân một nửa lực lượng của Mỹ (17/33 lữ đoàn) [22, tr.200].

tôn thất lớn: hàng ngàn chiến sĩ đã hy sinh<sup>1</sup>, 4.394 cán bộ chiến sĩ bị thương nặng [69, tr. 64]. Các cơ quan chức năng của Mỹ báo cáo lên Tổng thống Johnson rằng: Cộng sản đã bị thiệt hại khoảng 10.000 - 15.000 người [73, tr. 259].

**\* Thành công và hạn chế của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh**

Nhìn chung, trong chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh Xuân - Hè 1968, ta đã phân tích đúng, nắm chắc tình hình, phán đoán đúng âm mưu và hành động của địch, trên cơ sở đó đề ra quyết tâm đúng; thực hiện linh hoạt các hình thức chiến thuật (phục kích, tập kích...); chỉ đạo chiến thuật chặt chẽ tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Cán bộ, chiến sĩ toàn mặt trận luôn nêu cao quyết tâm chiến đấu, chịu đựng nhiều hy sinh, gian khổ vẫn quyết tâm bám đánh địch. Tuy nhiên, trong chiến dịch này, ta chưa kéo được một lực lượng lớn quân địch ra Đường số 9 sớm theo yêu cầu trước giờ nổ súng Tổng tiến công và nổi dậy toàn miền Nam, chưa tiêu diệt được thật nhiều sinh lực địch, chưa có trận nào tiêu diệt gọn được tiểu đoàn Mỹ (kế hoạch đề ra ban đầu là tiêu diệt 2 - 3 vạn địch, trong đó diệt gọn 5 - 7 tiểu đoàn Mỹ, 2 - 3 tiểu đoàn ngụy). Hạn chế đó là do nhiều nguyên nhân. *Về khách quan*, đối tượng tác chiến chủ yếu của quân ta là quân tinh nhuệ Mỹ được chi viện rất lớn về hỏa lực; mặt khác địch lại có sự cơ động cao (chủ yếu bằng máy bay) thường xuyên di chuyển vị trí nên ta khó phát hiện và tiếp cận. *Về chủ quan*, ta không tập trung được lực lượng vào hướng chủ yếu<sup>2</sup>, mục tiêu chủ yếu; trong quá trình chiến đấu nhiều đơn vị lại được lệnh chuyển đi chiến đấu ở các chiến trường khác nên ta không có lực lượng cơ động đủ mạnh để đánh gọn các tiểu đoàn địch ứng cứu giải tỏa; một số cán bộ, chỉ huy các đơn vị tham gia chiến

---

<sup>1</sup> Trong năm 1968, bộ đội ta hy sinh tại chiến trường Đường 9 là 3.994 người (Nguồn *Cục Tác chiến, số 124/Tg, hồ sơ 1103, ngày 14-2-1969*). Có thể nói, phần lớn số cán bộ, chiến sĩ hy sinh này là trong chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh.

<sup>2</sup> Thực tế, ta đã xác định hướng Tây là hướng chủ yếu (tức là hướng cần có quân số chiến đấu cao hơn), hướng Đông là hướng quan trọng. Tuy nhiên, ngay từ đầu, ta lại bố trí lực lượng trên cả hai hướng là tương đương nhau.

đầu không kiên quyết tập trung lực lượng để đánh dứt điểm<sup>1</sup>... Tuy nhiên, những hạn chế đó không thể che lấp, làm mờ đi ý nghĩa thắng lợi vô cùng to lớn của chiến dịch lịch sử này, đúng như Đại tướng Hoàng Văn Thái đã nói: "*chúng ta phải gắn tác dụng của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh trong tổng thể cuộc tiến công chiến lược vào các đô thị - trung tâm đầu não phía trong của địch - với đòn tiến công của chủ lực ta ở vòng ngoài trên chiến trường rừng núi được lựa chọn sẵn (Đường số 9 - Khe Sanh, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ) mới thấy hết ý nghĩa thắng lợi của nó*" [7, tr. 75].

### 3.2. Ý nghĩa lịch sử

Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh thắng lợi có một ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn, không chỉ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, mà còn trong cả cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung.

Trước hết, nó là **đòn nghi binh chiến lược** cho cuộc tiến công của quân và dân ta vào hầu khắp các thành phố trên toàn miền Nam. Ngược dòng thời gian, vào những tháng cuối của năm 1967, khi phát hiện sự di chuyển của quân ta xung quanh căn cứ Khe Sanh, tướng Oét-mo-len đã dự báo về một cuộc tiến công lớn của Việt cộng tại đây. Trung tuần tháng 12-1967, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn (Lyndon B. Johnson) cử tướng Uy-lơ (Wheeler) - Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ sang miền Nam Việt Nam để nắm bắt tình hình thực tế chiến trường. Trong buổi gặp với tướng Uy-lơ vào ngày 15-12-1967, Oét-mo-len khẳng định: "*mục tiêu chủ yếu của Cộng sản là đánh chiếm Khe Sanh, biến Khe Sanh thành một Điện Biên Phủ thứ hai*" [35, tr. 21]. Do đó, mà ông đã ra lệnh củng cố căn cứ quân sự này. Và thậm chí, ông còn muốn đánh một trận quyết định với Cộng sản ở Khe Sanh, một trận

---

<sup>1</sup> Ví dụ như Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 làm nhiệm vụ vây lấn Tà Con thay vì tổ chức lực lượng uy hiếp địch nhiều hơn nữa đã tự động rút 2 tiểu đoàn về phía sau khi chưa có lệnh; các Trung đoàn 24 và 66 bỏ lỡ một số thời cơ diệt địch; Trung đoàn 102 Sư đoàn 308 được tăng cường hỏa lực pháo binh có nhiệm vụ tiêu diệt tiểu đoàn địch ở cứ điểm Làng Cát nhưng chỉ huy Trung đoàn 102 lại không tập trung lực lượng tổ chức tiến công tiêu diệt địch mà chỉ sử dụng từng tiểu đoàn (đêm 28-5 dùng Tiểu đoàn 8, đêm 30-5 dùng Tiểu đoàn 7) nên cả hai lần tiến công cứ điểm Làng Cát vẫn không dứt điểm được, ta lại chịu thương vong lớn...

đánh theo chính Oét-mo-len là *tạo ra một bước ngoặt cho cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam*. Oét-mo-len tuyên bố muốn làm một "*Điện Biên Phủ đảo ngược*", muốn "*dìm các sư đoàn cộng sản dưới một thác bom và đạn cối*" [56, tr. 836].

Đêm 20 rạng ngày 21-1-1968, quân ta nổ súng tiến công Khe Sanh và cả tuyến phòng ngự Đường số 9 của địch. Cuộc tiến công Khe Sanh lập tức thu hút sự chú ý của cả nước Mỹ. Nhà báo Mỹ Mai-cơ Mắc-li-a đã mô tả cuộc tiến công mở màn của quân ta như sau: "*Rạng sáng ngày 21 tháng 1 năm 1968, pháo tầm xa của Bắc Việt mở màn cuộc bao vây ở Khe Sanh với sự chính xác tai hại, 300 quả đạn đã làm 18 lính Mỹ chết, 40 bị thương, những quả đạn pháo ấy như rơi ngay vào Oa-sinh-ton*" [41, tr.148]. Tướng Oét-mo-len vội điều động một lực lượng rất lớn về phía bắc Quân khu 1 - Quân đoàn 1 Việt Nam cộng hoà - nơi đang diễn ra trận đánh Khe Sanh. Ông tuyên bố "*tình hình Khe Sanh là đang thật sự nghiêm trọng và nó có thể sẽ là bước ngoặt cho cuộc chiến ở Việt Nam*" [79, tr. 324]. Phản ánh sự chú ý của phía Mỹ đối với trận đánh Khe Sanh thời điểm này, nhà báo Nây Si-han (Neil Sheehan) cho biết "*Các nhà báo tập trung ở nơi tổng chỉ huy cắm cờ hiệu. Cả đất nước đang theo dõi*" [56, tr. 840].

Các thành phố trên toàn miền Nam vẫn được xem là yên bình. Nước Mỹ đang tập trung sự chú ý vào Khe Sanh. Khi mọi sự chú ý của phía Mỹ đổ dồn vào Khe Sanh, thì vào đêm Giao thừa Tết Mậu Thân 1968, quân và dân ta bất ngờ mở cuộc tiến công vào hầu khắp các đô thị trên toàn miền Nam, đánh vào các cơ quan đầu não của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Cuộc tiến công vào các đô thị đã làm cho nước Mỹ rung chuyển. Như vậy, cho đến giờ nổ súng vào các đô thị trên toàn miền Nam của quân và dân ta diễn ra, cơ quan chiến lược của Mỹ đã có những ***nhận định sai lầm*** về ***mục tiêu tiến công chiến lược*** của phía ta.

Hồi ký của Tổng thống Giôn-xơn cho biết, vào ngày 12-2 (tức là 10 ngày sau khi quân ta mở cuộc tiến công vào hầu khắp đô thị trên toàn miền



Nam), trong báo cáo gửi về Nhà trắng, tướng Oét-mo-len vẫn khẳng định chiến dịch quân sự của Cộng sản có 3 giai đoạn: "*Giai đoạn đầu của địch nhằm bảo vệ vùng biên giới đã bị thất bại. Giai đoạn hai phát động vào dịp Tết và nhằm mở đầu một cuộc nổi dậy của quân chúng, nhằm phá vỡ bộ máy của chính phủ và bộ chỉ huy của các lực lượng Nam Việt Nam, và cô lập các thành phố, giai đoạn này đã thất bại. Tuy nhiên, giai đoạn ba của địch nhằm chiếm các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên vừa mới bắt đầu*" [31, tr. 160]. Nhưng đó chỉ là sự *lạc hướng*, là nhận định sai lầm của Oét-mo-len cũng như của Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ (MACV). Mục đích cao nhất đề ra cho chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh của ta không phải là “tràn ngập” Khe Sanh mà là thu hút, giam chân một bộ phận lớn lực lượng và hoả lực địch ở mặt trận này, *thực hiện nghi binh chiến lược* và tạo điều kiện cho cuộc tiến công của ta vào các thành phố. Quân ta đã bao vây Khe Sanh, giam chặt hơn 6.000 quân Mỹ. Thậm chí, có mũi tiến công của quân ta chỉ cách tiền duyên phòng ngự của địch khoảng 50m. Ngay từ đầu, ta không có chủ trương tiến công tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở đây<sup>1</sup>. Tướng Oét-mo-len và nhiều người Mỹ chắc chắn không nghĩ rằng: đối phương lại sử dụng một lực lượng lớn đến như thế để dùng chủ yếu vào ***nhiệm vụ nghi binh***, trong khi lực lượng tiến công vào khắp các đô thị lại bị dàn mỏng<sup>2</sup>. Đúng như Pim-lốt (J. Pimlott) đã nhận xét: trận đánh Khe Sanh chỉ "*là một phần của chiến lược rộng lớn hơn thể hiện trong cuộc tiến công vào dịp Tết*" [50, tr. 28]. Chính cuộc tiến công đồng loạt vào đô thị của ta đã "*đẩy Oét-mo-len vào trạng thái rối loạn đầy khó chịu và*

---

<sup>1</sup> Một số cán bộ, chiến sĩ của ta đã rất “sốt ruột” vì phải chờ đợi mà không được “tràn ngập” vào Khe Sanh. Đồng chí Phó Chính uỷ Sư đoàn 304 (Lực lượng chủ yếu bao vây Khe Sanh) đã nói: “*Vừa qua, ta đã thu hút được bom đạn địch, nhưng còn lực lượng của chúng, ta phải kéo nó ra nữa, địch ra càng nhiều bao nhiêu, thắng lợi của ta càng to bấy nhiêu, muốn vây phải vây kín cho tốt, phải làm cho lính Mỹ ở Tà Con khôn đốn, buộc chúng phải ra ứng cứu, đó chính là thời cơ để ta độ sức với chúng, góp phần vào thắng lợi chung của toàn miền Nam.*” [60, tr.97].

<sup>2</sup> Nhà sử học Mỹ Geogre C. Herring trong cuốn sách Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ, do Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội xuất bản năm 1998, trang 243 đã cho biết: “*Cuộc Tổng tấn công Tết nổ ra trong lúc Mỹ và chính quyền Nam Việt Nam không có sự phòng bị. Trước đó, tình báo Mỹ đã thu được các dấu hiệu về hoạt động tích cực ở xung quanh các thành phố và thậm chí đã biên dịch một số tài liệu thu được... Nhưng Bộ chỉ huy Mỹ quá bận tâm với Khe Sanh đến mức họ coi chứng cứ về hoạt động ở thành phố là trò nghi binh để phân tán họ ra khỏi chiến trường chính*”.

*bất ổn*" [32, tr. 246], làm cho chính quyền Mỹ choáng váng, làm cho cả nước Mỹ rung động<sup>1</sup>. Oét-mo-len hoàn toàn bị bất ngờ. Không bất ngờ sao được khi "*Oetmolen nghĩ rằng trận Điện Biên Phủ của Hoa Kỳ là căn cứ Khe Sanh... Nhưng trận Điện Biên Phủ thật sự là cuộc tổng tiến công vào dịp Tết Mậu Thân*" [22, tr. 205]. Điều đó nói lên tài thao lược, cách dùng binh của Bộ thống soái Việt Nam, đánh vào nơi hiểm yếu nhất của địch, lấy chất lượng cao để thắng số lượng đông<sup>2</sup>. Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đúng là "*một bài học đắt giá của giới quân sự Mỹ trong chiến tranh Việt Nam và chứng tỏ trí tuệ Việt Nam trong điều hành chiến tranh cách mạng đã vượt lên trên trí tuệ của các tướng lĩnh Hoa Kỳ*" [33, tr. 93].

Không chỉ là *đòn nghi binh chiến lược*, Khe Sanh còn là nơi ***thu hút, giam chân một bộ phận lớn lực lượng chiến đấu cơ động, phương tiện chiến tranh của Mỹ***, tạo điều kiện cho chiến trường toàn Miền giành thắng lợi to lớn hơn. Để cứu nguy cho Khe Sanh, Mỹ phải huy động một lực lượng lớn về hướng chiến sự này. Sáng 31-1-1968, tướng Oét-mo-len đến Đại sứ quán Mỹ, kiểm tra thiệt hại và tổ chức cuộc họp báo giữa đồng đồ nát của toà Đại sứ. Ông thông báo việc tập kích này và toàn bộ cuộc tiến công vào đô thị chỉ là một việc đánh lạc hướng cuộc tiến công chính vào Khe Sanh và dọc khu vực phi quân sự. Oét-mo-len tiếp tục hỏi thúc các hoạt động chi viện cho Khe Sanh, điều lên phía bắc đến một nửa các tiểu đoàn chiến đấu thuộc Quân đoàn 1. Ông cho điều cả Sư đoàn kỵ binh không vận số 1, Sư đoàn thủy quân lục chiến số 3 Mỹ, và nhiều đơn vị chiến đấu khác hướng về Khe Sanh, đưa

---

<sup>1</sup> Phản ánh cuộc tiến công của ta vào các đô thị trong Tết Mậu Thân, trong cuốn Hồi ký của mình, Tổng thống Giôn-xon đã viết: "*Chúng ta đã biết sắp có một hành động phô trương lực lượng; nó ở ạt hơn chúng ta dự đoán*". Ông hoàn toàn bị bất ngờ cả về quy mô, lực lượng và thời điểm tiến công [31, tr. 158]. Còn nhà báo Nây Si-han thì viết: "*Kế hoạch của họ rộng lớn và táo bạo vượt quá mức tưởng tượng của những người nước ngoài và người phục vụ họ*" [56, tr.845].

<sup>2</sup> Tác giả Neil Sheehan cho rằng: Thực tế trên chiến trường miền Nam, các căn cứ quân sự của Mỹ, nhất là các căn cứ phòng thủ Đường số 9 - Khe Sanh được bố trí một cách có chiều sâu liên hoàn, có thể hỗ trợ cho nhau cả về lực lượng và hỏa lực; do đó việc tiêu diệt được hoàn toàn một cứ điểm mạnh của Mỹ luôn là một vấn đề khó khăn đối với Bắc Việt Nam. Trước đây, ta cũng đã từng sử dụng lực lượng đến cấp tiểu đoàn để tiêu diệt gọn một số cứ điểm địch trên Đường số 9, nhưng sau đó địch đưa lực lượng phía sau kết hợp với hỏa lực mạnh chiếm lại buộc ta phải rút lui. Ông cho biết: "*Khắp nơi đều thế cả và những người Bắc Việt biết rõ phương trình quân sự ấy bao giờ cũng có lợi cho người Mỹ. Để giành thế chủ động phải thành công ở một*

tổng số quân Mỹ được huy động nhằm giải vây cho Khe Sanh chiếm đến 40% sức mạnh của Bộ chỉ huy quân sự Mỹ (MACV) [78, tr. 170]<sup>1</sup>. Trong thời gian này, Mỹ đã mở một hoạt động ném bom liên tục và vô cùng ác liệt vào những nơi được nghi ngờ có Cộng sản xung quanh căn cứ Khe Sanh. Chỉ tính riêng từ ngày 21-1 đến ngày 31-3-1968, Mỹ mở chiến dịch ném bom NIAGARA 2, huy động cả số lượng lớn máy bay B52 ném xuống khu vực Khe Sanh 100.000 tấn bom đạn. Sau trận đánh Khe Sanh, Oét-mo-len đã phải thừa nhận rằng "*việc tiếp tế bằng máy bay cho căn cứ (Khe Sanh) là kỳ công hàng đầu thực hiện bằng máy bay*" [45, tr. 17] trong cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Việc phải huy động một số lượng máy bay quá lớn để chi viện cho Khe Sanh, trong lúc các nơi khác đang thiếu, đã làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong giới chỉ huy quân sự Mỹ, khiến Oét-mo-len (Westmoreland) nói rằng ông "*đã cân nhắc đến việc xin từ chức*" [79, tr. 355].

Cùng với chấn động dữ dội của đòn tiến công Tết Mậu Thân, trận chiến đẫm máu ở Khe Sanh đã làm cho ***nước Mỹ kinh hoàng***, giới lãnh đạo Oa-sinh-ton "sững sờ, choáng váng", làn sóng phản đối chính quyền, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam trong các tầng lớp nhân dân Mỹ dâng cao hơn bao giờ hết, đe dọa tới nền móng đời sống chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao của nước Mỹ. Tại Thủ đô Oa-sinh-ton, Tổng thống Giôn-xơn theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Mặc dù bị "sốc" trước cuộc tiến công của đối phương vào hệ thống đô thị trên toàn miền Nam, nhưng Khe Sanh vẫn là nỗi ám ảnh và day dứt khôn nguôi trong tâm trí Giôn-xơn. Ngày 3-2-1968, Giôn-xơn đã yêu cầu Rốt-xtâu (Rostow) - Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống phải có bản báo cáo đặc biệt hàng ngày về tình hình chiến sự Khe Sanh. Rốt-xtâu và Uy-lơ lại yêu cầu tướng Oét-mo-len phải đệ trình bản báo cáo hàng ngày về tình hình chiến trường

---

*đòn quyết định tác động đến tinh thần đối phương như trận Điện Biên Phủ đã tác động đến người Pháp. Đây là cuộc tiến công dịp Tết năm 1968*" [56, tr. 845].

<sup>1</sup> Theo Đại tướng Văn Tiến Dũng, Mặt trận Đường số 9 đã giam chân một nửa lực lượng chiến đấu Mỹ (17/33 lữ đoàn) [22, tr. 200].

miền Nam Việt Nam (nhất là Khe Sanh). Các bản báo cáo hàng ngày về Khe Sanh bắt đầu được gửi lên Tổng thống từ ngày 5-2-1968. Đầu tháng 2-1968, Cơ-líp-phót (Clifford), người vừa được Tổng thống Giôn-xơn cử giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng thay Mắc Na-ma-ra (McNamara)<sup>1</sup> nhận thấy có một "sự ám ảnh Khe Sanh", một điều mà Giôn-xơn luôn lo lắng cho số phận của lính Mỹ ở Nam Việt Nam, "dường như không thể chia sẻ". Ngày 13-2-1968, người quản lý phòng Tình hình đặc biệt tại Nhà trắng đã thông báo về việc lập sa bàn Khe Sanh để cho Tổng thống và các nhà quân sự ở Oa-sinh-ton (Washington) "*để nắm bắt được tình hình chiến sự*". Khi phát hiện máy bay của quân đội Bắc Việt Nam hoạt động ở khu vực giới tuyến quân sự tạm thời, thì cả Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Nam Việt Nam (MACV) và chính quyền Giôn-xơn đều tỏ ra kinh ngạc. Tổng thống Giôn-xơn yêu cầu cơ quan tình báo và trinh sát phải tăng cường theo dõi, giám sát chặt chẽ hơn nữa các sân bay và hoạt động của không quân Bắc Việt Nam; yêu cầu các chỉ huy chiến trường phải tìm cách ngăn chặn, tiêu diệt máy bay Bắc Việt Nam, không để cho đối phương ném bom xuống Khe Sanh<sup>2</sup>. Những kiểu chiến hào, giao thông hào bao vây quân Pháp tại Điện Biên Phủ năm 1954 được quân Mỹ phát hiện ngày càng nhiều tại khu vực Khe Sanh. Giôn-xơn vô cùng lo lắng và nói với các phụ tá của mình rằng "*Tôi không muốn có bất cứ một trận Điện Biên Phủ đáng nguyên rửa nào!*" [78, tr. 166]. Rõ ràng, "*ý nghĩ về một Điện Biên Phủ xảy ra cho Hoa Kỳ tiếp theo cuộc tiến công Tết Mậu Thân cũng đủ để làm cho chính quyền phải hết sức dao động*" [57, tr. 157].

Những hình ảnh và tin tức về cuộc chiến đấu của lính Mỹ tại chiến trường miền Nam Việt Nam được nhanh chóng chuyển về Mỹ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, đông đảo người dân Mỹ được trực tiếp xem cuộc chiến

---

<sup>1</sup> McNamara lúc đó đã được Tổng thống Giôn-xơn ký quyết định bổ nhiệm ông làm Chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB).

<sup>2</sup> Theo Thượng tướng Trần Văn Quang - Nguyên là Bí thư Khu uỷ, Tư lệnh Quân khu Trị Thiên - Huế thì Bộ đã quyết định đưa không quân vào tiếp viện cho quân ta lúc đó (tháng 2-1968) đang gặp khó khăn ở Huế. Một vài máy bay của ta đã vượt qua được phòng tuyến Đường số 9 của địch nhưng không thành công chi viện cho bộ đội mặt đất [52, tr. 7].

tranh qua truyền hình<sup>1</sup>. Họ vô cùng *sửng sốt* khi được nhìn thấy tận mắt cảnh hoảng loạn, mất tinh thần chiến đấu của lính Mỹ tại Khe Sanh. Còn những người lính Mỹ và quân Sài Gòn ở Khe Sanh thì thấy đó là một "địa ngục trần gian đối với họ". Hãng tin Roi-tơ ngày 17-3-1968 dẫn lời viên Đại úy Hoàng Phổ - chỉ huy Tiểu đoàn 37 biệt động quân Sài Gòn ở Khe Sanh nói: "*Nếu lính chúng tôi ở lại Khe Sanh nữa thì họ sẽ mất hết tinh thần và tuyệt vọng. Tuần trước, hai người lính của tôi không chịu được gian khổ đã tự bắn vào mình, rồi nói là bị địch bắn*". Báo Anh Tin hàng ngày, ra ngày 11-2-1968 viết: "*Quân đội Mỹ đã bị xoi no đòn, kinh hoàng và mất hết tinh thần luôn lo ngại đối phương có thể đánh bất kỳ lúc nào. Một trung sĩ nói: Ôi thượng đế! Chúng con còn phải chịu đựng tình trạng này bao lâu nữa!*". Còn Trung sĩ John Bryant, 1 lính thủy đánh bộ Mỹ ở Khe Sanh thì cho biết: "*Chúng tôi và lũ chuột sống chung với nhau trong boongke. Thực ra đối phương đã kiểm soát được Khe Sanh, còn chúng tôi chỉ đơn giản là đang ẩn náu ở đó... Rất nhiều lính Mỹ mong được thoát khỏi chỗ đó. Họ nhảy xuống hố, xuống các đường hào hoặc gác chân lên tường hào với hy vọng một mảnh đạn sẽ cứa vào chân họ và họ sẽ được về nhà*"<sup>2</sup>. Uy danh quân đội Hoa Kỳ chưa từng thất bại trong mọi cuộc chiến tranh nào trước đây đang bị vùi dập tại thung lũng nhỏ bé này. Theo bảng thống kê của một phóng viên về Việt Nam là Peter Braestrup, chỉ trong 60 ngày tháng 2 và tháng 3 - 1968, Khe Sanh xuất hiện chiếm 38% những bài viết về Việt Nam của các nhà báo gửi đến tạp chí *Đời sống* (AP); chiếm 1/4 thời lượng chương trình về Việt Nam chiếu trong bản tin buổi tối trên tivi (đối với kênh CBS, số lượng thống kê này tăng lên đến một nửa). Những đề mục, những đoạn văn về Việt Nam trong *New York Times* thì Khe Sanh chiếm 17/60 ngày [73, tr. 257]. Những gia đình có con

---

<sup>1</sup> Cần nói thêm rằng, năm 1943, nước Mỹ mới có 10.000 chiếc máy truyền hình; trong cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), con số đó tăng lên 10 triệu chiếc. Năm 1968, cả nước Mỹ đã có 100 triệu chiếc, trung bình cứ 17 gia đình thì 16 gia đình có máy truyền hình và số lượng khán giả chiếm tới 96% dân số của nước Mỹ.

<sup>2</sup> Trích trong phim tư liệu *Việt Nam cuộc chiến mười ngàn ngày*, Tập 7, Lưu tại Bộ môn Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

em đang tham chiến ở Việt Nam như cảm nhận thấy cái chết đang đến với con mình. Làn sóng đấu tranh phản đối cuộc chiến tranh của các tầng lớp nhân dân Mỹ càng lên cao, nhất là khi báo chí Mỹ đồng loạt đưa tin Tổng thống Giôn-xơn đang cân nhắc việc sử dụng vũ khí nguyên tử để cứu nguy cho Khe Sanh. Dân chúng Mỹ càng tin rằng Tổng thống của mình sẽ "gây tội ác" khi báo chí phát hiện ra trước đó, Tổng thống đã cử một nhóm các nhà khoa học sang Nam Việt Nam, trong đó có Richard L. Garwin - một chuyên gia về vũ khí nguyên tử. Trước cuộc tranh luận diễn ra gay gắt trong chính giới Hoa Kỳ và làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, ngày 16-2-1968, Tổng thống Giôn-xơn phải đã xuất hiện trên truyền hình và khẳng định rằng ông không nhận được đề nghị sử dụng bom nguyên tử và trấn an người dân Mỹ rằng: "*Chúng ta nên chấm dứt cuộc tranh luận vấn đề này*". Mặc dù vũ khí nguyên tử không được sử dụng nhưng đã góp phần làm thức tỉnh lương tri nhiều người dân Mỹ đấu tranh chống chính phủ, phản đối cuộc chiến tranh mà nước Mỹ đang tiến hành ở miền Nam Việt Nam. Đông đảo nhân dân Mỹ nhận ra rằng chiến tranh sẽ không thể nhanh chóng kết thúc và tình trạng suy thoái về kinh tế, sự chia rẽ trong nội bộ đất nước còn kéo dài. Diễn biến tình hình chiến sự Khe Sanh cũng như đòn tiến công bất ngờ, rộng lớn vào các đô thị ở miền Nam đã cho thấy rằng: những báo cáo của chính quyền về "thắng lợi" của cuộc chiến tranh Việt Nam chỉ là sự lừa dối<sup>1</sup>. Bình luận về chiến sự ở Khe Sanh tác động đến nước Mỹ, nhà sử học Mỹ Mai-cơ Mác-lia đã viết: "*Bản*

---

<sup>1</sup> Trước khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của ta nổ ra, vào cuối năm 1967, nhằm trấn an dư luận Mỹ để phục vụ cho việc chạy đua tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ mới vào năm 1968, Tổng thống Giôn-xơn đã triệu hồi cả Đại sứ Bán-cơ và tướng Oét-mo-len về Mỹ. Tại Trung tâm báo chí quốc tế ở thủ đô Oa-sinh-تون, cả 2 nhân vật này đều đưa ra những đánh giá lạc quan về tình hình chiến tranh Việt Nam (vốn là vấn đề được đông đảo cử tri Mỹ quan tâm nhất), là *Việt cộng chưa đủ khả năng để mở một cuộc tiến công quy mô lớn*. Ngày 29-12-1967, trong một buổi tiếp chiêu đãi tại Đại sứ quán Mông Cổ, Bộ trưởng Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hoà Nguyễn Duy Trinh đã khẳng định: "*Sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Việt Nam dân chủ cộng hoà sẽ nói chuyện với Mỹ về những vấn đề có liên quan*" [47, tr.220]. Trước đây, ta chỉ nói là "có thể" nói chuyện, nay được khẳng định là "sẽ". Thực chất, đây chỉ là tuyên bố nhằm đánh lạc hướng phía Hoa Kỳ. Tuyên bố này ngay lập tức được chính quyền Giôn-xơn "chộp lấy". Họ cho rằng những nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ đã buộc Hà Nội phải "nhường bộ". Do đó, chiến dịch tuyên truyền về giai đoạn kết thúc chiến tranh rút quân Mỹ về nước được chính quyền Giôn-xơn đẩy mạnh. Nó giúp cho uy tín của Giôn-xơn có tăng lên chút ít và ông tiếp tục nuôi hy vọng cho một chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ tiếp theo.

*tin lúc 6 giờ chiều đã trở thành cuộc chiến trong phòng khách mỗi gia đình Mỹ. Các hình ảnh như thế tạo ra cảm nghĩ chung: Khe Sanh không phải là thung lũng cần có tự do mà là sự điên rồ to lớn nhất của một thế hệ già nua nắm giữ quyền lực" [41, tr. 149].*

Với chiến thắng của chiến dịch này, ta đã **chọc thủng được tuyến phòng thủ trên Đường số 9** của địch (đập nát đoạn phòng thủ hướng Tây - Khe Sanh), phá tan một phần quan trọng *hàng rào điện tử McNamara*, giải phóng được một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng, góp phần bảo vệ và giữ vững tuyến hành lang vận chuyển chiến lược Bắc Nam của ta. Mỹ và chính quyền Sài Gòn hiểu rằng muốn giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh Việt Nam thì nhất thiết Mỹ phải ngăn chặn luồng hàng tiếp tế vào chiến trường miền Nam. Năm 1965, khi được cử giữ chức Tư lệnh Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam (MACV), Oét-mo-len đã đánh giá Khe Sanh có một vị trí chiến lược nhằm chống lại sự chi viện của Bắc Việt vào miền Nam qua hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh và ông đã quyết định cho xây dựng một "mỏ neo" ở đây<sup>1</sup>. Xây dựng căn cứ Khe Sanh, như Oét-mo-len vẫn thường nói: "*Tôi vẫn hy vọng một ngày nào đó sẽ tiến hành một cuộc hành quân lớn vào lãnh thổ Lào*" [78, tr. 167]. Với niềm tin tưởng đó, ông còn lập kế hoạch cho năm 1968 bằng việc tiến hành một loạt hoạt động gồm 4 chiến dịch mang tên bí mật *York*, các chiến dịch này dự định sẽ càn quét vùng biên giới Việt Nam - Lào và mở rộng căn cứ chiến đấu Khe Sanh sang cả đất Lào. Tuy nhiên, ngày 26-6-1968, Mỹ tuyên bố rút khỏi Khe Sanh. Mọi toan tính hòng cắt đứt tuyến chi viện chiến lược của đối phương của Mỹ không thực hiện được. Việc Mỹ rút khỏi Khe Sanh đã khiến cho nhiều người Mỹ, nhất là những người "hiếu chiến" phản đối mạnh mẽ, trong

---

<sup>1</sup> Nhằm hỗ trợ cho các hoạt động ngăn chặn tuyến chi viện chiến lược Bắc Nam của ta trên đường mòn Hồ Chí Minh, mùa hè năm 1966, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara đã đưa ra sáng kiến thiết lập một hàng rào chống xâm nhập ở miền Nam Việt Nam - còn được gọi là hàng rào điện tử McNamara. Mỹ đã tiến hành rải mìn, các máy điện tử tinh vi (sensors) để phát hiện sự di chuyển của người và động cơ. Hệ thống phân tích sẽ xác định rõ toạ độ để máy bay đến ném bom hoặc đưa lực lượng đến ngăn chặn, tiêu diệt. Phạm vi hàng

đó có Nixon (Thượng nghị sĩ Quốc hội và là ứng cử viên tranh cử tổng thống của đảng Cộng hoà). Sau khi trúng cử và lên làm Tổng thống Mỹ năm 1969, từ ngày 12-2 đến 21-3-1971, Nixon chấp thuận mở một cuộc hành quân chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn mang tên "Lam Sơn 719", nhằm cắt đôi chiến trường Đông Dương, cắt tuyến chi viện chiến lược của ta. Tuy nhiên, cuộc hành quân này bị thất bại nặng nề. Nhiều tướng lĩnh Hoa Kỳ và Việt Nam cộng hoà sau này đã giải thích cho sự thất bại đó là Mỹ đã đánh mất những "ưu thế" của Khe Sanh. Việc Mỹ rút bỏ Khe Sanh chứng tỏ đây là một thất bại nữa của Mỹ. Vì rằng, cho đến lúc này, việc giữ Khe Sanh của quân Mỹ trên chiến trường, trước áp lực của đối phương, trở nên khó khăn hơn. Đầu tháng 5-1968, khi phát hiện Sư đoàn 308 (được mệnh danh là Anh cả đỏ của Quân đội nhân dân Việt Nam, từng tham gia trận đánh Điện Biên Phủ năm 1954) của ta được tung vào Khe Sanh, phía Mỹ ngay lập tức, đã có sự phản ứng. Tại Hội nghị Pari (khai mạc ngày 13-5-1968), Phó trưởng đoàn đàm phán phía Mỹ (Vance) đã gặp gỡ Phó trưởng đoàn đàm phán phía ta (ông Hà Văn Lâu), mở tám bản đồ, chỉ vào khu vực Khe Sanh nói : *"Tôi xin báo cho Ngài biết là Sư đoàn 308 của các Ngài đã vào đến đây. Đây là một sự việc nghiêm trọng. Mong rằng các Ngài phải biết kiểm chế"* [54, tr. 177]. Cũng phải nói thêm rằng, vào thời điểm tháng 6 - 1968, Tư lệnh Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ ở chiến trường miền Nam không phải là Oét-mo-len (Westmoreland) nữa (ông đã được triệu hồi về Mỹ từ cuối tháng 3-1968), mà là tướng Abrams. Việc thay thế người chỉ huy chiến trường phần nào phản ánh cả sự thay đổi của Mỹ trong vấn đề Khe Sanh. Nước Mỹ đã nhận thức được rằng Khe Sanh chỉ là một *"cái bẫy"* để đánh lừa Bộ chỉ huy Mỹ<sup>1</sup>. Nước Mỹ không cần thiết phải mất nhiều sức người và sức của đến như vậy để giữ Khe Sanh, nhất là sau bản tuyên bố ngày 31-3-

---

rào này kéo dài dọc khu vực phi quân sự ở nam vĩ tuyến 17 qua biên giới Việt - Lào đến SêPôn. Với thắng lợi của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, ta đã phá tan một phần quan trọng của hàng rào này.



1968 của Tổng thống Giôn-xơn (Johnson) - bản tuyên bố làm cho các tướng lĩnh và binh sĩ chiến trường "thối chí". Cho dù có sự phản đối của Oét-mo-len (lúc này trở về Mỹ làm Tham mưu trưởng lục quân) và Nixon (Thượng nghị sĩ và là ứng cử viên tranh cử tổng thống của đảng Cộng hoà) thì quyết định rút khỏi Khe Sanh đã được đưa ra, mặc dù nó là rất muộn: "*Việc rút khỏi Khe Sanh trong tháng 6 năm 1968, không đây ba tháng sau khi nó trở thành trung tâm chú ý và hy vọng của người Mỹ, đã nói lên tính phi lý của cuộc chiến tranh*" [50, tr. 27].

Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh còn là một cột mốc đánh dấu ***sự phá sản hoàn toàn chiến lược "tìm diệt"*** chủ lực Quân giải phóng của phía Mỹ. Trong hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967, tướng Oét-mo-len quyết định mở hai cuộc phản công chiến lược nhằm "tìm diệt" chủ lực Quân giải phóng, bẻ gãy cái gọi là "xương sống Việt cộng". Cả hai cuộc phản công chiến lược đều bị quân và dân ta đánh bại. Oét-mo-len và nhiều sĩ quan cấp cao Mỹ thường hay "đau đầu" khi phải đánh nhau với một đội quân "thoát ần, thoát hiện". Chính ông đã nói khó khăn lớn nhất của quân Mỹ là "không tìm được Việt cộng" để giải thích cho những khó khăn cũng như những tổn thất của quân Mỹ trên chiến trường qua hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967. Nhưng ở Khe Sanh, quân Mỹ không phải đi đâu "tìm diệt" cả, mà Việt cộng lại xuất hiện và vây chặt hàng ngàn lính thuỷ đánh bộ Mỹ, biến thung lũng tử thần này thành địa ngục trần gian của lính Mỹ và "*ý nghĩ về một Điện Biên Phủ xảy ra cho Hoa Kỳ tiếp theo cuộc tiến công Tết Mậu Thân cũng đủ để làm cho chính quyền phải hết sức dao động*" [57, tr. 157]. Lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh Việt Nam, một bộ phận quân chủ lực ta đã có cuộc đọ sức trực diện, quyết liệt với một bộ phận quân viễn chinh tinh nhuệ nước Mỹ trên một địa bàn trọng yếu, buộc Mỹ phải công khai tuyên bố rút bỏ Khe Sanh (thực tế là thừa nhận sự thất bại). "*Viễn cảnh bị đánh bại về quân sự tại Việt Nam đã*

---

<sup>1</sup> Henry A. Kissinger sau này đã đưa ra nhận xét rằng: "*Hà Nội đã "chơi trò đấu bò", lừa con bò tót Mỹ hung dữ ra vòng ngoài rồi dùng lực lượng quân sự của họ bắt thần đánh ập vào toàn bộ các đô thị phía trong là*

*hiện ra rõ nét trước mặt giới cầm quyền Oa-sinh-ton và giới quân sự Mỹ*" [22, tr. 210]. Chiến lược quân sự "tìm diệt" mà Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam, vốn chỉ thành công trong "ý tưởng", thì nay đã bị phá sản hoàn toàn. Cuộc tiến công vào hệ thống các đô thị trên toàn miền Nam đã dẫn đến những bất đồng sâu sắc trong giới quân sự Hoa Kỳ về chiến sự tại Mặt trận Đường số 9 - Khe Sanh. Trong lúc Oet-mo-len vẫn tăng cường lực lượng cho Khe Sanh thì Nhóm cố vấn cao cấp ở Thủ đô Oa-sinh-ton<sup>1</sup> lại nói đến khả năng "*rút lui khỏi những khu vực phía tây của Vùng chiến thuật I và những khu vực miền cao nguyên ở bất cứ mức độ nào*" [64, tr.502]. Đây là một cú sốc lớn đối với Oét-mo-len, vì trước đó, hầu hết mọi người trong số họ đều ủng hộ quan điểm của Oet-mo-len là phải "*giữ vững Khe Sanh bằng bất cứ giá nào*". Từ việc tiến hành chiến lược "tìm và diệt", nay Mỹ buộc phải chuyển sang tổ chức phòng ngự tập đoàn cứ điểm mạnh ở Khe Sanh và sau đó là rút bỏ Khe Sanh về tăng cường củng cố phòng ngự phía đông Đường số 9. Trên phạm vi toàn miền Nam, Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược "quét và giữ". Đây là thất bại lớn của Mỹ, đúng như báo Mỹ *Người hướng dẫn đạo Thiên chúa* số ngày 30 - 6 - 1968 đã bình luận: "*Đối với người Mỹ, Khe Sanh là biểu trưng của bước đường cùng và sự tự hủy diệt của cái chiến lược tìm và diệt của Oet-mo-len*" [24, tr. 12].

Rõ ràng, "*ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã vượt ra ngoài khuôn khổ của một chiến dịch tiến công thông thường khi đặt nó trong bối cảnh tổng thể của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân lịch sử*" [13, tr. 110]. Nó đã đi vào lịch sử như "*là một thất bại lớn của Mỹ, một thắng lợi lớn của ta*" [44, tr. 369]. Để làm nên chiến thắng Đường số 9 - Khe Sanh đó, đã có hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ đã mãi mãi nằm lại nơi đây. Nhiều bài học, kinh nghiệm chiến đấu được rút ra từ chiến dịch lịch sử này.

---

*nơi Mỹ sơ hở, làm cho bộ chỉ huy Mỹ không kịp trở tay*" [39, tr. 587].

### 3.3. Một số kinh nghiệm chiến đấu rút ra từ chiến dịch

#### 3.3.1. Về lựa chọn khu vực tác chiến.

Khu vực tác chiến là nơi giao tranh trực tiếp giữa các lực lượng đối địch. Việc lựa chọn khu vực tác chiến vì vậy là cả một nghệ thuật, là một yếu tố không thể không tính đến trong kế hoạch của một chiến dịch, một trận đánh. Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã đáp ứng được những yêu cầu đề ra cho một chiến dịch tiến công quy mô lớn giành thắng lợi, trước hết là bởi chúng ta đã lựa chọn khu vực tác chiến đúng. Nó thể hiện ở những mặt sau:

- Phù hợp với kế hoạch tác chiến chiến lược chung cho toàn miền Nam. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, hướng tiến công của quân và dân ta được xác định chủ yếu nhằm vào các đô thị trên toàn miền Nam, tức là "*đánh vào tim óc, huyết mạch của địch*" [21, 201]. Tuy nhiên, trong điều kiện quân địch đông, hỏa lực mạnh, sức cơ động nhanh, ta lại chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tiến công và làm chủ đô thị, như đồng chí Lê Duẩn nói thì "*chúng ta không khờ khạo gì mà đưa hết bộ đội chủ lực đánh vào các thành phố lớn. Chủ trương của ta là căng địch trên khắp chiến trường miền Nam, kéo quân chủ lực địch ra các chiến trường có lợi, dùng những quả đấm chủ lực thật mạnh đánh gục các binh đoàn chủ lực địch; hoặc phản công đánh những trận tiêu diệt lớn, bẻ gãy các cuộc hành quân "tìm diệt" của chúng*" [21, tr. 210]. Nhưng muốn kéo phần lớn lực lượng địch ra khỏi "hang ổ" của chúng (tức là kéo địch ra khỏi các đô thị và căn cứ đóng quân), chúng ta phải mở những chiến dịch lớn ở những khu vực nào? Hay đâu sẽ là hướng tiến công chính? Sau khi phân tích kỹ tình hình các chiến trường<sup>2</sup>, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định chọn khu vực Đường số 9 - bắc Quảng Trị làm nơi mở chiến dịch quy mô lớn nhằm đánh nghi binh, thu hút tập trung sự đối phó của địch, bởi đây là khu vực có vị trí chiến lược mà địch tương đối yếu và

---

<sup>1</sup> Nhóm này được thành lập ngày 27-2-1968, gồm: *Clarle Clifford, McNamara, tướng Taylor, Nitze Fowler, Ketzenback, Walt Rostow, Helms, Warnke, Phil Habib.*

<sup>2</sup> Để xây dựng Kế hoạch tác chiến chiến lược cho toàn miền Nam, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã có sự bàn bạc, trao đổi nhiều lần với lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường trên toàn miền Nam.

chúng không thể bỏ. Quả nhiên, ngay khi ta nổ súng tiến công địch, Mỹ lập tức dồn tâm trí vào đối phó ở khu vực này. Việc lựa chọn mở các cuộc tiến công vào những hướng trọng điểm mà địch tương đối yếu và không thể bỏ, buộc địch phải phân tán binh lực đánh theo lối đánh của ta, trên những khu vực do ta lựa chọn là một trong những nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt Nam<sup>1</sup>.

- Hạn chế được điểm mạnh của địch, phát huy thế mạnh của ta, đảm bảo cho chiến dịch toàn thắng. Khu vực Đường số 9 - bắc Quảng Trị địa hình chủ yếu là đồi núi bị chia cắt mạnh, giao thông lại hạn chế nên khả năng cơ động ứng cứu, giải tỏa cũng như việc chi viện hỏa lực của địch gặp rất nhiều khó khăn. Về phía ta, đây là khu vực đồi núi, đã xảy ra nhiều cuộc giao tranh giữa ta và địch nên lực lượng vũ trang ta tích lũy được nhiều kinh nghiệm chiến đấu; lại là nơi tiếp giáp với miền Bắc và tuyến hành lang vận chuyển chiến lược Bắc - Nam nên ta có điều kiện đảm bảo chi viện hậu cần hoặc dễ rút lui củng cố, bảo toàn lực lượng. Mặt khác, bên cạnh việc tiến công đồng loạt vào toàn bộ hệ thống phòng thủ Đường số 9 của địch, ta đã chọn hướng Tây là hướng chủ yếu, hướng Đông là hướng quan trọng, hướng phối hợp. Sở dĩ có điều này là tuy địch phòng ngự trên cả hai hướng nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, địch chủ yếu tập trung lực lượng ở hướng Đông, còn hướng Tây lực lượng địch mỏng, chỉ có khả năng phòng ngự tại chỗ, khi bị ta cắt đứt Đường số 9 (đoạn từ Tân Lâm đến Cà Lu) thì hướng Tây hoàn toàn bị cô lập về đường bộ, địch buộc phải đưa quân lên ứng cứu. Hơn nữa, ở hướng Đông, độ che phủ rừng thấp, địch dễ dàng quan sát cả trên bộ và trên không,

---

<sup>1</sup> Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), trước khi ta mở chiến dịch quyết định Điện Biên Phủ 1954, thì vào đông - xuân 1953-1954, chủ trương và phương hướng chiến lược của ta là: "*Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán binh lực mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt từng bộ phận sinh lực của chúng*" [29, tr. 47]. Nhờ thực hiện đúng phương châm chỉ đạo chiến lược đó mà ta buộc địch phải phân tán binh lực, từ chỗ tập trung chủ yếu tại một nơi là đồng bằng Bắc Bộ phải phân tán lực lượng trên nhiều khu vực (Tây Nguyên, Trung Lào, Thượng Lào, Điện Biên Phủ, đồng bằng Bắc Bộ). Do bị phân tán lực lượng nên địch không còn lực lượng dự bị chiến lược cho trận đánh Điện Biên Phủ, chịu một thất bại thảm hại.

ta rất khó che giấu lực lượng triển khai tiến công, sẽ bị hoả lực địch đánh phá nặng nề; ngược lại, hướng Tây có độ che phủ rừng lớn hơn, địch khó quan sát mà ta lại thuận lợi che giấu lực lượng, dễ tiến hành phục kích<sup>1</sup>. Thực tế chiến trường đã phản ánh đúng điều đó. Mặc dù lực lượng ở cả hai hướng không chênh lệch nhau lắm, nhưng ở hướng Tây đã đánh mạnh hơn, tiêu diệt được nhiều địch hơn, đánh được trận then chốt vào quận lỵ Hương Hoá, Tà Mây, Làng Vây, vây hãm căn cứ chiến đấu chính Tà Con; trong khi đó ở hướng Đông, ta không hạn chế được những điểm mạnh của địch về khả năng cơ động và chi viện hoả lực nên ta gặp rất nhiều khó khăn, không đánh được nhiều trận dứt điểm (như trận tiến công quận lỵ Cam Lộ của Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 vào đêm 31-1-1968).

Tóm lại, "*nghệ thuật lừa địch ra chiến trường Khe Sanh cũng là giỏi. Ở đó, ta có lợi thế về địa hình và cơ động tập trung được lực lượng hơn địch ở thời khắc quyết định chiến dịch*" [66, tr. 175].

### **3.3.2. Về phương châm chỉ đạo tác chiến.**

Phương châm chỉ đạo tác chiến có liên quan trực tiếp đến cả một trận đánh, một chiến dịch từ khâu chuẩn bị chiến trường, huy động lực lượng, trang bị vũ khí, loại hình chiến thuật... Do đó, nó ảnh hưởng, quyết định trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của cuộc chiến đấu<sup>2</sup>.

Ngay từ đầu, Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã xác định phương châm đánh địch đúng, đó là: *lấy đánh địch ngoài công sự làm chính, đánh địch trong công sự khi cần thiết và chắc thắng*. Phương châm này được đề ra căn cứ vào những kinh nghiệm đánh Mỹ trước đó cũng như căn cứ

---

<sup>1</sup> Nhờ che giấu lực lượng tốt nên địch khó nắm bắt về quân số của ta. Trong các báo cáo của Oét-mo-len (Westmoreland) gửi về Oa-sinh-ton (Washington), ông chỉ cho biết có khoảng 2 sư đoàn quân Bắc Việt đang tập trung ở hướng Tây. Tuy nhiên, những báo cáo đó chủ yếu dựa vào những lời khai của một sĩ quan Bắc Việt đầu hàng từ trước giờ ta nổ súng vào Khe Sanh, còn cụ thể lực lượng, đội hình đối phương bố trí ở đâu, hướng chủ yếu nào thì ông ta không hề biết.

<sup>2</sup> Điều này đã được chứng minh trong thực tiễn khá phong phú, ví dụ như trong trận đánh Điện Biên Phủ 1954, lúc đầu ta chủ trương đánh địch theo phương châm "*đánh nhanh, thắng nhanh*". Nhưng sau khi đi kiểm tra tình hình trước giờ nổ súng, ta đã kịp thời chuyển từ phương châm "*đánh nhanh, thắng nhanh*" sang phương châm "*đánh chắc, tiến chắc, chắc thắng thì đánh cho kỳ thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh*". Nhờ thực hiện phương châm đó mà ta đã giành được chiến thắng vang dội.

vào thực tế chiến trường tại khu vực này. Trong cuộc đọ sức với quân Mỹ trước đó, bộ đội ta đánh nhiều trận với quân Mỹ, chủ yếu là diễn ra ở khu vực ngoài công sự (lúc địch mở cuộc càn quét hay đang hành quân hoặc tạm dừng) và đã tiêu diệt được nhiều địch, tích lũy được nhiều kinh nghiệm<sup>1</sup>. Thực tế trên khu vực Đường số 9 - bắc Quảng Trị, lực lượng so sánh giữa ta và địch thì ta chưa chiếm được ưu thế áp đảo: ta huy động tập trung nhiều loại vũ khí tương đối hiện đại nhưng các lực lượng của ta chiến đấu ở đây lúc này chủ yếu được trang bị có phần hạn chế, chủ yếu là sư đoàn bộ binh nhẹ<sup>2</sup>, khả năng chi viện hỏa lực và trình độ tiến công đột phá công sự vững chắc còn có hạn. Trong lúc đó, tuy địch lui vào thực hiện phòng ngự bị động nhưng lực lượng của chúng còn đông (43.000 tên), hỏa lực rất mạnh, lại có sức cơ động cao, được tổ chức phòng thủ chặt chẽ trong hệ thống công sự vững chắc... Trong điều kiện đó, nếu ta cứ tổ chức tiến công đánh địch trong công sự vững chắc thì sẽ chịu những tổn thất nặng nề.

Trên cơ sở phương châm chỉ đạo tác chiến đó, làm thế nào để kéo địch ra ngoài công sự, thực hiện tiêu diệt là một vấn đề cần được tính toán kỹ. Sau khi trao đổi và thống nhất ý kiến, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định chọn phương pháp tiến hành là: *tập trung lực lượng tiêu diệt những cứ điểm ngoại vi, tiến hành bao vây, uy hiếp mạnh những căn cứ chiến đấu chính của địch, buộc chúng phải tăng viện ứng cứu hoặc mở các cuộc phản kích tại chỗ* (nhiều người gọi đây là phương pháp diệt điểm "châm ngòi"). Diễn biến chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã phản ánh đúng những gì ta đề ra ban đầu. Tại hướng Tây, giai đoạn đầu khi ta nổ súng đánh chiếm được điểm cao 471, Tà Mây, Làng Vây... bao vây uy hiếp Tà Con buộc địch phải điều lực lượng lên tăng viện (1 tiểu đoàn biệt động quân Sài Gòn, 1 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn

---

<sup>1</sup> Trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, trận đánh tại thung lũng Ia Đrăng (ngày 17-1-1965, nay thuộc huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai) là trận đánh duy nhất mà ta tiêu diệt gọn một tiểu đoàn Mỹ. Đó là một trận đánh diễn ra ngoài công sự.

<sup>2</sup> *Sư đoàn bộ binh nhẹ*: không có lựu pháo, pháo cao xạ, xe tăng và một số lực lượng binh chủng kỹ thuật khác nên sức chiến đấu bị hạn chế. Các sư đoàn bộ binh của ta trên chiến trường miền Nam chủ yếu thuộc loại này, một phần do khó khăn của ta về vũ khí, một phần nhằm đáp ứng nhu cầu cơ động.

9 lính thủy đánh bộ Mỹ). Nhưng Tà Con bị ta uy hiếp ngày càng mạnh đã buộc Mỹ phải đưa cả Sư đoàn Ky binh không vận số 1, Sư đoàn lính thủy đánh bộ lên tiến hành giải vây, tạo điều kiện cho ta cơ hội thuận lợi đánh địch ngoài công sự. Trong tổng số 11.900 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu thì có đến 10.000 tên bị ta diệt bên ngoài công sự khi đang vận động hay tạm dừng. Ngược lại ở hướng Đông, ta không diệt được các cứ điểm ngoại vi, không bao vây uy hiếp được các căn cứ chiến đấu chính của địch nên ta không thành công; địch không những không tăng viện mà còn rút bớt lực lượng từ hướng Đông để về tăng cường chi viện cho Thừa Thiên - Huế.

Mặt khác địch kéo quân tăng viện trong một thời gian khá dài với số lượng đông nhưng ta chỉ diệt được 11.900 tên địch (thấp hơn con số đề ra ban đầu là diệt 4 - 5 vạn tên). Ngay từ đầu, lực lượng cơ động sẵn sàng đánh địch chi viện của ta còn mỏng, lại phải trải qua thời gian chiến đấu dài ngày trong điều kiện hết sức ác liệt, quân số hao hụt nhiều nên trong cả chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, ta không có trận đánh nào tiêu diệt gọn được 1 tiểu đoàn quân Mỹ nào, bỏ lỡ nhiều thời cơ thuận lợi (ví dụ như Trung đoàn 102/Sư đoàn 308 tiến công vào cứ điểm Làng Cát vào đêm 28 và 31-5-1968 đều không thành công). Từ những hạn chế này của chiến dịch cho chúng ta rút ra một điều rằng: *trên cơ sở phương châm lấy đánh địch ngoài công sự làm chính, với phương pháp tiến công đúng thì cần phải chuẩn bị lực lượng cơ động đủ sức mạnh để sẵn sàng đánh áp đảo kẻ địch trên từng mục tiêu, từng bộ phận địch để tiêu diệt chúng.*

### **3.3.3. Hiệp đồng giữa các quân binh chủng.**

Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh là lần đầu tiên ta sử dụng nhiều nhất sự tham gia của các quân binh chủng, trong cả chiến dịch và trong từng trận đánh (gồm bộ binh, pháo binh, công binh, cao xạ, xe tăng - thiết giáp, đặc công - hải quân), trong đó, xe tăng ta lần đầu tiên ra trận<sup>1</sup>, để lại cho chúng ta

---

<sup>1</sup> Trước khi xe tăng được lệnh vào chiến trường chiến đấu, Bộ Tổng tư lệnh còn nhiều những băn khoăn, suy nghĩ về vai trò, vị trí của xe tăng trong tác chiến hiệp đồng binh chủng. Mặc dù đã được huấn luyện phối hợp

bài học sâu sắc về hiệp đồng giữa các quân binh chủng trong chiến đấu, đánh dấu một bước phát triển mới của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam: *"Nét mới của nghệ thuật chiến dịch ở đây là sự phát triển của cách đánh chiến dịch tiến công vây hãm quân địch trong căn cứ với đánh địch đến ừng cứu, thay quân, rút chạy; tác chiến chủ yếu bằng bộ binh trong các đợt hoạt động trước đó, sang tác chiến hiệp đồng binh chủng trong chiến dịch"* [13, tr. 111].

Muốn tạo nên sức mạnh áp đảo kẻ thù thì nhất định phải phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng tham gia chiến đấu. Sức mạnh tổng hợp ở đây không đơn thuần chỉ là cấp số cộng về sức mạnh của từng đơn vị, từng quân binh chủng, mà nó bao hàm cả sự phối hợp nhịp nhàng, "ăn khớp" giữa các đơn vị, giữa các quân binh chủng khác nhau trong từng chiến dịch, từng trận đánh. Nhờ có sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các quân binh chủng mà có thể sử dụng lực lượng ít hơn đối phương nhưng vẫn có thể giành thắng lợi to lớn, và ngược lại, nếu lực lượng đông nhưng hiệp đồng chiến đấu thiếu chặt chẽ giữa các bộ phận thì sẽ nhận thất bại.

Trong chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, ta sử dụng bộ binh là lực lượng chủ yếu đánh tiêu diệt địch; pháo binh bắn phá căn cứ địch, uy hiếp chúng từ xa; công binh mở đường cho các đơn vị; xe tăng - thiết giáp hỗ trợ chi viện trực tiếp cho bộ binh chế áp hỏa điểm địch; bộ đội cao xạ chống máy bay; đặc công hải quân đánh cắt tuyến chi viện tiếp tế đường sông của địch... Nhờ phát huy được sức mạnh tổng hợp đó mà ta đã giành thắng lợi, liên tiếp đẩy địch lún sâu hơn vào thế bị động, cô lập. Trong các trận đánh quận lỵ Hướng Hoá, Huội San, Làng Vây nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa các quân binh chủng mà ta dễ dàng dứt điểm được mục tiêu. Nhưng nhiều trận, do hiệp đồng thiếu chặt chẽ mà ta chịu tổn thất lớn, không hoàn thành mục tiêu đề ra

---

trên thao trường nhưng ta chưa sử dụng vào chiến trường bao giờ. Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh kết thúc thắng lợi, ta đã giải đáp được những thắc mắc trước đây khi sử dụng xe tăng trong đội hình binh chủng hợp thành như cơ động triển khai lực lượng, hướng sử dụng, chọn mục tiêu tiến công, nguy trạng nghi binh chiến dịch... Chính những bài học rút ra từ chiến dịch này *"là những cơ sở thực tiễn đầu tiên cho sự hình thành và phát triển nghệ thuật sử dụng tăng trong chiến dịch, giúp cho người chỉ huy binh chủng hợp thành nghiên cứu, chỉ đạo việc huấn luyện, chiến đấu thiết thực hơn, nhằm đạt hiệu quả chiến đấu ngày càng cao"* [6, tr. 25].



(như trận Cam Lộ đêm 31-1-1968, trận tiến công cứ điểm Làng Cát của Trung đoàn 102/Sư đoàn 308 vào đêm 28 và 31.5.1968).

Để đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các quân binh chủng, thì phải thực hiện được các yêu cầu sau:

- Tổ chức chỉ huy phải vững chắc, thông tin liên lạc phải đảm bảo. Đây là một yếu tố rất quan trọng. Kết quả chiến dịch phần lớn phụ thuộc vào yếu tố này.

Sở chỉ huy phải được bố trí ở một khu vực an toàn, được bảo vệ vững chắc. Thực tế trong thời gian đầu, Sở chỉ huy chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh được xây dựng sơ sài, địch phát hiện và cho máy bay đến ném bom buộc ta phải di chuyển, làm gián đoạn đến công tác chỉ huy, điều hành chiến dịch, chỉ đạo sự hiệp đồng giữa các đơn vị quân binh chủng không được thống nhất.

Phải đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt, giúp cho các cấp chỉ huy bám sát chiến trường, chỉ đạo sâu sát kịp thời các đơn vị, các hướng, các quân binh chủng khác nhau nhằm tạo nên sự hiệp đồng chặt chẽ. Trong chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, từ Sở chỉ huy chiến dịch theo đường chim bay đến Sở chỉ huy Sư đoàn 304 ở nam Khe Sanh dài 30km, đến Sở chỉ huy Sư đoàn 320 ở hướng Đông khoảng 45km. Khi thông tin điện đài bị cắt đứt việc sử dụng thông tin truyền miệng hay việc điều động chỉ huy tăng cường đến các hướng, các đơn vị phải tốn rất nhiều thời gian. Do đó, nhiều đơn vị mất liên lạc với chỉ huy cấp trên, không thể phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bạn được góp phần làm hạn chế đến quá trình chiến đấu.

- Quá trình chuẩn bị phải chu đáo, tỉ mỉ. Điều này được thể hiện trong kế hoạch tác chiến của Bộ Tư lệnh chiến dịch (sử dụng lực lượng nào, tiến công địch vào thời gian nào<sup>1</sup>, hướng nào là hướng tiến công chủ yếu...). Trên cơ sở quán triệt kế hoạch tác chiến chung thì mỗi đơn vị, mỗi quân binh

chúng tham gia chiến đấu phải tự mình chuẩn bị chu đáo, tỉ mỉ, đảm bảo đúng thời gian, đủ lực lượng như yêu cầu đề ra, xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu đơn vị mình phụ trách, trinh sát thực địa... Trong tác chiến binh chủng hợp thành, điều này càng trở nên quan trọng, bởi vì nếu chỉ một đơn vị, một quân binh chủng phối hợp mà không sẵn sàng chiến đấu thì đôi khi sẽ làm mất thời cơ, thậm chí là phải chịu những tổn thất, thất bại nặng nề. Trong trận đánh Huội San (đêm 23 rạng ngày 24-1-1968), do công binh không đảm bảo được đường cơ động cho xe tăng nên xe tăng ta bị sa lầy, ùn tắc dẫn đến chỉ có 2 xe tham gia kịp thời vào trận đánh. Trong trận đánh cứ điểm Làng Vây<sup>2</sup>, theo kế hoạch, ta nổ súng vào cuối tháng 1-1968 (tức là trước khi cuộc tiến công của ta vào đô thị bắt đầu), nhưng do đơn vị tăng thiết giáp chưa vào được vị trí triển khai, không kịp chuẩn bị đúng thời gian quy định nên trận đánh phải tạm hoãn lại, đến đêm 6, rạng ngày 7-2-1968 ta mới tiến công được, bỏ lỡ thời cơ gây sức ép kéo địch lên chi viện, giải toả sớm. Vào đêm 6-2-1968, tất cả các đơn vị tham gia đã chuẩn bị sẵn sàng nên ta dễ dàng tiến công đánh chiếm được Làng Vây. Còn sau đó, trong trận đánh Làng Vây cũ (ngày 7-2-1968), lực lượng bộ binh và xe tăng phối hợp không "ăn khớp" (xe tăng đến đầu Làng Vây đợi, bộ binh lại xuống cuối Làng Vây chờ) nên không tổ chức phối hợp tiến công được. Địch nhân cơ hội đó cho máy bay trực thăng bốc đi một số quân, một số quân chạy thoát về Tà Con.

- Thực hiện đúng chiến thuật chiến đấu:

+ Công binh làm đường cho các đơn vị tiến vào vị trí tập kết chiến đấu đúng thời gian quy định, có thể trực tiếp tham gia hỗ trợ chiến đấu.

+ Pháo binh thực hiện bắn phá vào mục tiêu tiêu diệt, phá huỷ mục tiêu, khống chế trận địa hoả lực địch tạo điều kiện cho các đơn vị phối hợp tiến

---

<sup>1</sup> Hầu hết các trận tiến công của ta diễn ra vào ban đêm. Chọn thời điểm này ta sẽ dễ di chuyển mà không sợ bị phát hiện, hạn chế sự quan sát của địch, tạo ra sự bất ngờ trong chiến đấu. Đặc biệt, hoả lực không quân, pháo binh của địch rất khó để chi viện.

<sup>2</sup> Thường gọi là cứ điểm Làng Vây.

công, pháo binh còn có thể chi viện hỏa lực trực tiếp khi các đơn vị đang chiến đấu.

+ Xe tăng trực tiếp tiêu diệt các lô cốt hỏa điểm địch, thực hiện xung phong đột phá thọc sâu căn cứ địch, tạo điều kiện cho bộ binh theo sau tiến lên diệt địch.

+ Bộ binh là lực lượng chủ yếu tham gia tiêu diệt địch, lợi dụng các hỏa điểm, hỏa lực địch bị ta khống chế, nhanh chóng thực hiện mở cửa tiếp cận và đánh chiếm các mục tiêu.

Nhờ thực hiện đúng chiến thuật mà ta giành thắng lợi lớn ở Khe Sanh. Trong trận đánh vào quận lỵ Hướng Hoá (đêm 20-1-1968), pháo binh ta bắn cấp tập vào trung tâm quận lỵ và các điểm chi viện hỏa lực xung quanh (Tà Con, điểm cao 832, 471...) tạo điều kiện cho Tiểu đoàn 7 nhanh chóng tiếp cận mục tiêu, tiến hành mở cửa xung phong đánh địch. Địch dựa vào hệ thống công sự trận địa vững chắc chống trả quyết liệt. Pháo binh chiến dịch và bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn nhanh chóng ngắm bắn trực tiếp các lô cốt, ụ súng của địch, tạo điều kiện cho bộ binh đánh chiếm. Đây là trận đánh đầu tiên có sự phối hợp chặt chẽ giữa cụm pháo binh và bộ binh vào mục tiêu công sự vững chắc của địch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Trong trận Làng Vây, khi pháo binh chiến dịch thực hiện bắn phá dồn dập vào Làng Vây và các cứ điểm xung quanh, xe tăng và bộ binh lợi dụng điều kiện thuận lợi nhanh chóng tiếp cận mục tiêu, xe tăng tích cực bắn vào các hỏa điểm địch, tạo điều kiện cho bộ binh mở cửa. Khi pháo binh vừa dừng bắn, ngay lập tức, xe tăng chiếm tuyến xung phong, dẫn dắt bộ binh xung kích diệt các mục tiêu quan trọng, nhanh chóng kết thúc trận đánh.

- Phải xác định rõ lực lượng làm nhiệm vụ thọc sâu. Trong mỗi trận đánh, nếu chiếm được sở chỉ huy (được ví như "rán mắt đầu") hoặc những mục tiêu quan trọng then chốt thì sẽ có điều kiện thuận lợi nhanh chóng kết thúc thắng lợi. Ngược lại, chừng nào những mục tiêu đó chưa bị tiêu diệt thì trận đánh sẽ kéo dài, thương vong sẽ lớn. Do đó, ta phải chuẩn bị được một

lực lượng có nhiệm vụ đánh thọc sâu (Lực lượng thọc sâu có thể là bộ binh, hoặc xe tăng kết hợp với bộ binh), chia cắt đội hình địch, đánh chiếm sở chỉ huy để giành thắng lợi. Tất cả các sở chỉ huy, những mục tiêu quan trọng then chốt đều có hệ thống công sự, các cứ điểm nhỏ dày đặc bảo vệ xung quanh. Do đó, lực lượng thọc sâu phải là một lực lượng có đủ sức mạnh, sẵn sàng tạo đột biến trong chiến đấu. Thực tế, các trận quân lỵ Hướng Hoá, Huội San, Làng Vây ta giành được thắng lợi nhanh chóng, ít tổn thất là lực lượng thọc sâu của ta chiếm ưu thế áp đảo với quân địch, thực hiện đột phá thành công vào những mục tiêu quan trọng then chốt.

#### ***3.3.4. Vận dụng linh hoạt các hình thức tác chiến.***

Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh được mở ra trên một địa bàn có nhiều loại địa hình khác nhau (đồi núi, trung du, đồng bằng, sông nước), lại thực hiện đánh địch cả trong và ngoài công sự, đánh địch chi viện đường bộ, đường không... Trong điều kiện chiến đấu như vậy nhưng quân ta vẫn thực hiện được tiêu diệt nhiều sinh lực địch, một phần quan trọng là bởi chúng ta đã vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các cách đánh khác nhau phù hợp với trạng thái của quân địch. Cụ thể ta đã linh hoạt vận dụng các hình thức chiến thuật chủ yếu sau:

- Đối với các cứ điểm riêng lẻ (cỡ một tiểu đoàn hay một tiểu đoàn tăng cường) như quân lỵ Hướng Hoá, Huội San, Làng Vây thì ta đã sử dụng lực lượng binh chủng hợp thành (có mũi thọc sâu) với sức mạnh áp đảo quân địch để tiến công nhanh chóng dứt điểm mục tiêu. Thực chất là hình thức chiến thuật đột phá trong hành tiến. Thành công ở đây còn thể hiện ở chỗ là ta đã giữ vững được những mục tiêu công sự vững chắc này. Trước đây, khi ta diệt xong một số cứ điểm địch trên mặt đất, bộ đội ta chưa có kinh nghiệm đánh hầm ngầm cũng như tổ chức đánh địch phản kích, nên khi lực lượng bên ngoài của chúng đánh vào, phối hợp với lực lượng ở hầm ngầm đánh lên thì ta buộc phải rút lui.

- Đối với căn cứ chính Tà Con, trong đợt đầu ta dùng một bộ phận hỏa lực khống chế các điểm cao xung quanh (đồi 471, 832...), bắn phá dữ dội vào sân bay và căn cứ địch, dồn chúng vào tình trạng khốn quẫn. Tuy nhiên do ta vây ép chưa mạnh nên địch chưa tổ chức lực lượng giải toả. Từ đầu tháng 2-1968, ta chuyển từ hình thức chiến thuật *vây hãm* sang hình thức chiến thuật *vây lấn*. Kỹ thuật vây lấn của ta ở đây gần giống với chiến dịch Điện Biên Phủ: ta tổ chức đào chiến hào, công sự trận địa vững chắc, giao thông hào vây lấn Tà Con. Trận địa vây lấn đó của ta ngày càng "thắt lại" xung quanh căn cứ địch, khiến cho Mỹ vô cùng lo sợ về một trận Điện Biên Phủ đối với quân Mỹ, buộc chúng phải đưa quân tăng viện, phản kích, tạo điều kiện cho ta diệt nhiều địch. Các lực lượng vây lấn của ta một mặt dựa và hệ thống công sự đào liên tiếp đánh bại những cuộc hành quân phản kích của địch; một bộ phận chuyển từ vây lấn đánh địch sang thực hiện vận động, phục kích đánh quân tăng viện khi chúng vừa đến nơi.

- Đối với quân địch ở ngoài công sự (chủ yếu là lực lượng ứng cứu, giải toả), ta đã dự đoán đúng những điểm mà địch sẽ đổ quân xuống nên ta đã bố trí sẵn lực lượng gần đó, đào công sự ẩn nấp chờ địch xuất hiện; hỏa lực của ta đã được chuẩn bị sẵn sàng đánh địch ngay cả khi chúng còn ở trên không, bắn cháy nhiều máy bay lên thẳng. Bộ đội ta còn lợi dụng địa hình bị chia cắt, lợi dụng đêm tối tổ chức những cuộc tiến công vào giữa đội hình địch khi chúng tạm dừng chân hay đang vận động.

- Ngoài đánh địch trong và ngoài công sự vững chắc, bộ đội ta ở hướng Đông đã tổ chức những trận địa chốt để cắt tuyến chi viện đường sông của địch. Dựa vào các làng xóm và sông ngòi, bộ đội đặc công hải quân, phối hợp với pháo binh và bộ binh đã thực hiện chốt tại Lâm Xuân, Bạch Cầu, Hoàng Hà, đánh lui nhiều đợt tiến công của bộ binh địch có máy bay, pháo binh, xe tăng và xe bọc thép yểm trợ. Tiêu biểu là trong các ngày 21, 22, 23 và 24-1-1968, ta đánh bại liên tiếp các cuộc tiến công của địch, diệt 547 tên, trong đó có 310 tên Mỹ, bắn cháy 7 xe tăng và xe bọc thép, bắn hỏng 3 tàu trên sông.

Đây là hình thức chiến thuật còn mới mẻ đối với bộ đội ta (cả về lý luận chỉ đạo cũng như nghệ thuật đánh địch phản kích...) nên sau một thời gian, địch chiếm được trận địa chốt của ta khai thông lại tuyến chi viện đường sông, ta phải rút lui củng cố.

Tuy nhiên, khi ta vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật đánh địch thì chúng ta lại không tập trung được lực lượng để thực hiện hình thức chiến thuật chủ yếu. Chính điều này góp phần làm hạn chế kết quả đạt được của toàn chiến dịch. Ngay từ đầu, ta đã đề ra phương châm *lấy đánh địch ngoài công sự làm chính, đánh địch trong công sự khi chắc thắng*. Trong đợt đầu của chiến dịch, ta thực hiện thành công đánh địch trong công sự ở một số cứ điểm bằng lực lượng binh chủng hợp thành nhằm "châm ngòi" kéo địch ra ngoài. Tuy nhiên trong các đợt tiếp theo, nhất là trong đợt 3 và đợt 4, lực lượng địch ứng cứu, chi viện rất đông và trong một thời gian dài, nhưng do ta không nắm vững phương châm tác chiến *chủ yếu đánh địch ngoài công sự* nên ta gặp nhiều khó khăn không thực hiện được mục tiêu đề ra, thậm chí có đơn vị đã bỏ lỡ mất một số thời cơ diệt địch. Hạn chế đó chỉ ra cho chúng ta thấy rằng: *trên cơ sở quán triệt phương châm tác chiến chủ yếu, thực hiện linh hoạt các hình thức chiến thuật nhưng phải biết xác định hình thức chiến thuật nào là chủ yếu để tập trung thực hiện nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra*.

### ***3.3.5. Kiên quyết thực hiện tư tưởng tiến công và động viên cán bộ, chiến sĩ kịp thời.***

Đảng ta đã khẳng định: "*Thắng lợi của cách mạng Việt Nam và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của tư tưởng chiến lược tiến công, đánh thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn*" [2, tr, 155]. Như vậy, tư tưởng nhất quán xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là tư tưởng chiến lược tiến công, và chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Thắng lợi của chiến dịch này trước hết là do xuất phát từ chỗ nhận định về sức mạnh có hạn của địch, về những điểm yếu mà địch không thể khắc phục được; đồng thời không ngừng phát huy những

điểm mạnh của ta, cơ quan chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam ngay từ đầu đã đề ra đường lối kiên quyết tiến công địch, tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ nhằm tiêu hao, tiêu diệt ngày càng nhiều sinh lực địch, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Tại chiến trường Đường số 9 - Khe Sanh, ta đã tổ chức đánh cả trong công sự vững chắc, đánh địch đồ bộ đường không, đường bộ chi viện, đánh địch phản kích, đánh địch rút chạy. Quân địch dù ở trạng thái nào (đang tạm dừng, vận động hay phòng thủ trong công sự vững chắc) đều bị ta tiến công, tiến công liên tục bằng nhiều hình thức chiến thuật khác nhau. Do bị bao vây và bị đánh ở khắp nơi trên một địa bàn rừng núi hiểm trở mà quân Mỹ buộc phải rút lui khỏi Khe Sanh - một căn cứ mà trước đây họ khẳng định là "không thể rút bỏ". Đây là một thất bại nặng nề của Mỹ bởi "*việc rút lui Khe Sanh không phải đơn giản bỏ rơi một yếu điểm mà là bỏ rơi một ảo tưởng và một chính sách. Tất cả nỗ lực của Hoa Kỳ dựng lên đã tan ra tro như những pháo đài ximăng cốt sắt ở Khe Sanh*" [23, tr. 19].

Cần phải nói thêm rằng trong điều kiện chiến đấu vô cùng ác liệt, hy sinh tổn thất to lớn mà quân ta ở chiến trường Đường số 9 - Khe Sanh vẫn giữ được *thế trận tiến công địch* liên tục từ khi mở màn cho đến khi kết thúc chiến dịch là một điều phi thường. Trong điều kiện mưa bom bão đạn dội xuống hàng ngày, các chiến sĩ Quân giải phóng vẫn kiên cường bám trụ dài ngày, đánh địch ngay cả khi bị thương nghiêm trọng. Có tiểu đoàn chỉ còn lại vài trăm quân nhưng vẫn tổ chức tiến công địch, liên tục bám đánh địch suốt ngày đêm. Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 mặc dù điều kiện chuẩn bị tiến công chi khu quân sự Cam Lộ rất gấp (chỉ có 2 ngày chuẩn bị), phải tiến công vào cứ điểm mạnh của địch, biết sẽ chịu nhiều hy sinh, tổn thất nhưng toàn đơn vị đều "*thể hiện tinh thần chấp hành nghiêm túc mệnh lệnh, quyết tâm chiến đấu, dám chấp nhận hy sinh vì thắng lợi chung*" [63, tr. 40]. Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 trên hướng tiến vào vây lấn Tà Con, bị máy bay B52 ném bom làm thương vong trên 200 người. Có ý kiến đề nghị đưa đơn vị ra củng cố nhưng cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 vẫn xin cấp trên cho đơn vị tiếp

tục thực hiện vây lấn đánh địch. Bộ đội xe tăng lần đầu tiên ra trận cũng nêu cao quyết tâm: "*Kiên quyết đánh thắng trận đầu, một xe, một người cũng quyết đánh, nếu phải chuyển sang đánh ban ngày cũng quyết đánh cho đến khi thắng lợi*" [37, tr. 54]...

Để tạo nên những chiến công thần kỳ đó, Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã luôn bám sát tình hình diễn biến chiến sự, vẫn đi sâu, đi sát chỉ đạo từng đơn vị, từng bộ phận, động viên cán bộ, chiến sĩ kịp thời. Ngay khi ta nổ súng tiến công địch, một số nhà văn, phóng viên cùng với Đoàn văn công Quân khu 3 vào chiến trường Đường số 9 - Khe Sanh để cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ. Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã viết cuốn tiểu thuyết *Dấu chân người lính* ca ngợi những chiến sĩ Khe Sanh; đồng chí Chu Nghi đã viết vở kịch *Bên hàng rào Tà Con* được anh chị em văn công biểu diễn phục vụ cán bộ, chiến sĩ ngay tại chiến trường. Có buổi biểu diễn nhiều người xem, có buổi các chiến sĩ nghe qua điện đàm. Không những thế, trong quá trình chiến đấu và ngay sau khi chiến dịch kết thúc, cán bộ chiến sĩ toàn chiến dịch đã nhận được những lời khen ngợi, tuyên dương của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã gửi thư động viên, khen ngợi. Nhờ có sự động viên, chỉ đạo kịp thời, mỗi cán bộ chiến sĩ đều phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng chiến đấu quên mình vì nền độc lập tự do cho Tổ quốc. Người trước ngã, người sau lại tiến lên, phân đội này suy giảm sức chiến đấu thì ngay lập tức phân đội khác lên thay thế; từ người chỉ huy, cán bộ đến chiến sĩ đều hướng ra trận địa, chịu mọi gian khổ, hy sinh, mặt đối mặt với quân thù. Họ đã chiến đấu theo lý tưởng cao đẹp, ý chí bất khuất, hiên ngang của một dân tộc anh hùng<sup>1</sup>. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong Hồi ký của mình đã phải thú nhận rằng, một trong những nguyên nhân dẫn nước Mỹ đi đến thảm họa tại Việt Nam là: "*chúng ta (Mỹ) đánh giá thấp*

---

<sup>1</sup> Thiếu tướng Hoàng Đan kể lại về trận đánh Khe Sanh: "*Tôi thực sự khâm phục và rất xúc động khi gặp một trung đội máy 12,7 mm lên thay đơn vị bạn mất sức chiến đấu. Họ cười nói với tôi: Thủ trưởng xem có gì ăn được cho anh em ăn thêm, lần này chắc anh em không về nữa đâu! Họ biết lên điểm cao 471 chắc chắn khó tránh khỏi thương vong nhưng vẫn vui vẻ làm nhiệm vụ*" [65, tr. 130].



*sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó" [46, tr. 287].*

## KẾT LUẬN

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam với đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975 "*Mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc*" [25, tr. 38]. Trong suốt 21 năm kháng chiến trường kỳ gian khổ ấy, quân và dân Việt Nam đã vượt qua bao gian nan, thử thách, hy sinh, làm nên những chiến công vang dội, tạo ra những thay đổi quan trọng trong cục diện chiến trường, khiến kẻ thù phải kinh hoàng, suy giảm ý chí xâm lược. Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh Xuân - Hè 1968 là một trong những chiến công như thế. Hơn 40 năm đã trôi qua, chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh mãi đi vào lịch sử như là một bất bại cay đắng của Mỹ, một thành công về *chỉ đạo chiến lược* của ta.

Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã diễn ra trên một địa bàn có tầm quan trọng chiến lược của cả ta và địch. Ngay từ đầu, ta đã xác định mục tiêu cao nhất là thực hiện *đòn nghi binh chiến lược*, lôi kéo càng nhiều càng tốt lực lượng quân Mỹ ra chiến trường này, tiếp tục thực hiện giam chân, tiêu diệt chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tiến công của quân và dân ta vào hầu khắp các đô thị trên toàn miền Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Để đạt được yêu cầu đề ra, ta đã huy động nhiều sư đoàn chủ lực, nhiều quân binh chủng kỹ thuật để tạo nên một chiến dịch quân binh chủng hợp thành có đủ sức mạnh để chiến đấu.

Trải qua 177 ngày đêm chiến đấu liên tục trong điều kiện vô cùng ác liệt, chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã kết thúc thắng lợi. Lần đầu tiên trong lịch sử cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, chiến trường nơi đây đã được nhớ đến như là nỗi kinh hoàng của quân Mỹ, làm chính quyền Mỹ hoang mang, lo sợ và người dân Mỹ thì sững sờ, lo lắng. Làm nên chiến

thắng vang dội ấy trước hết là nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình của cơ quan chỉ đạo chiến lược, nhờ có việc phát huy cao độ tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của mỗi cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch, cũng như sự đoàn kết quân dân một lòng thủy chung, keo sơn, gắn bó... Tất cả những yếu tố ấy kết hợp lại tạo thành sức mạnh tổng hợp, sức mạnh vượt lên trên *"trí tưởng tượng của các nhà quân sự Hoa Kỳ"* trong cuộc đụng đầu lịch sử.

Đây là chiến dịch mà lần đầu tiên ta sử dụng nhiều quân binh chủng hợp thành (trong đó có quân binh chủng lần đầu tiên ra trận) với các loại vũ khí tương đối hiện đại, giao chiến với những đơn vị mạnh của địch trên một địa bàn hiểm trở trong một thời gian dài. Vì vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, ta cũng gặp phải một số hạn chế nhất định. Tuy nhiên, thắng lợi vẫn là cơ bản. Từ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế gặp phải, chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh đã để lại cho chúng ta những bài học, kinh nghiệm chiến đấu rất quý báu. Những bài học, những kinh nghiệm chiến đấu ấy đã được ta phát huy trong các trận đánh, chiến dịch tiếp theo, đặc biệt nó *"đóng góp nhiều kinh nghiệm thiết thực cho các chiến dịch tiếp theo như chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào (1971), chiến dịch tiến công chiến lược năm 1972 giành thắng lợi to lớn hơn"* [35, tr. 5]. Còn John Prados thì quả quyết rằng: *"Nếu không có những kinh nghiệm thu được ở Khe Sanh thì Bắc Việt Nam chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn rất lớn trong thời gian sau"* [79, tr. 518].

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN VĂN

1. Trần Hữu Huy: *Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh Xuân Hè 1968 - Một thành công về chỉ đạo chiến lược của ta*, Tạp chí Lịch sử Đảng, tháng 7-2008.
2. Trần Hữu Huy: *Trận Khe Sanh Xuân Hè 1968 - Đôi điều nhìn lại*, Tạp chí Lịch sử quân sự, tháng 7-2008.
3. Trần Hữu Huy: *Mặt trận Đường 9 - bắc Quảng Trị - Một trong những chỉ đạo chiến lược xuất sắc của Đảng trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước*, Tạp chí Lịch sử Đảng, tháng 12-2008.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Giô-dep Am-tơ (1985), *Lời phán quyết về Việt Nam*, Sách dịch, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Binh chủng Pháo binh - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2004), *Lịch sử ngành Hậu cần Pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
4. Mai Văn Bộ (1985): *Tán công ngoại giao và tiếp xúc bí mật*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
5. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị (1985), *Quảng Trị - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
6. Bộ Quốc phòng - Bộ Tư lệnh Đặc công (2007), *Lịch sử Bộ đội Đặc công Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
7. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1987), *Chiến dịch tiến công Đường số 9 - Khe Sanh (xuân - hè 1968)*, Hà Nội.
8. Bộ quốc phòng - Viện lịch sử quân sự VN (1988), *Hướng tiến công Sài Gòn - Gia Định (năm 1968)*, Hà Nội.
9. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2001), *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
10. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2001), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Tập 5 (Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2001), *Lịch sử Mặt trận Đường 9 - bắc Quảng Trị (1966 - 1973)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
12. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2002), *Quân đội nhân dân Việt Nam - Biên niên sự kiện*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
13. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1954)*, Tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
14. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (2005), *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)*, NXB QĐND, Hà Nội.
15. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2003), *Tổng kết chiến dịch trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
16. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2008), *Về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
17. Bộ Tư lệnh Hải quân (2005), *Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam (1955 - 2005)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
18. Nigel Cawthorne (2007), *Chiến tranh Việt Nam - được và mất (Hay những bài học từ cuộc chiến tranh Việt Nam)*, Nxb Đà Nẵng.
19. *Chiến sỹ Khe Sanh* (1969), Nxb Phổ thông.
20. *Chiến trường Trị - Thiên - Huế trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (1985), Nxb Thuận Hoá.
21. Lê Duẩn: *Thư vào nam* (1986), Nxb. Sự thật, Hà Nội
22. Văn Tiến Dũng (2005): *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
23. *Dư luận phương Tây về Khe Sanh*, Nxb Phổ thông, 1968.
24. *Đại thắng Khe Sanh* (1968), Sở Thông tin Hải Phòng.

25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977): *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003): *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 28 (1967), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004): *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 29 (1968), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đa-vít-son (1995), *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*. Sách dịch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Võ Nguyên Giáp (1964): *Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
30. Trần Văn Giàu (1978), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập 5, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. L. B. Giôn-xơn (1972), *Về cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam*, Thông tấn xã Việt Nam.
32. George C. Herring (1998), *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Hồ Khang (2005), *Tết Mậu Thân 1968 - Bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb Quân đội nhân dân.
34. Lê Kim (1995), *Tướng Oét-mo-len trong cuộc chiến tranh Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
35. Lê Kim (1998), "Tướng Oét-mo-len và trận Khe Sanh", *Tạp chí Lịch sử quân sự*, tháng 3-1998, tr.21-23.
36. Gabriel Kolko (2003), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
37. *Lịch sử Binh chủng Thiết giáp Quân đội nhân dân Việt Nam*, (1982), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
38. *Lịch sử Pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam (1991)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

39. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)* (2005), Nxb Quân đội nhân dân.
41. *Lịch sử Sư đoàn 308 quân tiên phong* (1999), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
40. Lưu Văn Lợi (1996), *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945 - 1995*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
41. Mai-cơ Mác-lia (1990), *Việt Nam- Cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
42. *Mấy vấn đề về chỉ đạo chiến lược trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1945)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
43. *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến*, Tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993.
44. *Hồ Chí Minh toàn tập* (1996), Tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Bernard C. Nalty (1987), *Chiến tranh Việt Nam - Lịch sử có minh họa cuộc xung đột ở Đông Nam Á*, Trung tâm thông tin khoa học và kỹ thuật quân sự dịch.
46. R.S McNamara (1995), *Nhìn lại quá khứ - tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
48. A. V. Nikin (1979), *Nước Mỹ*, Tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
49. Đa-vít R. Panmơ (1987), *Tiếng kèn gọi quân*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
50. J. Pimlott (1997), *Việt Nam - Những trận đánh quyết định*, Trung tâm thông tin khoa học - công nghệ - môi trường Bộ Quốc phòng.
51. Pi-tơ A. Pulơ (1985), *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Nichxon*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
52. Trần Văn Quang (1988), "Huế - 25 ngày đêm", Tạp chí Lịch sử quân sự, tháng 2-1988.



53. Quân đội nhân dân Việt Nam (1988), *Công tác hậu cần chiến dịch Đường 9 Khe Sanh Xuân Hè 1968*, Tổng cục Hậu cần.
54. Quân khu 4 - Huyện uỷ, UBND huyện Hương Hoá, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1998), *Giải phóng Khe Sanh - Hương Hoá Mậu Thân 1968*, Hội thảo khoa học, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
55. Lê Quốc Sản (1991), *Cuộc đọ sức thần kỳ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
56. Neil Sheehan (2003), *Sự lừa dối hào nhoáng*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
57. H.Y. Schandler (1999), *Sự nghiệp của một tổng thống bị đổ vỡ: L. Johnson và Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
58. G. Sharp, *Chiến lược thất bại - Hồi ức về Việt Nam*, Tài liệu lưu tại Thư viện Quân đội trung ương, Ký hiệu 355V (09)/T-9509.
59. R. Stê-ven (1978): *Hy vọng hảo huyền, thực tế phũ phàng, những hậu quả kinh tế của chiến tranh Việt Nam*, Viện TTKHXXH - UBKHXXH Việt Nam, Hà Nội.
60. *Sư đoàn 304* (1990), Tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
61. *Sư đoàn 324* (1992), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
62. *Sư đoàn 325* (1986), Tập 2 Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
63. *Sư đoàn Đồng bằng*, Tập III (Bình đoàn Tây Nguyên) (1984), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
64. *Tài liệu mật Lầu Năm góc*, Tập 2, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam dịch. Ký hiệu kho VL781/82.
65. Thành uỷ - UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1998), *Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân - 1968*, Hội thảo khoa học, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
66. Hoàng Minh Thảo (1995), *Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

67. Nguyễn Huy Toàn (2005), *30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
68. *Tóm tắt Tổng kết chiến tranh Việt Nam của Bộ Quốc phòng Mỹ*, Thư viện Quân đội trung ương sao lục, 1982.
69. Tổng cục Hậu cần (1988), *Công tác hậu cần chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh xuân hè 1968*, Hà Nội.
70. Giôn Ton-son (1979), *Cơ động đường không 1961 - 1971*, Phòng Khoa học quân sự Không quân lược dịch.
71. Nguyễn Xuân Tú (2003), *Đảng chỉ đạo giành thắng lợi từng bước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thời kỳ 1965 - 1975*, Nxb Lao động.
72. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - Bộ Tư lệnh binh chủng Tăng - Thiết giáp (1996), *Lịch sử nghệ thuật sử dụng Tăng - Thiết giáp trong chiến dịch (1959 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

### **Tiếng Anh**

73. Peter Braestrup (1994), *Big story*, Presidio Press.
74. Dorothy and Thomas Hoobler (1990), *Vietnam - Why we fought*, Alfred A. Knopf, New York.
75. Donald J. Mrozek (1989), *Air power and the ground war in Vietnam*, Washington.
76. James S . Olson (1988), *Dictionary of the Vietnam War*, New York - Westport, conecticut - London.
77. General Bruce Palmer, Jr (1984), *The 25 - year war, America' s Military role in Vietnam*, The university Press of Kentucky.
78. John Prados (1995), *The hidden history of the Vietnam war*, Chicago.
79. John Prados and Ray W. Stubbe (1991), *Valley of decision - The siege of Khe Sanh*, Houghton Mifflin Company, New York.

80. Earl H. Tilford, Jr (1991), *Set up What the Air Force did in Vietnam and Why*, Air university Press.
81. William C. Westmoreland (1976), *A solder' s report*, Garden City, Doubleday and Company.

## **PHỤ LỤC**

Phụ lục 1

**Tôn thất của ta năm 1968**

Nguồn: Cục Tác chiến, số 124/Tgi, hồ sơ 1103 (14-2-1969)

<b>Chiến trường</b>	<b>Hy sinh</b>	<b>Bị thương</b>	<b>Mất tích</b>	<b>Bị bắt</b>	<b>Lạc</b>	<b>Đào ngũ</b>	<b>Đầu hàng</b>	<b>Tổng (không kể đào ngũ)</b>	<b>Vũ khí mất</b>	<b>So sánh thiệt hại - ta</b>
Đường 9	3.994	6.868	450	20		2500	5	11337	3110	3/1
Trị Thiên	4.862	6628	883	58	496	1189	4	12941	3272	6/1
Đồng bằng Khu 5	10.732	11685	417	149	200	1700	66	23244	10044	6/1
Tây Nguyên	3.436	7771	650	10	332	50	7	12206	2285	3/1
Khu 6	1.254	1598	66	33		97	10	2960	489	8/1
Khu 10	440	766	78	1		79	19	1304	80	9/1
Đông Nam Bộ	14.121	17752	1907	338	237	462	88	34447	3317	5/1
Khu 8	2.484	3397	31	211		3112	182	6305	1402	10/1
Khu 9	3.501	4802	1129	92		1200	25	8549	2899	8/1
<b>Toàn Miền</b>	<b>44.824</b>	<b>61267</b>	<b>4511</b>	<b>912</b>	<b>1265</b>	<b>10899</b>	<b>416</b>	<b>113295</b>	<b>27801</b>	<b>6/1</b>

(Dẫn theo: Hồ Khang: *Tết Mậu Thân 1968 - bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb QĐND, H, 2005, tr.362)

Phụ lục 2

**Số lượng đạn tiêu thụ trong chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh**

**A- Hướng Tây**

<b>Đợt</b>	<b>Đ74</b>	<b>ĐKB</b>	<b>A12</b>	<b>Cối 82</b>	<b>Cối 120</b>	<b>Cộng</b>
Đợt 1	1379 V	432 V	51 V	1154 V	184 V	3200 V
Đợt 2	2402	269	263	2886	403	6223
Đợt 3	1550	684	145	1354	312	4045
Đợt 4	1588	106	173	1841	125	3933
<b>Tổng số</b>	<b>6919</b>	<b>1491</b>	<b>732</b>	<b>7235</b>	<b>1024</b>	<b>17401</b>

**B- Hướng Đông (tính đến 31-3-1968)**

Loại	Pháo 152 mm	Pháo 130 mm	Pháo 105 mm	Pháo 100 mm	Pháo 85 mm	Sơn pháo 1975	A 12	ĐKB	H12	Cối 120 mm	Cối 82 mm
Tổng số	1342 V	3638 V	2817	2521	4216	1387	1510	475	303	610	3106

(Nguồn: Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Chiến dịch tiến công Đường số 9 - Khe Sanh xuân hè 1968*, Hà Nội, 1987, tr.79).

Phụ lục 3

**Tình hình thực hiện Kế hoạch quân nhu  
Chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh**

Đơn vị tính: Tấn

STT	Loại	Từ tháng 12-1967 đến 30-6-1968		
		Kế hoạch	Thực hiện	Đạt (%)
1	Gạo tẻ	8600	7798,325	90,6
2	Gạo đồ	900	169,571	18,84
3	Lương khô	100	76,366	76,36
4	Thực phẩm	1100	618,477	56,22
5	Muối	300	294,23	98
6	Đường sữa	400	308,595	77
7	Quân trang	100	64,378	64,3
8	Bách hoá	290	190,330	62
9	Dụng cụ cấp dưỡng	100	50	50
	<b>Tổng số</b>	<b>11890</b>	<b>9570,338</b>	<b>80%</b>

(Nguồn: Công tác hậu cần chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh xuân hè 1968, Tổng cục Hậu cần, 1988, tr.356).

#### Phụ lục 4

### **Điện của chủ tịch Hồ Chí Minh\***

*Kính gửi: Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam.*

Quân và dân Trị Thiên - Huế đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu dũng cảm, vừa rồi đã chiến thắng oanh liệt, đánh đuổi hàng vạn quân tinh nhuệ nhất của Mỹ phải rút chạy khỏi Khe Sanh với những tổn thất rất nặng nề. Đó là một thất bại lớn của Mỹ, một thắng lợi lớn của ta.

Cuộc thắng lợi của ta ở Khe Sanh tỏ rõ mưu lược và sức mạnh vô địch của quân, dân và cán bộ ta, nó góp phần xứng đáng vào thắng lợi to lớn của miền Nam từ đầu xuân đến nay. Cùng với những thắng lợi của ta ở các chiến trường khác, nó mở đường cho những thắng lợi to lớn hơn nữa. ở miền Bắc, vừa lập chiến công bắn rơi 3.000 máy bay giặc Mỹ, thắng lợi vẻ vang của Khe Sanh càng giục giã quân và dân miền Bắc cố gắng hơn nữa, bắn rơi nhiều máy bay giặc Mỹ hơn nữa. Giặc Mỹ tuy thua, nhưng vẫn rất ngoan cố. Đồng bào, chiến sĩ và cán bộ ta phải luôn luôn cảnh giác, liên tục đánh mạnh, đánh thắng.

*Nam Bắc một lòng ra sức đánh giặc  
Thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.*

Tôi nhờ Chủ tịch và các vị chuyển đến đồng bào, chiến sĩ và cán bộ toàn miền Nam, đặc biệt là đồng bào, chiến sĩ và cán bộ mặt trận Khe Sanh lời khen ngợi liệt nhiệt nhất.

*Chào thân ái và quyết thắng!*

*Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 1968*

**Hồ Chí Minh**



---

\* Trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr.369.